



HOÀNG TRỌNG THƯỢC

TINH THẦN TRÀO PHÚNG  
TRONG THI CA XỨ  
**HUẾ**



IN LẦN THỨ NHẤT

1973



## CÙNG MỘT TÁC-GIẢ :

### *Đã xuất bản :*

- HƯƠNG-BÌNH THI-PHẨM :  
(tập 1) năm 1962 (thi-tuyễn)
- THI-CA CHÂM-BIẾM VÀ TRÀO-LỘNG V.N. :  
năm 1970 (thi-tuyễn và khảo-cứu)
- TIHH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG  
THI-CA XỨ HUẾ :                 năm 1973 (khảo-cứu)

### *Sẽ xuất bản :*

- HƯƠNG-BÌNH THI-PHẨM : (tập 2) (thi tuyễn)
- NGHỆ-THUẬT TRÀO-PHÚNG  
TRONG THI-CA V.N. :                      (khảo-cứu)
- VUA DUY-TÂN :                              (lịch-sử ký-sự)

TÁC-GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

**HOÀNG-TRỌNG-THƯỢC**

**tinh thần trào phúng  
trong thi ca xứ huế**

**1973**

# MỤC LỤC

TRANG

MỤC-LỤC . . . . .	6
TƯA . . . . .	9
LỜI NÓI ĐẦU . . . . .	13
1— MỘT NÀNG CÔNG-CHÚA YẾM-THÉ . . . . .	17
2— MỘT ÔNG HOÀNG LÃNG-MẠN . . . . .	19
3— MỘT CÁCH TRẢ THỦ ĐỘC ĐÁO . . . . .	23
4— MIỆNG THÉ-GIAN . . . . .	25
5— RĂNG CÂN LƯỚI . . . . .	27
6— TRÊU VUA . . . . .	29
7— NHÀ VUA CHƠI CHỮ . . . . .	33
8— VỀ NGƯ-CHÉ CHÂM-BIẾM CÁC QUAN . . . . .	35
9— NHỮNG BÀI THƠ GÂY RA THẨM HỌA TÀY TRỜI . . . . .	39
10— NHỮNG CÂU CA-DAO CHÂM-BIẾM VIỆC XÂY CÁT KHIÊM-LÃNG . . . . .	49
11— BỐN «ANH HÙNG» NƯỚC NAM . . . . .	59
12— TRÊU QUAN ĐẠI-THÀN . . . . .	75
13— VUA THÀNH-THÁI: MỘT ÔNG VUA HOANG DÂM HAY ÁI-QUỐC . . . . .	79
14— VUA DUY-TÂN: MỘT ANH HÙNG DÂN-TỘC . . . . .	97

15— LÀM VỢ VUA . . . . .	117
16— BÀI VĂN-TẾ ĐÚA TRÈ ĐÈ HOANG . . . . .	127
17— BÀI VĂN VỢ CHÍNH TẾ VỢ HÀU . . . . .	131
18— ÔNG GIÀ GÂN . . . . .	137
19— LÊN ĐÈO XUỐNG ÂI . . . . .	141
20— LÀM THƠ ĐƯỢC VỢ . . . . .	145
21— THÂN LUƠN . . . . .	147
22— CON VOI . . . . .	149
23— ĐÒN NGÀM CỦA NHÀ NHO . . . . .	151
34— VỊ TÌNH, VỊ TIỀN . . . . .	155
25— NHỮNG BÀI THƠ CÀU-KỲ . . . . .	157
26— CHƠI CHỮ VÀ NÓI LÁI .. . . . .	163
27— TIỆC QUÁ . . . . .	169
28— CON CÒ VÀ CÁI HİM . . . . .	173
29— ĐÀO VI THƯỢNG SÁCH . . . . .	177
30— CUỘC CHÍNH-BIẾN NĂM 1933 . . . . .	185
31— CHÂU HOÀNG-ĐẾ . . . . .	191
32— NHƯ DÂY BUỘC MÌNH . . . . .	197
33— NÀM GỐC CÂY SUNG . . . . .	199
34— BIA KỶ-NIỆM CHÓ . . . . .	201
35— LÀM THƠ SUÝT BỊ TÙ . . . . .	203
36— CÔ GÁI HUẾ . . . . .	207
37— TRÒ ĐEN BẠC . . . . .	211
38— SANH-ĐIỀU . . . . .	213
39— TIỆC MỪNG CỬU TUẦN THƯỢNG THỌ . . . . .	219
40— « CÁM TREO HÈO NHIN ĐÓI » . . . . .	221
41— THUYỀN-QUYÊN TRUNG-BỘ . . . . .	225

42— MỘT TRÒ CHƠI LÝ-THÚ	.	.	.	.	.	229
43— NHÀ NGỌC PHUN CHÂU	.	.	.	.	.	233
44— NỐI GÓT HÒ-XUÂN-HƯƠNG	.	.	.	.	.	235
45— MÃ-TƯỚC	.	.	.	.	.	239
46— ĐÁ GÀ	.	.	.	.	.	241
47— LÀM THƠ BỊ KIỆN	.	.	.	.	.	243
48— KHÔNG CHỒNG	.	.	.	.	.	247
49— THÁM-HIỀM CUNG-TRĂNG	.	.	.	.	.	251
50— HAI CẢNH CHẠY LOẠN	.	.	.	.	.	253
51— THƠ ÁM-DỤ	.	.	.	.	.	265
KẾT LUẬN	.	.	.	.	.	279

# TỰA

Trước hết, tôi xin thành thật cảm ơn Ông Hoàng-trọng-Thược đã có nhã ý đưa cho tôi xem trước bốn thảo tập khảo-cứu này nhan-de là «TINH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG THI-CA XỨ HUẾ», để nhờ tôi đề tựa. Nhưng thật ra, tôi xin cảm ơn Hoàng tiên-sinh nhiều hơn hết về những thích-thú mà tôi đã được hưởng trong khi đọc tập khảo-cứu này mà Tiên-sinh đã dày công sưu-tầm và biên soạn.

Thật vậy, trước kia, khi đọc các tám-phàm khảo-cứu cùng loại của ông Lãng-Nhân Phùng-tất-Đắc nhan-de là «GIAI-THOẠI LÀNG NHO» và «CHƠI CHỮ», tôi đã cảm thấy thích-thú nhiều lắm. Nay được đọc tác-phàm «TINH-THẦN TRÀO-PHÚNG TRONG THI-CA-XỨ HUẾ» của Hoàng tiên-sinh, tôi cũng cảm thấy thích-thú không kém. Thật là một bên tám lạng, một bên nửa cân.

Những câu chuyện có thực mà Tiên-sinh đã kè lại chứa đựng một tinh-thần hài-hước cao độ, vừa thanh-nhã, vừa sâu-sắc, vừa tế-nhị, rõ là một tinh-thần hài-hước đặc biệt Á-Đông. Những bài thơ trào-phúng mà Tiên-sinh đã ghi lại. thật là thâm-trầm và ý-nhị. Đã thế, lối kè chuyện của Tiên-sinh lại rất dí-dòm và lôi-cuốn, khiến cho tôi, sau khi đã đọc xong một chuyện rồi, phải đọc tiếp chuyện kế theo, không thè nào dừng lại được nữa, cho đến khi đọc hết trang cuối cùng rồi mà vẫn muốn đọc trở lại từ đầu, chứng tỏ tập sách có sức hấp dẫn biết chừng nào.

Nội-dung phong-phú của tác-phẩm chúng tôi Tiên-sinh đã đọc nhiều và nhớ cũng nhiều. Tiên-sinh đã có công rọi ánh sáng vào một vài giai-đoạn rất mù mờ của nước nhà như là triều-đại của các vua Thành-Thái và Duy-Tân, mà các sách lịch-sử chỉ nói phớt qua hoặc không hề đả động đến. Tiên-sinh cũng đã nhắc lại một vài cõi-tục hay của xứ Huế như là sắm « Thợ-Đường », trò chơi « thả thơ », lễ « sanh-điếu », v.v... mà chúng ta rất tiếc là ngày nay không còn nữa. Lối hành-văn của Tiên-sinh biều-lộ một ngòi bút khá điêu luyện, đã từng được chúng tôi trong hai tác-phẩm mà Tiên-sinh đã cho ra đời vào các năm 1962 và 1970 : đó là các tập « Hương-Bình-Thi-phẩm » và « Thi-ca châm-biếm và trào-lộng Việt-Nam » mà nhiều nhà văn hiện nay thường trích dẫn.

Giữa lúc chúng ta sống một cuộc sống đầy ưu-tư, ăn bữa nay lo chạy bữa mai, đêm đêm vẫn còn nghe

tiếng súng từ xa vọng về, đọc được một cuốn sách khá dĩ làm cho chúng ta quên đi, dù trong chốc lát, những nỗi ưu tư ấy, nó đè nặng lên tâm hồn của chúng ta hằng ngày, không phải bắt cứ lúc nào chúng ta muốn thì cũng được. Cho nên, sau khi đọc tập « Tinh-thần trào-phúng trong thi-ca xứ Huế » của Hoàng tiên-sinh, trong đó tôi đã có dịp thường-thức biết bao nhiêu là cái hay, cái đẹp, cái thâm thúy, cái tể-nhị cá biệt của nền thi-ca trào-phúng Cố-đô, tôi rất vui lòng ghi lại mấy dòng này gọi là « TỤA » hay là cảm tưởng của tôi thì đúng hơn, trước là đè cảm ơn tác-giả về những giây phút sảng-khoái tinh-thần mà ông đã cho tôi, và sau là đè xin giới thiệu với độc-giả cuốn sách giá-trị này.

Huế, ngày 1 tháng 6 năm 1973

ĐẠI-THANH



## LỜI NÓI ĐẦU

Dân-tộc Việt-Nam là một trong những dân-tộc có tinh-thần trào-phúng nhất thế-giới. Tinh-thần đó được bộc lộ bất-cứ ở hoàn-cảnh nào, dù bi-đát đến đâu chăng nữa :

Tương truyền rằng năm 1854, sau khi khởi loạn chống lại Triều-đình Huế bị thất bại, ông Cao-bá-Quát bị bắt giam, chân tay đều bị xiềng xích. Tuy vậy, nhà thơ cách-mạng vẫn còn giữ được tinh-thần trào-phúng, nên đã từc cảnh ngâm hai câu thơ :

« Một chiếc cùm lim ngồi thẽ đẽ »

« Ba vòng xích sắt bước thì vương ! »

Và đến khi bị khép vào tử tội, lưỡi gươm đao-phủ đã kè vào cổ, Cao-bá-Quát còn ứng khẩu đọc rằng :

« Ba hòn trống dục dù cha kiếp,

« Một nhát gươm đura đéo mẹ đời ! »

Thật ra, trào-phúng là một tình-tý cõi-hữu của người Việt-Nam. Chính nhờ tinh-thần trào-phúng mà con người

Việt luôn luôn vẫn duy-trì được bản-sắc nòi-giống qua bao nhiêu thăng-trầm, biến-đổi của đất nước trước những nguy cơ đe-họ, đồng-hoa, tiêu-diệt. Tình-thần trào-phúng là một lợi-khi sắc bén giúp cho con người Việt vui vẻ, tin tưởng và phẫn đấu. Do đó, trào-phúng đã thành một dân-tộc-tinh của người Việt-Nam.

Tiếng cười ở ngoài đời đã chuyển sang địa-hạt nghệ-thuật, kết tinh nên một kho tàng vô giá của dân-tộc: văn-chương trào-phúng Việt-Nam.

Mỗi địa-phương, mỗi thời-ky lịch-sử đều có một thứ văn-học trào-phúng riêng đại-biều cho ý-thức tư-tưởng của địa-phuong đó, của thời-ky lịch-sử đó, nói lên thái-độ của mọi tầng lớp xã-hội trước chính-tình đương thời hay trước nhân-tình thế-thái. Văn-học trào-phúng Việt-Nam sở dĩ phong-phú là vì vậy.

Điều về nền văn-học trào-phúng của cố-đô Huế, qua các thi-ca tuyên chọn ghi lại dưới đây (\*), ai cũng có thể nhận thức được rằng nền văn-học đó có một cá-tính rất là đặc-đáo, nói lên tinh-thần trào-phúng cao độ của các thi-si miền sông Hương núi Ngự. Đặc biệt, nghệ-thuật chơi chữ và nói lái của các thi-si ấy, có thể nói là đã đạt đến mức tinh-vi. Những cốt chuyện hài-hước được kể lại trong tập sách này, điểm xuyết bởi những bài thơ dí dỏm và tài tình, đều là những chuyện có thật một trăm phần trăm. Duy có điều tên họ của các nhân-vật chính trong truyện nhiều khi phải được ngụy-trang đi để khỏi làm phật lòng các người trong cuộc hoặc là con cháu họ, mong quý vị đọc giả thông cảm.

Chúng tôi biên soạn tập khảo cứu này không ngoài

mục - đích ghi lại cho hậu - thế một số thi - ca trào - phúng đặc sắc của cố - đô Huế,—mà một phần lớn chưa hề được ấn - hành,—trước là để cho số thi - ca đó khỏi bị mai một với thời - gian, và sau là để góp một phần nhỏ mọn vào kho tàng văn - học trào - phúng của nước nhà Nếu chúng tôi đạt được một phần nào hoài - bảo sau, thì đó là một phần thưởng tinh - thần quý giá dành cho công - trình biên - khảo này vây.

Nhơn dịp này, chúng tôi xin thành thật cảm ơn các bậc tiền - bối như các Cụ Tôn - thắt - Sa, Lê - thanh - Cảnh, Tôn - thắt - Tốn, Ưng - Thuyên, Nguyễn - ngọc - Sinh, Nguyễn - bá - Nhiệm và các bạn Phan - văn - Đật, Nguyễn - đôn - Dư, Trần - Văn - Trường, Võ - văn - Triêm, Thái - văn - Kiêm, đã sot sắng cung cấp cho chúng tôi tài - liệu hoặc thi - liệu, nhờ đó mà nội - dung của tập biên - khảo này được thêm phần phong - phú.

Sau hết, chúng tôi cũng xin nồng nhiệt cảm tạ Phủ Quốc - vụ - Khanh Đặc - Trách Văn - Hóa đã yêm - trợ chúng tôi về mặt tài - chánh để cho công việc ấn - hành tập sách này được thực - hiện viên mãn.

Saigon, ngày 15 tháng 08 năm 1973

HOÀNG - TRỌNG - THƯỢC

---

(\*) Các thi - ca này gồm cả một số thi - phàm sáng tác tại Huế do những thi - sĩ tuy không sanh tại cố - đô nhưng đã chịu ít nhiều ảnh - hưởng của sông Hương núi Ngự vì đã sống tại đây trong một thời - gian dài.



## MỘT NÀNG CÔNG-CHÚA YẾM-THẾ

Dưới Triều Nguyễn, có một nàng công-chúa em vua Minh-Mạng, vừa trẻ vừa đẹp, nhưng chán đời. Nhà vua đã kén cho nàng một nho-sinh tuấn-tú để làm phò-mã, nhưng nàng từ chối, rồi, sợ bị ép duyên, bỏ cung cấm trốn vào tỉnh Quảng-Nam lên ở tu chùa Non-Nước trên núi Ngũ-Hành.

Vua cho mấy vị quan lên chùa đón nàng về cung, nàng nhất quyết ở lại, làm một bài thơ gởi về, hứa rằng ai mà họa được, nàng sẽ lấy làm chồng. Về sau, không ai họa nổi, nên nàng khỏi phải xuất cát. Bài thơ ấy như sau :

### THẾ-SƯ

*Thế-sư nhìn xem rõi cuộc cờ,  
Càng nhiều càng ngầm lại càng do.  
Khua tan tục niệm hồi chuông sớm,  
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa.*

*Châu-tử chán mùi nêñ vải ám,  
Đỉnh-chung lợm giọng hóa chay tra.  
Lên đàn círu khồ toan quay lại,  
Bé ái trông ra nước đục lò !*

## MỘT ÔNG HOÀNG LÃNG-MẠN

Câu chuyện hy-hữu vừa kề trên là chuyện của một nàng Công-chúa yếm-thể, em vua Minh-Mạng, tuy trẻ đẹp, nhưng không muốn lấy chồng, vì cho rằng thế-sự là do bần và bẽ ái là một vũng nước đục lò, nên đã bỏ cung vàng điện ngọc mà vào chùa thi-phát quy-y.

Và sau đây là một câu chuyện hy-hữu khác, trái ngược hẳn, — chuyện của một ông Hoàng lăng-mạn, ngông cuồng và truy-lạc, mà cuộc đời chỉ là một chuỗi ngày chơi bời trác-táng, nên đã bị một người đương-thời mai mỉa bằng một bài thơ trào - phúng còn truyền tụng cho đến ngày nay: đó là chuyện của « Hải-Ninh Quận-công », con vua Minh-Mạng.

« Hải-Ninh Quận-công », sinh ngày 27-10-1828, mất ngày 26-4-1896, là người con thứ 42 của vua

**Minh-Mạng**, húy là Miên-Tăng. Lúc sinh-thời, ông khét tiếng ăn chơi, nợ như chúa Chồm.

Lúc mới xuất Phủ ở riêng, ông cũng giàu có như các ông Hoàng khác, nhưng ông đem hết của cải ra mua gà đá, chó săn — mắc mấy cũng mua — và lập trường hát bội, trong nhà con hát bao giờ cũng trên năm chục người. Vợ và hầu của ông rất đông, đều được chọn trong đám các đào hát bội. Những cuộc mây mưa ân-ái của ông thật là độc đáo : « Chỉ trong những lúc các cô ả bước lên sân-k khấu nai nịt chỉnh-tề trong những bộ võ-phục rực rỡ, dưới lá cờ lệnh với cặp song kiếm lóng lánh hay ngọn giáo dài tua chỉ trong những khi họ đăng-dàn bái tướng bay tung hoành giữa một chiến-trường tướng, chỉ những lúc ấy, chủ-nhân-ông mới nghĩ đến việc kiếm con. » Rồi ngay sau khi cô ả vừa hát xong vào buồng, ông liền dùng dao bén rách giáp ra làm tinh để cho cô cái cảm tưởng rằng mình đang giao-hợp với Phàn-lê-Huê, với Đoàn-Hồng-Ngọc, với Lưu-Kim-Đính, với Trại-Ba công-chúa v.v...

Với cái đà ăn chơi như vậy, chẳng mấy chốc mà ông bị khánh tận. Ông bèn xoay đi buôn bán với các tàu Pháp để kiếm tiền. Chính vì sự đi lại với tàu Pháp mà ông đã gây lụy cho vua Hiệp-Hòa và vì thế mà ông bị hai quyền-thần Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường lột tước đày đi Bình-Định.

Đến khi Nguyễn-hữu-Độ lên cầm quyền và vua Đồng-Khánh lên ngôi, ông mới được tha về

và phục lại nguyên tước. Được vua Đồng-Khánh yêu dùng và chu cấp tiền bạc, ông lại đi buôn bán với các tàu ngoại-quốc. Chẳng bao lâu, ông trở nên giàu có to. Đã có lần, muôn chục đời chơi, ông đem bạc nén của ông sắp từng sè to phơi ra ngoài nắng, nói rằng để cho hết mõc đi. Ông lại nuôi con hát, lại mở trường gà, lại mua chó săn. Cuộc đời trác-táng của ông lại nhóm lên từ đó và có phần hăng hơn trước nhiều, đến nỗi ông mắc phải bệnh đau tim mà không biết.

Năm 1888, vua Đồng-Khánh thăng-hà, ông mất đi người đỡ đầu, và kề từ đó, cuộc đời của ông lại xuống dốc, và lần này thì vô phương cứu chữa. Đến khi ông chỉ còn lại hai bàn tay trắng, thì con hát mỗi người dì một ngã, ông đem bán cả đồ đạc, áo quần, gà đá, chó săn, cho đến cả phủ-đệ của ông, ông cũng đem bán nốt để trang trải nợ nần.

Không còn có chỗ ở, ông phải sống trên một chiếc nốt (tức là chiếc đò nhỏ), chen chúc với các chiếc nốt của bọn lái heo tại bến chợ Dinh-Ông. Có khi tung quần quật, ông tìm đến các nhà quen thuộc ngày trước, các phủ - đệ hoàng-thận, làm cái trò đê nhục mà người ta thường gọi là « *hầu chầu* » để xin một ít tiền gạo sống lây lắt qua ngày. Cũng có khi ông làm tiền bằng cách đến mấy trường hát bội, chỉ vé câu tuồng điệu múa cho những con hát chưa lành nghề, hay la cà ở các trường gà, làm thầy dùi cho những kẻ có tiền mà không am tường các mánh khóc của nghề chơi.

Rồi một ngày nọ (ngày 26-4-1896), ông lăn dùng ra chết, giữa khi ông đang chen chúc xem một cuộc chơi gà. Vì phảm-phục của vua ban, ông đã đem cầm bán đi từ trước rồi, nên người ta phải thuê thơ mã cắt giấy ngũ-sắc thành một bộ triều-phục theo hàng Quốc-công để tẩm liệm cho ông, vì ông vừa mới được tẩm-phong làm « Hải-Ninh Quận-công ». Ông tbọ được 68 tuổi.

Nhơn dịp đám tang của ông, một thi-sĩ đương-thời đã sáng tác bài thơ sau đây, tuy có giọng hài-hước, nhưng đã toát-yếu được cả cuộc đời phù-trầm lăng-mạn của ông, thật là tài tình :

*« Mới nghe trống hát lỗi hôm qua,  
Đau đớn làm sao đến thế mà !  
Sống ở lui cui bên nỗi lòng,  
Thác nằm lăn lóc giữa trường gà.  
Ba sinh duyên phụ cùng dì Đá, (1)  
Chín suối tình chung với mụ Na. (2)  
Bạc nén từng sê đau hết thảy ?  
Mang hia đội mào của ông bà ! »* (Vô-danh)

(Viết theo tài-liệu của nhà văn Trần-thanh-Mại trong sách lịch-sử ký-sự nhan đề là « TUY-LÝ-VƯƠNG » xuất bản tại Hà-nội năm 1938).

- 
- (1) Dì Đá là người thiếp yêu của Hải - Ninh quận - công, nay ông chết di bố Dì ấy lại.
  - (2) Mụ Na cũng là một ái-thiếp của ông và đã chết từ trước, nay ông về Âm-ty sẽ được tiếp nối tình duyên cũ với mụ ấy.

## MỘT CÁCH TRẢ THÙ ĐỘC ĐÁO

Ở thôn Vỹ-Dạ (Huế), nơi đã sản xuất ra lấm thi-sĩ nỗi tiếng như là Tuy-lý-Vương, Ưng-Bình Thúc-gia-thị, v.v..., có một bà góa chồng mà người lối xóm thường gọi là bà Huyện Thị (chồng bà tên Thị trước kia làm đến chức tri-huyện). Bà có một người con gái tuổi vừa đôi chin rất xinh đẹp tên là Chuột, được nhiều vương-tôn công-tử ngãm nghé. Trong số này, có người cháu trai của Tuy-lý-Vương là « mệ Cò Theo », mệ cô gái ấy như điếu đỗ, đòi cha mẹ phải đi hỏi cho mệ cho kỳ được.

Sau lẽ dạm hỏi, nhà gái yêu sách nhà trai đủ điều, như là vào các dịp tết nhứt hay là kỵ giỗ, bắt buộc nhà trai phải đi lễ heo mới chịu.

Nhà mệ Cò Theo đã mất cho bà Huyện Thị hết bốn con heo rồi mà cuối cùng cũng đành

phải bỏ cuộc, không dám theo đuổi nữa, vì nhà gái thách cưới nặng quá, nhà trai không sao kham nổi, nên về sau, phải đi cưới cho mè Cò Theo một cô vợ khác.

Úc quá, mè Cò Theo muốn ăn tươi nuốt sống bà Huyện Thi để trả thù, nhưng lại có tánh nhát gan, nhất là sợ làm liên lụy đến gia đình. Mè Cò Theo bèn nghĩ ra một cách trả thù khá ngô nghênh và độc đáo như sau, mà chỉ có các «mè» trong hoàng-phái mới cắc cớ nghĩ ra được :

Khi vợ Cò Theo sanh con đầu lòng, anh ta bèn đặt tên cho nó là «Mèo» để... cắn cổ «Chuột» là tên cõi con gái của bà Huyện Thi.

Nhơn câu chuyện khá hy-hữu ấy, cụ Hồng-Sam, con ngài Tuy-lý-Vương, đã sáng tác bài thơ trào-phúng sau đây :

« *Không ai như thề Mè Cò Theo,  
Một «Chuột» mà làm mất bốn heo.  
Giận Mụ Huyện Thi toan cắn cổ,  
Sinh con nên phải đặt tên «Mèo ».* »

## MIỆNG THẾ-GIAN

Ông Nguyễn-công-Trú (1778-1858-Hà-Tĩnh) đỗ thủ-khoa năm Gia-Long 18, làm quan đến chức Tòng-Đốc và Bình-Bộ Thượng-tho, nhưng trong đời làm quan của ông, lúc thăng lúc trầm, có khi bị vu-cáo, triều-dịnh lột hết chức tước và phát đi làm lính thú ở tỉnh Quảng-Ngãi.

Trước khi về hưu-trí và rời kinh-đô Huế, ông Nguyễn-công-Trú sắm một cỗ xe, dùng một con bò cái, cỗ đeo nhạc, để kéo. Ông đi cỗ xe ấy đến từ giã các bạn bè. Khi đến nhà ông Hà-tôn. Quyền là một vị đại-thần trước kia đã dèm pha ông và gây cho ông nhiều bước thăng-trầm, ông lấy một cái mo cau, chép một bài thơ rồi buộc vào phía trong đuôi con bò. Thiên-hạ xúm lại xem thơ cười rúc-rích, khiến họ Hà cũng muốn coi. Ông gạt đi và úp sấp tấm mo lại. Nhưng

Hà muỗn coi cho kỳ được, săn lại lật ngửa tǎm  
mo lên đọc :

### BIA MIỆNG THẾ-GIAN

*Xuống ngựa lên xe nọ tưởng nhàn,  
Lợm mùi giáng chierce với thăng quan.  
Điền-viên dạo chiếc xe bò cái,  
Săn tǎm mo bụng miệng thế-gian !*

Đọc xong, Hà đỏ gay mặt, vì hiểu rằng  
Nguyễn-công-Trú chơi khăm mình, vì miệng thế-  
gian hay dèm pha như miệng của họ Hà, nằm  
phía trong đuôi con bò cái.

Trước kia hai người cũng đã từng chơi xỏ  
nhau bằng câu đố : Một hôm trong một bữa tiệc,  
Hà nói với Nguyễn :

« Quán-tử ố kỵ văn chi quý Ngài ».

Nguyễn đáp ngay :

« Thành-nhân bất-đắc-dĩ dụng Cụ Lớn ».

Câu trên nguyên là : « Quán-tử ố kỵ văn chi  
trú », nghĩa là người quán-tử ghét những sự  
lòe-loẹt bên ngoài. Hà dùng chữ « quý Ngài » để  
đè thay cho chữ « Trú » là tên của Nguyễn.

Câu dưới nguyên là : « Thành-nhân bất - đắc-  
dĩ dụng quyển » nghĩa là thành-nhân bất-đắc-dĩ  
phải dùng đến quyền-lực, Nguyễn dùng chữ « Cụ  
Lớn » để thay cho chữ « Quyển » là tên của Hà.

## RĂNG CẮN LUỠI

Dưới triều vua Tự-Đức (1828-1883), trong một buổi dạ-yến ở Đại-Nội, răng vua cắn phải lưỡi. Nhơn đó, vua ra đề thơ: «Răng cắn lưỡi».

Trong các hàng quan tự tiệc, có ông Nguyễn-hàm - Ninh (1808 - 1867 — Quảng-Bình) ứng khẩu đọc bốn câu thơ sau đây :

« *Sinh ngã chi sơ, nhữ vị sinh,*  
« *Nhữ sinh chi hậu, ngã vi huynh.*  
« *Bất tư cọng hướng trán cam vị,*  
« *Hà nhẫn tương vong cốt-nhục tình?* »

Nghĩa là :

*Thuở bác sinh ra, chú chửa sinh,  
Tử sinh ra chú, bác làm anh.  
Ngọt bùi chẳng để cùng chia sẻ,  
Cốt nhục đan tâm nghiên dứt tình.*

Vua khen hay, nhưng nghĩ một lúc, vua phán rằng :

« Vă̄n-chương của khanh thát lưu loát, Trâm thường mỗi câu một lượng vàng, song ý thơ sâu sắc và bí ẩn, Trâm phạt mỗi chữ một roi ».

Sở dĩ xử phạt vì nhà vua đã hiểu rằng tác giả mượn bốn câu thơ trên để ám chỉ việc vua đã đan tâm sát hại anh minh là Hồng-Bảo.

Theo di chiếu vua Thiệu-Trị, thì Hồng-Bảo sẽ lên ngôi kế vị sau này. Nhưng sau khi vua Thiệu-Trị thăng-hà, Triều - đình, do Tuy - Thạnh quản-công Trương-đăng-Quế cầm đầu, lập em Hồng-Bảo là Hồng-Niệm lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Tự-Đức.

Bất mãn về sự phế lập bất công ấy, Hồng-Bảo bèn cùng các đồng-chí âm mưu đảo-chánh, nhưng công việc bị bại lộ, vì có kẻ tố giác. Hồng-Bảo bị hạ ngục và kết án tử-hình (1853), nhưng vua Tự-Đức nghĩ tình anh em, tha cho tội chết, chỉ bắt giam. Nhưng một ngày nọ, người ta thấy Hồng-Bảo chết thắt cổ ở trong ngục (1854). Người đương-thời cho rằng đó là một cái chết rất khả nghi và không tin Hồng-Bảo tự sát mà là bị ám-sát do lệnh của Tự-Đức.

Với bốn câu thơ trên, ông Nguyễn-hàm-Ninh dung ý trách khéo vua Tự-Đức đã xử sự quá ư tàn-nhẫn đối với anh ruột mìnhi. Kè ra ông Ninh cũng gan thát, may mà chỉ bị nhà vua cho đánh đòn mà thôi, một hình-phạt coi là nhẹ dưới thời phong-kiến đối với tội « *khi quān* ».

## TRÊU VUA

Trong thời-gian ông Cao-bá-Quát làm quan ở Huế, một hôm vua Tự-Đức nằm mê thấy ngâm hai câu thơ chữ nho câu nào cũng có hai tiếng nôm xen vào :

« Viên trung oanh chuyền khè khà ngũ,  
« Dã ngoại đào hoa lẩm tấm khai ».

Nghĩa là : Trong vườn, chim oanh học tiếng khè khà. Ngoài nội, hoa đào nở lẩm tấm. Vua truyền cho các quan chép lại.

Ông Cao-bá-Quát, muôn trêu vua, liền quỳ tâu : « Muôn tâu, hai câu thơ ấy không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ ở một bài thơ mà thần đã được nghe »

Vua truyền đọc toàn bài, ông ứng khẩu đọc rắng :

«Bảo mã tây phong huéch hoác lai,  
 «Huênh hoan nhán sự thác đề hời.  
 «Viên trung oanh chuyễn khè khà ngũ,  
 «Dã ngoại đào hoa lâm tẩm khai.  
 «Xuân nhất bắt vân sương lộp bôp,  
 «Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài.  
 «Khù khò thi tú đa nhân thíc,  
 «Khênh khạng tương lai vân tú tài».

Nghĩa là :

Gió đưa ngựa huéch hoác vè,  
 Huênh hoan người cũng tự đi theo vào,  
 Khè khà oanh hót vươn nào,  
 Ngoài dồng lâm tẩm muôn đào nở hoa.  
 Xuân khong sương lộp bôp sa,  
 Trời thu chỉ thấy giọt mưa bài nhài.  
 Khù khò thơ đã quen tai,  
 Còn đem khênh khạng hỏi người làng vân.

(Tiêu-Lang dịch)

Nghe xong, vua biết ông Quát bịa ra bài thơ  
để giêu minh, nhưng cũng phải chịu là có tài.

Ở Huế, thời bấy giờ, có Tùng-Thiện-Vương (con vua Minh-Mạng) lập ra Mạc-Vân Thi-Xã, có nhiều vị công khanh và quan chức tham-gia như : Tuy-ly-Vương, Tương-An Quận-Vương, Hà-Tôn-Quyền, Trương-đăng-Quế, Nguyễn-đăng-Giai, Nguyễn-vân-Siêu, v.v... đều là những nhà thơ cự-phách thời bấy giờ.

Một hôm, nhân được xem những bài thơ  
xướng họa của Thi-Xã, ông Cao-Bá-Quát lắc đầu  
bit mũi ngâm rằng :

« Ngán cho cái mũi vô duyên,  
« Câu thơ Thi-Xã, con thuyền Nghệ-An. »

Nghĩa là ông Cao-Bá-Quát ví cái mũi thơ của  
Thi-Xã với mũi phân người chở trên thuyền  
Nghệ-An.

\* \* \*



## NHÀ VUA CHƠI CHỮ

Một hôm nhàn rỗi, Vua Tự Đức cao hứng làm một bài thơ chữ Hán, rồi trong một buổi họp bàn luận văn-chương, vua đọc cho các quan chép :

« Tiêu-hà tá hán khởi ư phong  
« Sán nháp trùng-vi nhiễu trường trung.  
« Bất luận huân tiêu phản khoái lực,  
« Hốt văn hàn-tín tự tiêu không ».

Các quan ai nấy đều hiểu như sau :

Tiêu-Hà giúp nhà Hán ở đất Phong-Báy, không dùng tới sức mạnh của Phàn-Khoái, chỉ cần ở tài Hán-Tín là nên việc.

Ai ngờ trong bài thơ trên, nhà vua dụng ý tả con muỗi :

« Tiêu-hà » có nghĩa là tàu chuối, lá sen.  
 « Phong » là gió, « hán » là nô, « hàn-tín » là tin  
 lạnh, « phàn-khoái » là hun đốt.

Ông Lãng - Nhân Phùng-tất-Đắc dịch bài thơ  
 trên ra thơ nôm như sau :

*Bé chuối, dài sen nỗi cánh vung,  
 Bay vào màn trường quấy lung tung.  
 Chẳng cần phải tốn công hun đốt,  
 Tin lạnh vừa đưa tàu tản cung.*

## VỀ NGƯ CHẾ CHÂM BIẾM CÁC QUAN

Tháng tư năm quý-dậu (1873), vua Tự-Đức  
ngự giá Thuận-An, có nhiều quan văn, võ và  
binh lính theo hộ-giá. Thuyền rồng đến Thuận-  
An thì có chín chiếc tải-thuyền của Triều-đình  
cũng vừa ra khỏi cửa biển. Bỗng có hai chiếc  
tàu ô xuất hiện, xáp đến tấn công tác tải-thuyền.  
Vua liền ra lệnh cho quan quân hộ-giá bắn vào  
tàu ô, nhưng vô hiệu. Tàu ô bắt đầu đi mất hai  
chiếc tải-thuyền, còn binh lính của Ngài thì bị  
thương rất nhiều. Vua giận lắm, trở về Nội làm  
một bài về trách mắng quan quân, rồi dạy cho  
cung-nhân, thị-nữ trong Nội hát, làm cho cả triều  
đình rất xốn xang khó chịu. Bài về ngự chế  
như sau :

« Răng năm Quý-Dậu tháng tư,  
Ngửa vâng Hoàng-Thượng thánh từ Sắc ban :

*Mười hai giờ ngự Thuận-An,  
 Triều đình vẫn, võ quan quan hộ tùng.  
 Tung bừng cờ phất, trống rung,  
 Chèo ba mái nhẹ thuyền Rồng như bay.  
 Càng nhìn càng đẹp càng say,  
 Dẫu mà trăm cảnh không tày Thuận-An.  
 Ai ngờ một phút tự nhiên,  
 Bỗng đâu chín chiếc lái-thuyền chạy ra.  
 Ngọn buồm trông thấy xa xa,  
 Gần với nghe tiếng súng ra đúng đùng.  
 Tàu ô hai chiếc buồm giong,  
 Đầu buồng tiếng súng gầm cùng to gan !  
 Trường buồm chạy dọc chạy ngang,  
 Cầm hòn mây lũ mây đoàn tàu ô.  
 Tung hoành «bố mạy», «xí-lô»,  
 Đứa đậm, đứa chém, đứa xô xuống tàu.  
 Các quan khi ấy gởi tâm :  
 «Ngửa trông Hoàng-Thượng lên lầu ngự ra».  
 Lệnh truyền hộ-vệ thần-cơ :  
 «Ai mà bắn đặng tàu ô nó rày,  
 Quyền ban lộc thường cao dày».   
 Sắc vira ban xuống nạp ngay súng liền.  
 Bắn thời phát thẳng phát xiên,  
 Bắn ra chẳng trúng vào thuyền tàu ô.  
 Hở ra thì nó chạy vồ,  
 Bắt di hai chiếc ai mồ chẳng tường !  
 Thấy thôi nửa giận nửa thương,  
 Giận thay chúng nó, thương đường quân ta.*

Đứa thời bị thuốc cháy da,  
 Đứa thời bị đạn máu ra đầm mình,  
 Làm cho chúng nó dễ khinh,  
 Nghĩ lại giận mình chẳng biết cứu nhau.  
 Phải chi diệu vời nơi đâu,  
 Đã toan lập lỵng chước mầu tâu vò.  
 Chẳng qua sự đã sờ sờ,  
 Ai ai cũng lặng như tờ nín hơi.  
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,  
 Làm tôi ấm uồng lọc tròn lầm ru !  
 Nghênh-ngang vỗng vỗng dù dù,  
 Bài vàng thêm mǎo xuân thu tháp đầu.  
 Gãm không tài-cán chi đâu,  
 Rồi ra múa mỏ, vênh râu chõm chòe !  
 Phen này mắt thấy tai nghe,  
 Tham sanh úy tử một bè như nhau.  
 Ăn thời giành trước giành sau,  
 Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi !  
 Cùng xung là dũng làm tôi,  
 Cơ sao chẳng biết hổ ngươi trong mình ?»



## NHƯNG BÀI THƠ GÂY RA THẨM-HỌA TÀY TRỜI

Trong lịch-sử của nền văn-hóa Việt-nam, có những bài thơ đã gây ra thảm-họa tày trời cho tác-giả vì có kẻ xuyên-tạc đem ra sàm-tấu với vì «Thiên - tử» đang trị vì. Xin kể ra sau đây hai trường-hợp điển hình nhất :

### I) — TRƯỜNG-HỢP CỦA CẬU ẤM NGUYỄN-VĂN-THUYỀN

Nguyễn - văn - Thuyên là con trai của đệ - nhât công-thần Truug-quân Nguyễn-văn-Thành, nguyên là người tinh Thừa-thiên, dưới triều vua Gia-Long.

Thuyên là một công-tử tài ba, đỗ Cử-nhân sớm nhưng không chịu ra làm quan, mà lại lập tao - đàn ở phường Đông. Ba đê tiêu - khiền bằng cầm, kỳ, thi, túu. Thuyên lại là một trang hảo-

hở, hay tìm cách kết thân với các văn-nhân thi-sĩ. Chính vì tánh hào-hoa phong-nhã ấy mà xảy ra câu chuyện vô cùng bi-dát sau đây:

Năm Gia-Long thứ 13 (1814), nhơn nghe & Thanh-Hóa có hai văn-nhân lối lạc là Nguyễn-đức-Nhuận và Nguyễn-văn-Khuê, Thuyên làm bài thơ sau đây rồi sai người nhà tên là Nguyễn-trương-Hiệu cầm đi mời họ vào chơi:

«Văn đạo Ái-châu đa tuấn kiệt,  
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.  
Vô tâm cứu bảo kinh sơn phác,  
Thiên tướng phượng tri kỳ bắc kỳ.  
U-cốc hữu hương thiên-lý viễn,  
Cao cương minh phượng cửu thiên tri.  
Thử hồi nhược đặc sơn trung tề,  
Tá ngã kinh luân chuyền hóa ky».

Nghĩa là :

Ái-châu (1) nghe nói lầm người hay,  
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.  
Ngọc phác kinh-son tài săn đó,  
Ngựa kỳ Ký-bắc biết đâu thay.  
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,  
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.  
Sơn-tề phen này dù gấp gối,  
Giúp nhau xoay đổi hội-cơ này.

(Lời dịch của Cụ Trần-Trọng-Kim)

---

(1) Ái-châu là Thanh-Hóa.

Về phương-diện văn-chương, đó là một bài thơ xuất sắc. Tác-giả có ý tàng bối hai ông bạn làng văn chưa quen biết: nào là ngọc phác kinh sơn, nào là ngựa kỳ kỵ bắc, nào là mùi hương trong hang tối, nào là tiếng phượng ở gò cao. Duy có hai câu kết:

«Thử hỏi nhược đặc sơn-trung-tè,  
«Tá ngã kinh luân chuyền hóa ky».  
(Sơn-tè phen này dù gấp gỡ,  
Giúp nhau xoay đổi hội-cơ này),

mặc dù đó chỉ là khâu-khi của một cậu ấm ngông-cuồng, cũng đã bị kẻ thù của ông Nguyễn-văn-Thành lợi-dụng đem ra xuyên-tạc, đến nỗi gây nên một thảm-họa tày trời: cha con ông Nguyễn-văn-Tành phải ôm hận về chín suối: cha thì tự-tử ở trong ngực, con thì bị chém đầu.

«Sơn-Trung-Tè» là gì mà gây nên thảm-họa như thế?

Theo truyện Tàu, đời Lương-Vũ-Đế (502-549), Đào-Hoàng-Cảnh học-thức uyên thâm, không chịu ra làm quan mà thích vào núi ở ẩn. Mỗi khi vua muôn hỏi ý-kiến của tiên-sinh về quốc-sự, phải cho sứ-giả vào núi tìm: nhưn đó, người đương-thời tặng cho tiên-sinh cái danh-hiệu « Sơn-Trung Tè-Tường » nghĩa là Tè-Tường ở trong núi.

Về phương-diện chính-trị, dưới thời quân-chủ chuyên-chế, bài thơ trên là một lợi-khí vô cùng sắc bén để hùm hại phe thù.

Nguyễn trong thời kỳ Nguyễn-phúc-Ánh (tức vua Gia-Long sau này) cầm quân đánh Tây-Sơn để khôi phục nhà Nguyễn, hai ông Nguyễn-văn-Thành và Lê-văn-Duyệt đều lập công to, nên về sau đều được vua phong tặng chức tước lớn. Ông Lê-văn-Duyệt xuất thân ở đám hoạn-quan, gốc dân-giả, còn ông Nguyễn-văn-Thành là con nhà quý-tộc, xuất thân ở đám sĩ-phụ. Vì thế, ông Thành có ý coi rẻ ông Duyệt, nên ông Duyệt rất căm tức ông Thành.

Ông Thành có một môn-hạ tên Nguyễn-hữu-Nghi, vì bất mãn với ông Thành nên trốn qua nương náu, lập công bên ông Duyệt. Một hôm, Nghi được người bà con là Nguyễn-trương-Hiệu đưa cho xem bài thơ nói trên của cậu ấm Thuyên, Nghi lập tức phi báo cho Lê-văn Duyệt hay. Ông này không hỏi lỡ cơ-hội, bèn đem bài thơ tang chứng « phản nghịch » tâu vua: Do đó, Thuyên bị bắt giam ngay lập tức.

Vua Gia-Long vốn đã không ưa ông Thành vì hai lý: một là ông Thành vẫn giữ thái-dộ thâm mật với vua như là khi còn cùng nhau bôn ba trên đường phục quốc, một điều mà vì « Thiên-tử » tuy không nói ra nhưng chẳng thích. Hai là nhiều phen ông Thành năn nỉ xin vua lập Hoàng-tôn-Đán, con Hoàng-tử-Cảnh, làm tự-quân, là điều mà vua rất bất mãn, vì cho rằng ông Thành có dụng ý như thế là để sau này dễ bê-lọng-hành. Cho nên, mặc dầu ông Thành, một hôm

tan chầu, chạy theo níu áo bào của vua khóc-lóc kẽ-lẽ thảm-thiết, vua giật áo bỏ đi vào cung, rồi từ đó cấm không cho ông Thành vào chầu nữa ; và mặc dầu Bình-Bộ Tham-Tri Võ-Trinh xin vua mở lượng khoan-hồng đối với Thuyên, viện cớ . Tuy bài thơ chứa đựng ý phản bội, nhưng Thuyên còn biết « *dẫu thương hữu quân thân* », còn biết trọng Thành-triều, bởi lẽ trong câu thơ « *U-cốc hữu « hương » thiên lý viễn* », đáng lẽ Thuyên phải dùng chữ « *lan* » thay cho chữ « *hương* », nhưng Thuyên biết chữ « *lan* » là chữ húy nên không dùng. Mặc dù vậy, vua Gia-Long vẫn không thèm đếm-xỉa đến, và oái-oăm hơn nữa, vua lại giao việc này cho Tả-quân Lê-văn-Duyệt, kẻ thù của ông Thành, cùu xét. Thế là số phận hai cha con ông Thành đã được quyết định kẽ từ đây. Ông Duyệt liền cho hạ ngục ông Thành ngay mặc dầu ông này vô tội.

Trước sau, ông Thành vẫn một mực kêu oan cho con. Một hôm, trong nhà giam, ông Thành than với Thị-Trung Thống-chế Hoàng-công-Lý rằng: « *Vua bắt tôi chết mà tôi không chết là bắt trung* ». Ông hòa lệ viết thư, tả nỗi oan tình rồi uống độc-dược tự-tử. Còn cậu ấm Thuyên thì bị án phân thây vô cùng bi-thảm, nguyên do chỉ vì hai câu thơ mà cậu làm trong khi cao hứng :

« *Thử hỏi nhược đặc Sơn-trung-lè,*  
 « *Tả ngũ kinh luân chuyền hóa ky* ».

Trong cuốn «*Việt-Nam Sử-lược*», tác-giả Trần-trọng-Kim đã phê-bình vua Gia-Lóng như sau :

« *Công-nghiệp* của Ngài thì to thật, tài-trí của Ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, Ngài không bao-toàn cho những công-thần, mà lại lấy những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với Ngài, khiến cho hậu-thế ai xem đến những chuyện ấy cũng phải... thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công-danh về dời áp-ché ngày xưa».

Khi viết mấy dòng trên đây, chắc cự Trần-trọng-Kim đã nghĩ đến trường-hợp đáng thương đáng tiếc của đệ-nhất công-thần Trung-quân Nguyễn-văn-Thành.

## II. — TRƯỜNG-HỢP CỦA AN-PHONG-CÔNG HỒNG-BẢO

Dưới triều vua Tự-Đức, nền văn học Việt-Nam ở vào thời kỳ toàn thịnh. Trong các vua triều Nguyễn, Tự-Đức là ông vua hay chữ nhất. Suốt 26 năm trị vì, không lúc nào là Ngài không trọng-đãi văn-nhân và khuyến-khích việc học hành. Ngài chăm về việc khoa-giáp, sửa sang việc thi cử, đặt ra *Nhã-sĩ-khoa* và *Các-sĩ-khoa* để chọn lấy người văn-học ra làm quan. Ngài lại đặt ra *Tập-hiền-viện* và *Khai-kinh-Diên* để Ngài ngự ra

cùng các quan bàn luận văn-chương hay chánh-trị. Lại sai soạn bộ «Khâm-Định Việt-Sử» từ đời thương-cồ cho đến hết đời Hậu-Lê. Chính dưới thời Ngài trị vì, đã xuất hiện biết bao tài-hoa lối lạc như Nguyễn-văn-Siêu, Cao-bá-Quát. Về thơ, có những thi-bá lừng danh như Tùng-thiện-Vương, Tuy-lý-Vương, Tương-An Quận-Vương, Hồng-Bảo, v.v... Hai câu thơ sau đây mà có người cho là của Ngài, còn truyền tụng cho đến ngày nay :

«Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán,  
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường».

Nghĩa là : «Văn của đời Tiền-Hán là hay nhất, thế mà văn của ông Nguyễn-văn-Siêu, ông Cao-bá-Quát còn hay hơn. Cũng như thơ đời thịnh Đường là rất hay, thế mà thơ của Tùng-Thiện-Vương, Tuy-Lý-Vương, lại hay hơn. Từ khi có bốn nhà thơ này nổi lên, thi Hán, Đường mất tiếng». (Lời dịch của Cụ Ung-Trình).

Về Văn-học thì thế, nhưng về chính-trị, vua Tự-Đức không ngần ngại sát hại những văn-nhân, thi-sĩ, dù là thân-thích ruột-rà, mà ngài nghi là có tư-tưởng đối lập. Câu chuyện sau đây là một bằng chứng :

Trong một buổi họp Tao-Đàn mà Ngài làm Nguyên-súy, Ngài ra đề thi là «Vô đề» với những sự bắt buộc như sau : Tám chữ đầu của tám câu phải là : «Phong, hoa, tuyết, nguyệt, cầm, kỵ, thi, họa». Trong mỗi câu thơ, lại phải có một

chữ số theo thứ tự : « Nhất, nhì, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát ».

Với sự hạn-chẽ như thế mà An-Phong-Công Hồng-Bảo (anh ruột của Ngài) cũng đã làm được một bài thơ tuyệt-tác như sau :

### VÔ ĐỀ

*Vân đậm, phong khinh, nhất diệp châu,  
Hoa cù ẩn ức nhị tầng lâu.  
Tuyết ngưng địa thương tam đông lạnh,  
Nguyệt đáo thiên trung tứ bích sầu.  
Cầm vân ngũ huyền ca nhã hứng,  
Kì vi lục cuộc thức doanh thâu.  
Thi thành thất bộ chung hoài cổ,  
Hoa nhập Tiêu Tương bát cảnh đầm.*

Nghĩa là :

*Gió nhẹ, mây êm, một lá thuỷ tiên,  
Lầu hai lấp ló khóm hoa hiên.  
Ba đông tuyết phủ dồn hơi lạnh,  
Bốn vách trăng soi gợi nỗi phiền.  
Đàn gảy nấm dây ca hát thú,  
Cờ vây sáu cuộc đổi thay phiên.  
Thơ xong bảy bước xui hoài cổ,  
Bút họa Tiêu Tương tám cảnh tiên. (1)*

(Quỳ-Uưu Nguyễn-đôn-Dư dịch)

Vua khen hay và ngâm nga mãi. Nhưng có kẻ

ghét Hồng-Bảo xuyên-tạc ý thơ và sàm sầu, cho rằng câu thơ :

« *Nguyệt đáo thiên trung tú bich sầu* »

là có ý chỉ trích vua, cho rằng vua thuộc về âm, về tà, chứ không thuộc về dương, về chánh như Hồng-Bảo, cho nên khí trăng lên giữa trời là gieo thảm gieo sầu cho thiên-hạ.

Sẵn có lòng nghi-kỵ Hồng-Bảo nuôi ý thoán-vị, vua Tự-Đức cho lời nói trên là có lý, nên về sau, nhơn vụ án Hồng-Bảo Âm-mưu đảo-chánh, vua đã thẳng tay trừng-trị Hồng-Bảo như chúng ta đã biết (xin xem bài «Răng cắn lưỡi» ở trên).

(1) Tâm bức họa tuyệt đẹp do Tống-Địch vẽ ra là :

- 1-Bình sa nhạn lạc (bãi cát nhạn sa)
- 2-Viễn phổ phàm quy (bến xa buồm về)
- 3-Sơn thị tinh lam (trời quang mây tạnh nơi núi và chợ)
- 4-Giang thiên mộ vận (trời nước mây chiều)
- 5-Đặng-Đinh thu nguyệt (răng thu ở Đặng-Đinh)
- 6-Tiêu Tương dạ vũ (mưa đêm ở sông Tiêu sông Tương)
- 7-Yên tự vẫn chung (khói chùa và tiếng chuông chiều)
- 8-Ngư thôn tịch chiếu (xóm chài bóng ngã)



# NHỮNG CÂU CA-DAO CHÂM-BIẾM VIỆC XÂY CẤT KHIÊM-LĂNG CỦA VUA TỰ-ĐỨC

Dưới thời phong-kiến, các vua chúa thường cho xây lăng-tẩm của mình trước khi an giấc nghìn thu. Công việc xây cất ấy, ngoài sự gây tốn phí lớn lao cho công nho, nhiều khi còn gây thiệt hại biết bao nhiên là nhân-mạng khiến cho dân-chúng đõ-thán. Trong lịch-sử Ai-Cập, việc các vua Pharaons cho xây cất các ngôi mộ Kim-tự-Tháp là một thí-dụ điển-hình.

Còn ở việt-nam, dưới triều vua Tự-Đức, trong lúc sinh thời, vua ra lệnh xây cất lăng-tẩm của mình gọi là «Vạn-niên-Cơ», tức là Khiêm-Lăng, tại làng Dương-xuân-Thượng ở phía Tây-Nam thành phố Huế.

Qua các câu ca-dao còn truyền tụng cho đến ngày nay, người ta được biết việc xây cất Khiêm-Lăng đã gây ra nhiều công-phản trong đám thợ.

thuyền binh lính bị trưng-lập vào công xiệc xây cất đó. Lòng oán hận nhà vua và tiếng căm hờn của họ được cô đọng lại trong câu ca-dao :

«Vạn-niên là vạn niên nào ?

«Thành xây xương lính, hào đào máu dân» !

Thật ra, khi hạ lệnh xây cất «Vạn-niên-Cor», vua Tự-Đức đã ấn-định công việc xây cất phải được hoàn tất trong vòng sáu năm. Nhưng viên Biện-Lý Công-Bộ là Nguyễn-văn-Chất, muốn lấy lòng vua, lại tâu xin hoàn thành trong khoảng ba năm mà thôi. Vua bèn ra lệnh cho biện Chất cùng Thống-Chế Nguyễn-văn-Xa đôn-đốc việc kiến-trúc và đặt lệ cho thợ-thuyền binh-sĩ phục-dịch, cứ sáu tháng thay phiên một lần để nghỉ ngơi dưỡng sức. Nhưng vì muốn làm cho chóng xong việc đê-tảng công, Biện Chất và Thống-chế Xa không cho họ nghỉ-ngoại thay phiên gì cả. Họ phải làm lụng khổ-sở, lương bỗng thì ít ôi, ăn mặc thì thiếu thốn, sinh ra đau ốm chết chóc rất nhiều, nên họ rất oán-thán. Lúc ấy có câu ca-dao rằng :

«Thé-gian Đặng-Trở (1) là đầu,

«Chiếc thuyền thương-mãi qua Tàu qua Tây.

«Một thằng Biện Chất nèn ghê,

«Xem quân như cỏ chẳng hề xót thương» !

---

(1) tức Đặng-huy-Trở, Biện-lý Bộ Hộ, có tiếng là khảng-khai và thanh-liêm, đã được vua phái ra hải-ngoại để trù tính việc giao-thương với nước ngoài.

Công việc xây cất « Vạn-niên-cơ » bắt đầu từ năm 1864 và hơn ba năm sau mới hoàn thành. Trong khoảng thời-gian ấy, có xảy ra vụ khởi loạn chống lại nhà vua do Đoàn-hữu-Trung cầm đầu với sự tham-gia của các em là Đoàn-tư-Trực, Đoàn-hữu-Ái, Đoàn-Hòa và Đoàn-Thi, và với sự cộng-tác của Trương-trọng-Hòa, Phạm-Lương kết làm « Sơn-Đông-Thi-Tửu-Hội ».

Đoàn-hữu-Trung, người làng An-Truyền (tục danh là làng Chuồng), huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, là một thanh-niên tài-ba lối-lạc, tuổi mới 20 mà sỹ-phu thời bấy giờ đã cầm chắc là bậc khoa-giáp. Năm 1864, Trung lấy con gái trưởng của Tùng-Thiện-Vương là Thế-Cúc, một gai-nhận tài sắc tuyệt vời.

Lợi-dụng lòng công-phản của binh lính thợ-thuyền, anh em Đoàn-hữu-Trung định dựa vào họ để lật đổ vua Tự-Đức và sau đó lập Ưng-Đạo, con trưởng của An-phong Công-Hồng-Bảo (1) (anh vua Tự-Đức), lên làm vua. Anh em Đoàn-hữu-Trung mới chiêu dụ bọn binh lính, thợ hò, thợ vôi làm ở Vạn-niên-Cơ để khởi sự, có quan hữu-quân Tôn-thất-Cúc làm nội-ứng. Đêm mồng 8 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 19 (tức năm Bính-Dần, 1966), anh em Đoàn-hữu-Trung kéo họ vào

(1) Hồng-Bảo âm-mưu khởi loạn chống vua Tự-Đức bị thất bại, bị bắt và kết án tử-hình năm 1853, và qua năm 1854 thì chết thắt cổ trong ngục. (xin xem bài « Răng cắn Lưỡi » ở trên).

Hoàng-Thành đê hạ bệ vua Tự-Đức. Dẫn đầu là một lá cờ to tướng, có thêu bốn chữ « Ngũ Đại Hoàng Tôn » vì từ Thế-Tồ Cao-Hoàng-Đế (tức vua Gia-Long) truyền đến Ưng-Đạo vừa đúng năm đời.

Việc không thành, vì có quan Chưởng-vệ là Hồ-Oai đóng được cửa Điện lại kịp thời, tuy đã bị chém ở cánh tay phải, anh em Đoàn-hữu-Trung và đồng-đảng bị bắt và bị giết, Tôn-thất-Cúc thì tự-vận, còn cả nhà Ưng-Đạo cũng bị họa lây. Vì bọn thợ vôi, thợ hồ đi theo Đoàn-hữu-Trung lúc khởi loạn, có cầm chày giã vôi trong tay, nên mới có tục danh là « giặc chày vôi ».

Tướng cũng nên nhắc lại đây thái-độ đầy khí-phách anh-hùng của anh em Đoàn-hữu-Trung sau khi bị bắt : Khi bị tra tấn, Đoàn-hữu-Ái khai : « Việc này tự tôi gây nên, chờ không bị ai sai khiển. » Khai xong, Ái liền cầu cỗ tự-tử. Vua sai chém bêu đầu.

Rồi đến lượt Đoàn-hữu-Trung và mấy người em khác bị tra tấn. Họ đều khai rằng :

« Việc thành thì làm vua thiên-hạ, việc chẳng thành thì làm quỷ dưới đất, hè tắt phải tra hỏi nhiều làm chi ». Quan Bình-Bộ Thương-Thơ bấy giờ là Lê-Bá-Thận, sai đem kềm sắt nung đỏ ra kìm kẹp tra khảo họ. Lúc kẹp thì tội-nhân cắn răng và nhắm nghiền mắt lại, nhưng sau khi kìm xong, họ lại cười nói như thường, đến nỗi cả hai vế đùi của họ chỉ còn trơ lại xương không

mà họ vẫn không chịu chịu khai. Thật là một gương anh-hùng hiếm có.

Tương truyền rằng Hồng-Niệm (sau này là vua Tự-Đức) là con của Trương-đăng-Quế (1), lúc bấy giờ là một quyền thần rất có thế lực tại Triều, lại là chồng của một bà Công-chúa em vua Thiệu-Trị, nên xuất nhập bất cấm ở cung điện nhà vua. Nhơn dịp vợ vua Thiệu-Trị là bà Từ-Dũ Hoàng-Thái-Hậu và vợ Quế cùng sanh con trai nhầm một ngày, Quế lợi-dụng sự bất cấm nói trên để đem con trai mình tên là Trương-quang-Đản vào Nội (giấu vào trong tay áo thụng) đánh lộn sòng với con trai vua Thiệu-Trị. Trong hàng nội-giám và thị - nữ trong cung, có người hay chuyện nhưng không ai dám hé môi vì sợ Quế hảm hại.

Có lẽ đó cũng là một duyên-cớ cho Đoàn-hữu-Trưng vin vào đê lật đổ vua Tự-Đức và sách-lập con trưởng của Hồng-Bảo là Ung-Đạo lên ngôi.

Trong khi bị giam và trước khi thọ hình, Đoàn-hữu-Trưng đã sáng tác bài thơ trường-thiên nhan-dề là «Trung-Nghĩa Ca». Bài thơ trường-thiên này, gồm có 498 câu, đã được ông Bùi-quang-Tung lục đăng trọn vẹn trong Tạp-chí Viện Đại-học Huế số 34 tháng 8 năm 1963.

---

(1) Một ông Thầy Địa đã tiên đoán về họ Trương:  
«Tam đợi công-hầu nhất đợi vương».—

Ông Bùi-quang-Tung đã phân tách các đoạn quan hệ như sau :

«Trong một đoạn đầu, tác-giả (Đoàn - hưu-Trung) nhắc lại tình-hình nghiêm trọng của nước nhà dưới Triều Tự-Đức như sau :

«*Hay đâu gió bụi quanh trời,  
Can qua đây đất cõi ngoài chẳng an.  
Thuyền Tây khói lửa dọc ngang,  
Lui nơi Đà-Nẵng lại sang Cần-Giờ,  
Lâm cho trăm họ ngàn ngơ,  
Lở hương mưa bạt, giường thờ gió nghiêng.*».

«Sau đó, tác-giả cho ta biết sự bất lực của Triều-định trước sự thao túng của ngoại bang :

«*Có đâu sóng dậy đất bằng,  
Chẳng ai bắt được một thằng giặc Tày.  
Bởi vì lương tướng không tài,  
Khéo đem binh lính bỏ thay chiến-trường.*».

«Tờ Hòa-ước Pháp-Việt 1862 nhường ba tỉnh Nam-Kỳ (Gia-định, Biên - hòa, Định-Tường) cho Pháp và chịu đóng góp cho Pháp-định một số tiền bồi thường chiến-tranh to tát làm cho trăm họ bất bình, được tả như sau :

«*Tiếc thay nghiệp cũ giang-san,  
Ba thành bằng mắt ai hoàn lại cho.  
Đua chen Hoa lòn với Hồ,  
Máu tanh nhuộm khắp một bầu giang-san.*

• • • • • • • • • • •

*Một dây bó chặt chữ hòa,  
Của tiền trả mãi, tinh ba cắt dành».*

«Tinh hình nội-trị lại thối nát :

*«Xâu bởi đóng góp nặng nè,  
Cực thay lính dưới, sướng về quan trên».*

. . . . .

*Nhiều nơi phú trọng hình oan,  
Binh kêu đói rách, dân van khó nghèo !»*

« Còn sự đau khổ thiểu thốn của linh dân  
trung dụng để kiến tạo Khiêm-lăng được tả bi-  
thết như sau đây :

*«Tôi thăm công sở Vạn-niên,  
Lùa quân treo ngược dây miền núi non.  
Đôi vai gánh đá xương mòn,  
Mông tròn roi đánh chẳng còn mảng da.  
Đưa người cắt đá xông pha,  
Cả đêm vôi quét chẳng tha anh nào,  
Kẻ thời súc mòn hơi hao,  
Người thời mắc lấy ốm đau chẳng lành.  
Người thời quần áo tan tành,  
Miệng thèm khát nước, dạ đành đói cơm  
Phá tan một cõi trời Nam,  
Xương xây thành kín, máu làm hào sâu.  
Ghé sang ruồi đậu kiến bâu,  
Đày chon sắt đóng rồi đầu tơ quây.  
Có đâu sướng đáng lâu ngày,  
Ly-sơn thuở trước tôi rày in không.*

*Kia chàng Biện Chất đốc-công,  
 Cầu yên một chúa mất lòng muôn dân.  
 Trăm bể sâu độc lười giăng,  
 Thời trong buổi tối đất băng sấm nghiêng.  
 Thương quân lương sạch đồng tiền,  
 Cơm lương gắng nuốt nước phèn chua le.  
 Nắng dang đầu chẳng chi che,  
 Đến cơn mưa gió dầm dề lạnh da.  
 Bạc ban khéo lộn đồng già,  
 Đói ăn khó đỗi được vâc củ khoai»*

«Trong đoạn khác, tác-giả lại bàn đến các việc  
đã xảy ra trong Triều, sau khi vua Thiệu-Trị  
băng, làm cho Hồng-bảo mất ngôi như sau :

*«Cởi rồng vừa thuở thăng thiên,  
 Kim ngôん Sắc để ngôi truyền trừ quân.  
 Vì Trường-đặng-Quế tối gần,  
 Dùng mưu kiểu chiêu xây vẫn cho ai?»*

«Sau đó tác-giả diễn tả lại tình-cảnh thương-tâm  
của các con Hồng-Bảo bị giam cầm trong  
ngục thất :

*«Lời gièm ton-ngoét bên tai,  
 Thùa-Thiên ngục-thất đem về cùn giam,  
 Ai ai thấy dạ thương thầm,  
 Lụy tuôn đói mất kim châm chín chiu.  
 Một gian ngục-thất buồn thùi,  
 Mấy thu nắng lửa mura dầu biết chi!»*

«Vì vậy nên tác-giả và các đồng-chí mới định mưu toan lập lại Đinh-Đạo là dòng chính-thống lên làm vua :

*«Chi bằng ra sức phò trời,  
Đem về chánh-thống mới hay tôi lành».*

«Còn vua Tự-Đức thì tôn làm Thái-Thượng-Hoàng :

*«Trước tôn vua Thái-Thượng-Hoàng,  
Sau tôn Ngũ-dai đồng đường lên ngôi».*

«Để kết-luận, tác-giả tiếc rằng không thành công được như ý muốn, đành cam sỗ phận bị án tử-hình và đợi cái chết đau đớn (xử lăng trì) sắp đến một cách bình thản và cao-thượng :

*«Tôi chưa oán trả ân đền,  
Cầu mau nhứt tử may liền tái sinh».*

«Trong những câu cuối của bài ca, tác-giả trước khi từ biệt cõi trần, xin hậu-thế lấy công tâm mà suy xét :

*«Kia ai đem dạ mà thương,  
chớ vu bạn nghịch mà oan tặc lòng.*

\* \* \*

Sau khi cuộc âm-mưu đảo-chánh của Đoàn-hữu-Trung thất bại, nhiều người bị bắt và bị xử tử. Đến khi vụ án đã hoàn tất rồi mà vẫn còn nhiều

người bị tố cáo làm phản, khiến cho nhiều kẻ  
vô can mà phải bị liên lụy và hảm oan.

Giữa lúc ấy, thì quan kinh-lược Bắc-Kỳ là  
Nguyễn-tri-Phương và quan Đồng-Đốc Nam-định  
là Võ-trọng-Bình đang ở ngoài Bắc, tiếp được  
Chỉ-Dụ triệu về Kinh, nhận thấy tình-bình như vậy,  
bèn tâu xin vua cho kết-thúc vụ án để chấm  
dứt mọi liên lụy. Bởi vậy, thời bấy giờ mới có  
câu ca-dao :

«*Thanh-liêm có Võ-trọng-Bình,*  
«*Thành nghiêng muốn chống một mình sao xong.*  
«*Nguyễn-tri-Phương bạch đầu óng,*  
«*Sống không được mấy gỡ xong nạn đói».*

(Viết theo tài-liệu của Trần-gia-Thoại dăng trong tập « Giai-thoại văn-chương » và tài liệu của Bùi-quang-Tung dăng  
trong tạp-chí Viện-Đại-học Huế số 34 tháng 8 năm 1963)

## BỐN «ANH-HÙNG» NUỚC NAM

Vào khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 19, sau khi nước Pháp đặt xong nền bảo-hộ lên nước Nam bằng Hòa-ước Patenôtre 1884, và sau khi việc đánh úp quân Pháp tại Huế năm 1885 bị thất bại, thì ở Huế, trong dân-gian, người ta truyền khẩu với nhau câu ca-dao sau đây, không rõ xuất xứ từ đâu :

«An-Nam có bốn anh hùng,  
«Tường gian, Viêm lão, Khiêm khùng,  
Thuyết ngu»

Rõ ràng là câu ca dao ấy có tính cách châm-biếm. Bốn nhân-vật được nêu tên đều có dự phần ít nhiều vào thời-cuộc lúc bấy giờ. Ấy là các Ông Nguyễn - văn - Tường, Hoàng - kế - Viêm, Ông-ich-Khiêm và Tôn-thất-Thuyết. Tựu trung, hai ông

Nguyễn-văn-tường và Tôn-thất-Thuyết giữ một vai trò quan trọng hơn cả.

Họ là ai và họ đã làm gì để phải bị dư-luận đương thời mỉa mai một cách chua chát như vậy?

Chúng ta thử ôn lại sơ qua một số dữ-kiện lịch-sử thuộc vào giai-đoạn có thể nói là đen tối vào bậc nhất của nước nhà (mất quyền tự chủ) để xem tại sao có câu ca dao trên :

### NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG và TÔN-THẤT-THUYẾT

Sau khi vua Tự Đức mất (ngày 17.7.1883), thì việc gì trong Triều-đình cũng đều do hai quan phụ-chánh là Nguyễn - văn - Tường và Tôn - thất-Thuýết chuyên quyền định đoạt.

Trong vòng có mấy tháng mà hai ông ấy phế lập đến ba vua (Dục Đức, Hiệp-Hòa và Kiến-Phúc) Những trung thần nào dám lên tiếng can ngăn hoặc chỉ trích hai ông, liền bị hăm hại ngay: như trưởng-hợp của quan Ngự-sử Phan-đinh-Phùng can gián hai ông phế bỏ vua Dục Đức, liền bị bắt giam rồi cách chức đuổi về nguyên quán, và trưởng hợp của quan phụ-chánh Trần-tiễn-Thành không theo ý hai ông phế bỏ vua Hiệp Hòa, liền bị hai ông sai người giết chết. Cho nên trong Triều, từ hoàng-thân quốc-thích cho đến các quan, không ai dám hó hé, vì sợ rủ-róc họa vào mình.

Ông Tôn-thất-Thuyết năm binh-quyền là người có tính hung hăn, hay chém giết, nhưng tài trí

lại kém, nhát gan và hay đa nghi. Ông mộ quân «phán-nghĩa» để giữ mình và thường tiếm dùng nghi-vệ của nhà vua.

Tương truyền rằng ông Thuyết có tánh khó ngủ, hễ có tiếng chó sủa hay tiếng run rít kêu là không thể nào ông ngủ được, mà hễ đêm nào ông không ngủ được là nội ngày mai, thế nào cũng có sự chém giết dân, dù chỉ vì một cớ rất nhỏ mọn, cho nên ông Thuyết ngủ lại đêm nơi nào, thì nơi đó, dân-gian lo giết hết chó và lấy nước sôi tưới lên đất để giết hết run rít.

Còn ông Nguyễn-văn-Tường nắm quan lại, là người học giỏi tài cao, ăn nói hoạt bát, giao thiệp khéo léo, nhưng lại có tánh tham lam và tà dâm.

Ông Tường nhận tiền hối lộ của bọn người Tàu, cho chúng đem «tiền sành» là một thứ tiền niêm-hiệu Tự-Đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân-chúng phải tiêu, ai không tiêu thì phải tội.

Vua Kiến-Phúc lên ngôi hơn sáu tháng thì ngoa bệnh. Đang đêm, vua thấy Nguyễn-văn-Tường lén vào trong cung cẩm và có những cử chỉ bất chính với bà mẹ nuôi của vua là bà Học-Phi, nên vua quở trách, thì sáng hôm sau, vua ngô thuốc mà chết.

Hai ông Tường và Thuyết bèn chọn Ưng-Lịch, lúc đó mới có mười hai tuổi và còn đang ăn mặc rách rưới chơi đùa với các trẻ con nhà bình-dân ở ngoài đường, lên ngôi, lấy niên-

hiệu là Hàm-Nghi. Nhưng đối với hai ông, điều đó không quan trọng bằng làm sao cho có một ông vua bù-nhin để hai ông dễ bề thao túng Triều-định.

Việc đánh úp quân Pháp đêm mồng 4 rạng ngày 5-7-1885 tại Huế, là do hai ông quyết-định, chứ nhà vua không hay biết gì cả.

Trước đó, vào ngày 3-7-1885, Thống-tướng De Courcy cho đòi hai quan phụ-chánh là Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường sang Tòa Khâm-sứ để bàn về việc Thống-tướng vào Nội-tuần yết-kiến vua Hàm-Nghi. Nhưng vì ông Thuyết biết âm-mưu «đòi» ông sang Tòa-Khâm là để giữ ông lại luôn,— âm-mưu này do bọn bồi bếp Tòa-Khâm tiết lộ ra ngoài,— nên ông Thuyết cáo bệnh không đến mà chỉ để ông Tường cầm đầu phái-đoàn đến mà thôi. De Courcy bảo: «*Nếu ông Thuyết ởm thì phải đi vông mà sang*».

Thấy tình-hình thật gay cấn, trưa ngày 4-7-1885, một phái-đoàn khác thuộc Cơ-Mật-Viện lại sang Tòa-Khâm để xin tiếp tục bàn về nghi-lễ yết-kiến, nhưng De Courcy không tiếp. Đã thế, bà Từ-Dũ Thái-Hậu sai người đem phẩm-vật sang tặng, De Courcy cũng khước-tử luôn.

Tôn-thất-Thuyết thấy De Courcy ra oai như thế, phần thi tức giận, phần thi sợ, bèn quyết-định sửa soạn «*sống chết cũng liều một phen*» để đánh nhau, biết đâu địch trở tay không kịp, và ra lệnh khai hỏa vào nữa đêm hôm đó.

Chiều hôm 4-7-1885, Thống-tướng De Courcy làm tiệc đãi các quan Pháp. Lúc tiệc vừa tan, thì súng ở trong Thành-nội bắn qua đùng đùng. Quân Pháp thấy thình lình nứa đệm quân ta đánh phá như vậy, chưa biết thế nào, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 5-7-1885 mới tiến lên đánh, thì quân ta thua chạy. Tổng kết vụ đánh úp, quân ta bị chết khoảng từ 1.200 đến 1.500 người, về phía quân Pháp có 16 người chết.

Bị đánh tan, quân ta rút hồn độn khỏi thành qua các cửa Đông-ba và cửa Hữu. Vua Hàm-Nghi, bà Từ-Dũi Hoàng-Thái-Hậu (mẹ Tự-Đức), bà Thái-Hậu Thuận-Hiếu (vợ Tự-Đức và mẹ nuôi Dục-Đức, bà Học Phi (vợ thứ của Tự-Đức và mẹ nuôi của Kiến-Phúc) và đoàn tùy tùng cũng theo cửa Hữu mà chạy lên phía Trường-thi-Võ thuộc làng An-ninh-Hà, cạnh chùa Thiên-Mụ.

Đến trưa ngày 5-7-1885, Nguyễn-văn-Tường trốn vào nhà ông Giám-mục Caspard ở Kim-Long rồi nhờ ông ấy đưa ra đầu thú với Thống-Tướng De Courcy. Ông này phục chức phụ-chánh cho Tường, cho ở Thương-Bạc-Viện, có một toán lính Pháp coi giữ, và hẹn trong 2 tháng phải làm thế nào cho mọi việc đều được đẹp đẽ.

Còn Tôn-thất-Thuyết thì hộ tống xa-giá và Tam-cung từ Trường-thi ra Quảng-Trị vào tối ngày 6-7-1885. Qua ngày 9-7-1885, Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn rước vua lên Tân-Sở, đền Tam-cung ở lại Quảng-Trị. Ít hôm sau, Tam-cung

trở về Huế sau khi tiếp được thơ của Nguyễn-văn-Tường xin rước xa-giá trở về Đế-đô.

Bị quân Pháp rượt đuổi gấp rút, Tôn-thất-Thuyết bỏ Tân-Sở rước vua ra Quảng-Bình vào ngày 19-7-1885. Ở đây, Tôn-thất-Thuyết cho làm hịch Càn-Vương, truyền đi khắp nơi, kêu gọi kháng-chiến cứu quốc. Nhưng rồi thấy thế không chống nổi quân Pháp, bèn bỏ vua Hàm-Nghi ở lại đồn Vé, thuộc huyện Tuyên-Hóa, tỉnh Quảng-Bình (có các con của Thuyết là Tôn-thất-Đạm và Tôn-thất-Thiệp gìn giữ), rồi đi đường thương đạo ra vùng Hưng-Hóa theo thương-lưu sông Đà lên Lai-Châu nương tựa vào họ Điêu. Đến khi nghe quân Pháp lên đánh, liền bỏ họ Điêu mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Điêu kể chuyện lại rằng khi Tôn-thất-Thuyết đến Lai-Châu, còn có mấy chục bộ hạ đi theo. Nhưng ở đấy một độ, Thuyết chém giết gần hết. Về sau, Thuyết chết già ở Thiều-Châu, thuộc tỉnh Quảng-Đông bên Tàu.

Ngày 1-11-1888, do sự phản bội của hai tên Nguyễn-định - Tình và Trương - quang - Ngọc, vua Hàm-Nghi bị bắt ở làng Tả-Bảo (Quảng-Bình) rồi nộp cho Pháp. Pháp đem vua xuống tàu thủy về Thuận-An rồi đem đày sang xứ Algérie (Bắc Phi-Châu). Về sau, vua Hàm-Nghi lấy một người vợ Pháp sanh được hai con: một là công-chúa Như-Mai sau này đỗ kỹ-sư canh-nông và lấy chồng Pháp, và một hoàng-tử là Minh - Đức, đến nay không có tin tức gì.

Về phần Nguyễn-văn-Tường, đến ngày 6.9-1885 là đáo hạn mà De Courcy đã cho Tường để lo thu xếp mọi việc cho đẹp đẽ, nhưng Tường chẳng làm được trò trổng gì cả, mặc dầu Tường đã ra tuyên cáo kết tội ông Tôn-thất-Thuyết, mang quân đi lùng bắt vua Hàm-Nghi và ông Thuyết, bắt giam cha ông Thuyết, v.v... nên De Courcy đày ông Tường ra Côn Lôn rồi sau đày qua Tahiti. Ông chết già ở đó vào khoảng tháng 2 năm 1886 và đến ngày 30-7-1886, thì xác được đưa về quê nhà mai táng.

### HOÀNG-KẾ-VIÊM

Ông Hoàng-kế-Viêm là một phò mã (1), đồng thời cũng là một quan võ có công đánh dẹp giặc giã và kháng Pháp đắc lực ở Bắc Hà từ năm 1870 cho đến năm 1884.

Năm 1870, ông được Triều-định cử ra Bắc làm Lạng-Bình-Ninh-Thái thống-đốc quân-vụ đại-thần, cùng với quan tán-tương Tôn-thất-Thuyết đi dẹp giặc khách là Tô-Tứ ở tỉnh Lạng-Sơn.

Cuối năm 1873, trong khi quân Pháp, dưới quyền chỉ-huy của đại-úy Francis Garnier, đánh chiếm Hà-Nội lần thứ nhất, thì ông được cử làm Tiết-chẽ quân-vụ đóng ở Sơn-Tây, có đảng Cờ-Đen

(1) Hoàng-kế-Viêm là chồng của công chúa Hương-Lan con vua Thiệu-Tri.

là bọn Lưu-vĩnh-Phúc về giúp. Quân Cờ-Đen đem quân về đóng ở mạn phủ Hoài-Đức. Ngày 21.12. 1873, quân Cờ-Đen về đánh Hà-Nội. Francis Garnier đem quân đi đánh đuối, lên đến Cầu Giấy thì bị phục-quân giết chết.

Năm 1880, vì Bắc-Hà có giặc-giã luôn cho nên Triều - đình đặt ra chức Tỉnh-biên-súr để giữ các nơi về đường ngược. Ông Hoàng - kế - Viêm được phong làm Tỉnh-biên-súr coi hai đạo Lạng-Giang và Đoan-Hùng.

Năm 1882, khi quân Pháp dưới quyền chỉ-huy của đại-tá Henri Rivière, hạ thành Hà-Nội lần thứ hai, thì quan tiết chế Hoàng-kế-Viêm đem quân về đóng ở mặt Mỹ-Đức để chống giữ, rồi sau phải lui quân về phía Bắc-Ninh trước khi tấn công của quân Pháp. Cũng như lần trước, Hoàng-kế-Viêm sai Lưu-vĩnh-Phúc làm tiên-phong đem quân về đóng ở phủ Hoài-Đức và giết được Henri Rivière trong một trận phục-kích

Sau khi quân Pháp lấy thành Bắc-Ninh, Sơn-Tây và thành Thái-Nguyên rồi, Hoàng-kế - Viêm rút quân về giữ ở mạn Hưng-hóa. Nhưng rồi Hưng-hóa cũng thất thủ, quân Cờ-Đen đốt hết pháo xá trước khi bỏ thành Hưng-hóa rút lên mạn ngược. Còn bọn ông Hoàng-kế-Viêm thì kéo lên mạn núi, rồi đi đường thương đạo rút về Kinh, bị triều-đình lột hết chức tước.

Sau khi vua Hàm-Nghi xuất bôn, Thống-tướng De Courcy sai ông De Champeaux đến yết kiến đức

Tư-Dữ đê xin lập ông Chánh-Mông là Kiên-Giang  
Quận-công lên làm vua.

Ngày 14.9.1885, ông Chánh - Mông phải thân  
hành sang bên Tòa Khâm - Sứ làm lê thụ-phong  
rồi làm Iê tǎn-tôn, lấy niên-hiệu là Đồng-Khánh.

Tuy nước Nam đã có vua mới rồi, nhưng ở  
Trung - Kỳ, quân Càn - vương ở các tỉnh vẫn  
đánh phá, quân Pháp và quân của Triều-định  
Huế đi đánh dẹp mà không sao dẹp nổi. Muốn  
dẹp cho yên, họ phải lùng bắt vua Hàm-Nghi cho  
kỳ được.

Năm 1886, Pháp bảo vua Đồng-Khánh khôi  
phục nguyên hàm cho Hoàng-kế-Viêm rồi phong  
cho làm Hữu-Trực-Kỳ An-Phú kinh-lược đại-sứ (1)  
với toàn quyền hành động, để chiêu dụ vua  
Hàm-Nghi và các quan cựu thần về. Trong tờ  
Đụ giao cho họ Hoàng (đã được Thống-đốc Paul  
Bert đồng ý), đại ý nói rằng: «Nếu vua Hàm-  
Nghi mà quy thuận, thì sẽ phong cho làm Tông-  
trấn ba tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh và cho hưởng  
lương bồng như một cấp vương. Còn các quan  
cựu thần mà về quy thuận thì sẽ được phục hồi  
nguyên chức, cho làm quan từ tỉnh Quảng-Tri  
trở vào».

Tháng 11 năm 1886, Hoàng-kế-Viêm mang 300  
linh khố xanh ra Quảng-Bình, cho người đi

---

(1) Hữu-Trực là Quảng-trị, Quảng-bình; Hữu-kỳ là ba  
tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh.

chiêu dụ các quan cựu thần về, nhưng không ai thèm thưởng ứng cả, chỉ có vài kẻ không mấy quan trọng ra quy thuận mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng-kế-Viêm ra kinh-lược cũng không có kết quả, cho nên qua năm 188<sup>5</sup> bị phế truất.

### ÔNG-ÍCH-KHIÊM

Từ năm 1865 đến năm 1875, trong lúc giặc-giã nồi lén ở Bắc-Kỳ vua Tự-Đức cử ông Ông-Ích-Khiêm ra Bắc để dẹp giặc. Nhờ có tài võ và và đánh giặc giỏi, ông đã lập được nhiều công-trạng: như là năm 1865, ông đã phá tan quân giặc Tạ-văn-Phụng lấy lại toàn thành Hà-Ninh do giặc chiếm giữ. Năm 1868, ông đánh phá giặc Ngô-Côn ở Thắt-Khê và năm 1870, ông bắn chết Ngô-Côn ở tỉnh-thành Bắc-Ninh và phá tan quân giặc. Nhờ vậy, ông được vua phong cho chức đốc-binh rồi tiều-phủ-Sứ. Người đương thời gọi ông là Cụ Sơn Phong-Lệ hay Cụ Tiều Phong-Lệ, vì ông sanh ở làng Phong-Lệ, huyện Hòa-vang, tỉnh Quảng-Nam.

Năm 1875, ông lại được vua cử ra Bắc-hà để coi việc phòng-thủ tỉnh Hải-Dương dưới quyền Tông-dốc Phạm-phú-Thúy và Tông-dốc Ninh-Thái là ông Tôn-thắt-Thuyết.

Đến tháng 8 năm 1883, ông có dự vào cuộc chống Pháp ở cửa biển Thuận-An (Huế).

Ông Ông-Ích-Khiêm có tánh cương-trực, ngạo

đời, không chịu khuất phục ai, nhất là tỏ ra bất khuất đối với hai quyền-thần đương thời là Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết.

Cái tinh ngạo nghẽ của ông đã nổi tiếng. Ông xem Triều-định như không có người, nên thỉnh thoảng để lộ ra lầm cù-chì mỉa mai, ngạo mạn, vì lòng nhiệt hành yêu nước.

Người ta kể chuyện rằng:

Khi ông ra nhậm chức ở Bắc-hà, ông đến trình diện Tông-đốc Thái-Ninh Tôn-thất-Thuyết. Ông này tiếp đãi ông rất tử tế, coi như là anh em ban, cùng ngồi ăn một mâm. Trong lúc ăn, ông Khiêm nói: «Biết nhau đã lâu năm, nay tôi xin can anh: nghe nói anh đánh giặc rất hăng, nhưng giết dân ta nhiều quá, dân lấy làm khổ sở. Còn tôi, Khiêm này chỉ giết quân Tàu và quân phiến loạn thôi, không khi nào giết hại dân ta». Nghe xong, ông Thuyết cười gằn không trả lời. Mỗi hiềm khích giữa hai ông sinh ra từ đây.

Người ta còn kể chuyện rằng:

Có lần ông Khiêm thết tiệc các quan trong Triều, nhưng ông dặn trước đầm bếp không được pha trà như thường lệ sau bữa ăn. Ăn xong, ông gọi nước, chẳng thấy nước đâu, ông quát vang lên: «Mẹ cha bay! Gục đầu xuống ăn, không lo gì nước! Ăn cho no, không nước, ăn-làm gì!». Đám quan khách mới biết họ đã bị ông «chơi» cho một mẻ.

Lại một lần nữa, ông đãi cơm các quan đại-

thần nhưng dọn toàn thịt chó, nấu rất ngon, không ai biết là thịt chó. Có người hỏi ông thịt gì mà ngon thế, ông bèn đưa tay chỉ và nói lớn: «*Tren cũng chó, dưới cũng chó, toàn là chó cả!*» Các quan lại bị ông «chơi» cho một mẻ nữa.

Sau hết, người ta cũng kể chuyện rằng: Sau mỗi lần thắng trận trở về, thường tướng khao quân, trong khi thù tiếp các quan khách trọng yếu, Ông-ich-Khiêm cũng chỉ bận có một chiếc khố đù che bụng dưới mà thôi.

Ai cũng biết Ông-ich-Khiêm khi nào xuất trận, cũng ở trần đóng khố, ngồi trên mình voi và đi tiên-phong. Có người trách Khiêm trong những cuộc tiếp tân mà không biết thủ lè, thì Ich-khiêm chỉ chiếc khố, trả lời rằng: «Khi ra đầu trận, tôi cũng nhờ có nó mà thắng được giặc, há bây giờ lại quên nó đi sao?»

Hai quyền-thần Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Tbuyết không thể tha thứ cho cái tánh ngạo mạn của ông, bèn kiểm cớ bắt giam ông. Trong lúc bị giam, ông làm thơ trêu tức và thách thức hai vị quyền-thần ấy (xin xem bài «Trêu quan đại-thần» ở dưới), khiến họ nổi xung đài ông vào tinh Bình-Thuận. Ở đây, ông đã tự-tử bằng độc dược vì quá phẫn uất.

\* \* \*

Sau khi ôn lại một số dữ-kiện lịch-sử như trên, bây giờ thì chúng ta đã rõ Tường, Viêm,

Khiêm và Thuyết là ai và họ đã làm gì.

Nguyễn - văn - Tường và Tôn - thất - Thuyết là một cặp bài trùng, luôn luôn hành động nhất-trí trong lúc chuyên quyền. Thế mà, sau khi họ khởi-nghĩa chống Pháp, bị thất bại, ông Nguyễn-văn-Tường cam tâm ra đầu hàng Pháp, ra thông-cáo kết tội ông Thuyết, mang quân đi lùng bắt vua Hàm-Nghi và ông Thuyết, bắt giam cha ông Thuyết, v.v...

Đương là bầy tôi của vua Kiến-Phúc, Nugyễn-văn-Tường lại thông dâm với mẹ nuôi của Kiến-Phúc là bà Học-Phi (vợ thứ của vua Tự-Đức).

Tôn-thất-Thuyết là một quan văn mà lại làm tướng võ đê giữ nước, thì làm sao mà nước nguy không được. Trong trận đánh úp quân Pháp ở Huế vào đêm mồng 4 rạng ngày 5-7-1885 mà ông có sáng kiến, ông không lượng trước được sức mình và sức địch, thì thất trận là dĩ nhiên.

Trong lúc vận nước ngứa nghiêng, ông Thuyết cầm quyền trong tay mà không biết thu phục lòng dân, chỉ lấy sự chém giết làm phương-sách củng-cố quyền-uy, thì đến khi hữu sự, ai mà ủng-hộ ông ?

Trên bước đường lưu vong, khi thấy nguy đến nơi, ông đã bỏ mặc nhà vua mà chạy thoát lấy thân, bên mình chỉ còn mấy mươi người tám phúc đi theo, mà ông cũng nỡ tâm chém giết gần hết.

Trong khi Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết chuyên quyền, hễ ai làm trái ý là bắt giam hay chém giết. Trường-hợp của hai ông Phan-dinh-

Phùng và Trần-tiễn-Thành đã rành rành ra đó, thế mà ông Ông-ich-Khiêm không chút e dè mà vẫn tỏ thái-độ ngạo mạn và khiêu khích đối với hai quyền-thần ấy đến nỗi phải mất mạng.

Những kẻ yêu nước chống lại quân thù, một khi thất bại và tẩu thoát, thì ai mà dại ra đầu hàng cho được?

Ông Hoàng-kế-Viêm không hiểu hoặc không muốn hiểu tâm-lý ấy, nên đã lãnh sứ-mạng đi chiêu dụ vua Hàm-nghi và các quan cựu thần về đầu thú, với những miếng mồi công-danh phú-quý, thì ai mà tin cho đặng?

Cho nên người đương-thời đã châm-biếm các hành-vi trên của các ông bằng câu ca-dao :

«*An-Nam có bốn anh-hùng,*  
 «*Tưởng gian, Viêm lão, Khiêm khùng,*  
*Thuyết ngu.»*

tuy vẫn tắt, nhưng thật là đầy đủ ý nghĩa, và mỉa mai ở chỗ các ông được đề cao như là những vị anh-hùng ở câu trên, thì xuống câu dưới, các ông bị hạ bệ ngay một cách tàn-nhẫn.

\* \* \*

Trên đây là dư-luận của người đương-thời, e không khỏi có phần quá đáng, do sự kích-thích của những cảm-xúc gây ra bởi những đột biến quá ư lớn lao của thời cuộc.

Về sau, khi số phận của nước Nam đã được

an bài và những cảm-xúc bồng bột đầu tiên đã  
lắng xuống với thời-gian, người đời sau, khi nhìn  
chung vào đại-cuộc, đã nhận ra rằng bốn vị đại-  
thần nói trên đều là những vị anh-hùng có công  
kháng Pháp một cách tích-cực, đến nỗi có vị đã  
phải hy-sinh luôn cả thân-thể và tinh-mạng. Cho  
nên ngày nay, chúng ta không lấy làm lạ khi  
chánh-quyền quốc-gia đã chọn tên của họ, như  
là « Tôn-thất-Thuyết » và « Ông-ích-Khiêm » chẳng  
 hạn, để đặt tên cho vài con đường trong những  
 thành-phố lớn (1), để tri ân lòng can đảm, hy-  
 sinh và yêu nước cao cả của họ.

---

(I) Ở Saigon, có con đường Tôn-thất-Thuyết và ở  
Đà-nẴng, có con đường Ông-ích-Khiêm.



## TRÊU QUAN ĐẠI-THẦN

Dưới triều vua Tự-Đức, hối giặc Pháp ra quấy phá ở ngoài Bắc, vua mạt thuê quân Cờ-Đen của Lưu-Vĩnh-Phúc sang giúp quân ta chống Pháp. Nhưng quân Tàu sach nhiều dân ta rất là tàn ác, khiến dân-chúng oán thán. Ông Ông-Ích-Khiêm được vua cử ra Bắc kháng Pháp, thấy tình-cảnh khốn khổ của dân ta, cho rằng việc thuê quân Tàu sang đánh Pháp là thất sách, nên làm bài thơ sau đây để mỉa mai các quan ta xúi vua cầu viện quân Tàu :

### THUÈ TÀU ĐÁNH TÂY

*Ao chúa cơm vua hưởng bấy lâu,  
Đến khi có giặc phải thuê Tàu.  
Tùng phen vồng giá mau chân nhảy,  
Đến bước chóng gai thấy mặt đau ?*

*Tiền bạc quyên hoài dân xác mướp,  
Trâu dê hiến mãi đưa rắng băn.  
Ai ơi ! hãy chống trời Nam lai,  
Kéo nứa dân ta phải cao đầu ! (1)*

Vì không luôn lụy quan trên và hay tò thải-  
độ xác xược, nên Ông - Ích - Khiêm bị Tù-thất-  
Thuyết và Nguyễn-văn-Tường kiềm cở hụt ngực.  
Trong lúc bị giam ở Huế, ông có làm hai bài thơ  
và hai câu đối hàm xúc sau đây :

Thơ :

*Ủa ! Ủa ! làm sao đến thế này ?  
Ủ ! Đây danh lợi buộc mình đây !  
Bên tai ròn rảng đường đeo ngọc,  
Trước bụng xuềnh xoang tựa thắt đai.  
Cái tháp Trần-Phòn ngồi bén đít,  
Khúc đàn Dú-Lý khảy bên tai.*

• • • • • • • • • • • • • •

\* \* \*

*Mình ốc mang rêu rữa sạch ai  
Rung cây nhát khỉ thói quen hoài.  
Mèo cào xuể vách còn chí súc,  
Sứa nhảy qua dăng mới gọi lài.*

---

(1) Cao đầu theo tục của nhà Mãn-Thanh.

*Hiềm chưa gấp đường dung vó ngựa,  
Để đâu lấy thúng úp mình voi.  
Truông qua chưa khỏi đường khinh khái,(1)  
Chim sổ lồng ra đè đó coi.*

Bài thơ trên đây tái-tinh ở hồ mỗi câu đều dùng một điền ngạn-ngữ và tên một con thú, để chè hai, ngạo nghễ hoặc thách thức Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường. Câu chót lại có hàm ý đe dọa nữa là khác. Bài thơ lọt đến tai hai vị quyền-thần khiến cho họ nỗi giận và đày tác-giả vào tỉnh Bình-Thuận, làm cho ông Khiêm phẫn-tát mà uống thuốc độc tự tử vào ngày 19 tháng 8 năm quý-vị (1883).

### CÂU ĐỐI:

*«Nhất giang lưỡng quốc nạn phản thuyết,  
Tứ nguyệt tam vương triều bắt tướng !»*

Nghĩa là: Sông Hương chia hai dòng nước, thì khó mà nói chuyện (vì một bên là Tòa Khâm-Sứ và một bên là Nam-Triều). Trong bốn tháng mà thay đổi đến ba vua (Dục-Đức, Hiệp-Hòa và Kiến-Phúc) là điểm chẳng lành.

Nhưng dụng ý dùng hai chữ cuối câu «Thuyết» và «Tướng» là để ám-chỉ hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường.

---

(1) Khái là cọp.



## VUA THÀNH-THÁI: MỘT ÔNG VUA HOANG DÂM HAY ÁI - QUỐC ?

Cách đây vào khoảng mấy chục năm, tại cố-đô Huế, trong dân-gian, người ta có truyền khẩu câu ca-dao sau đây mà cho đến nay, nhiều người ở địa-phương còn nhớ :

«*Kim-luông có gái mỹ miều,*  
«*Trâm thương, Trâm nhớ, Trâm liều*  
*Trâm đi !» (1)*

Câu ca-dao trên ám-chỉ vua Thành-Thái (1878-1954).

Tương truyền rằng hồi ông vua này còn đang tại vị, đêm đêm Ngài hay xuất các đê đi lùng bắt các cô con gái đẹp đem về cung cấm làm tỳ

---

(1) Cũng có người nhớ là :

«*Kim-luông lâm gái mỹ miều,*  
«*Cho nên Trâm mới đánh liều đến đây».*

thiếp, khiến cho các nhà nào có con gái nhanh-sắc trông được, phải sợ nơm nớp mà lo gả chồng đi cho sớm, hoặc đêm đến, thì gởi đi ngủ ở nhà khác để tránh tai họa. Người ta đồn rằng ban ngày, Ngài cho linh cận-vệ đi khắp các nẻo chợ thì quê dò xem nhà nào có con gái đẹp chưa chồng, thì về tâu Ngài hay. Rồi thì, khi màn đêm buông xuống, Ngài cho linh dùng xe song mã bit bùng đi bắt cóc các cô gái ấy đem về Nội. Cũng có khi chính Ngài thân chinh nữa.

Làng Kim-luông (1) ở phía Tây Thành-nội Huế là nỗi tiếng có lăm «gái mỹ miều» hơn cả, nên thường hay được Ngài và linh của Ngài chiếu cố. Do đó, mới có câu ca-dao trên, có ý mỉa mai châm-biếm ông vua «hoang dâm» ấy.

Thật ra, câu chuyện trên đây chỉ là một giai-thoại hoang đường do các tay sai của thực-dân Pháp bịa ra để hạ uy-tín của một ông vua nhà Nguyễn thực lòng yêu nước, có tư-tưởng và thái-độ chống Pháp mãnh liệt, hoặc do chính nhà vua đặt ra và cho lưu truyền trong dân-chúng để đánh lạc hướng dư-luận và che dấu việc chuẩn bị kháng Pháp : khi mà một ông vua đã tỏ ra hoang dâm truy lạc, thì kẻ thù là thực-dân đâu còn để ý đến nữa, nhất là về phương - diện chánh-trị.

---

(1) Chính ra là làng «Kim-Long», nhưng chữ «Long» là luý (tên vua Gia-Long) nên phải đọc trại ra là «Luông».

Các sự việc ghi lại sau đây sẽ chứng minh điều đó :

Ông vua bị câu ca-dao nói trên châm biếm tên là Bửu-Lân, con vua Dục-Đức, sinh năm 1878.

Ngày 27 tháng chạp năm Mậu-tí (28-1-1888), vua Đồng-Khánh phải bệnh mất, thọ 25 tuổi, làm vua được ba năm, miếu-hiệu là Cảnh-tông Thuần-Hoàng-đế.

Lúc bấy giờ ông Rheinart lại sang làm Khâm-sứ ở Huế, thấy con vua Đồng-Khánh còn nhỏ, và lại nhớ đến ông Dục-Đức ngày trước, khi vua Dục-tông hãy còn thường hay đi lại với người Pháp, bởi vậy viên Khâm-sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập hoàng-tử Bửu-Lân là con ông Dục-Đức lên làm vua.

Hoàng-tử Bửu-Lân bấy giờ mới lên 10 tuổi, đang cùng với mẹ bị giam ở trong ngục. Triều-dinh Huế vào rước ra và đặt lên ngôi, lấy niên-hiệu là Thành-Thái. Hai ông Nguyễn-trọng-Hợp và Trương-quang-Đản được cử làm phụ-chánh cho thiếu-quân.

Sanh ra vào buổi loạn-ly, đất nước đặt trong vòng áp-chế của người Pháp, lúc thiếu thời còn bị sống trong cảnh giam cầm dày đọa, nên Ngài rất sớm thông cảm nỗi khổ cực của xứ sở. Vì vậy, trong nhiều trường-hợp, Ngài đã tỏ ra chống Pháp.

Năm 1903. Ngài định ra Bắc rồi trốn sang Tàu để mưu đồ đại-sự, nhưng khi Ngài mới đến

Thanh-hóa, thì cơ-mưu bại lộ. Viên Khâm-sứ Trung-kỳ đánh điện ra cho Công-sứ Thanh-hóa chặn xe Ngài lại và đưa Ngài trở về Huế. Vì không có bằng-cớ mưu-phản, nên Ngài còn tại vị.

Kể từ khi xảy ra vụ trên, Ngài bị Tòa Khâm-sứ đề ý và kiểm-soát rất ngặt. Để che mắt người Pháp, Ngài giả điên, hò hét và hay đánh đập các người hầu hạ. Ngài bỏ tiền ra tuyển mộ một số phụ-nữ, lập thành một đội nữ-binhh, cho mặc áo quần theo kiểu riêng, bằng ngày luyện tập quân-sự cho họ, có ý dùng họ vào việc kháng Pháp sau này.

Việc tuyển mộ nữ-binhh nói trên được làm trong vòng bí mật: Ngài cho lính cận-vệ thân tín đến tiếp xúc với họ và gia-đình họ, đã được móc nối từ trước. Nếu được sự chấp thuận, Ngài cho dàn cảnh việc «bắt cóc» họ bằng cách hẹn ngày giờ (thường là ban đêm) và địa-diểm gặp gỡ, rồi lính cận-vệ của Ngài hoặc chính là Ngài đem xe song mã đến đón họ — người ngoài tưởng là bắt cóc — đem vào cung cấm. Ở đây, mỗi đội nữ-binhh gồm 50 người, được huấn luyện quân-sự. Sau khi luyện tập thành thục, 50 nữ-binhh ấy được bí mật giao trả về gia-đình, đợi khi hữu sự thì nhập ngũ chống Pháp. Sau đó, Ngài lại tuyển mộ 50 nữ-binhh mới — cũng bằng cách trên — để thay thế toán trước, và cứ như thế cho đến khi nào đào tạo đủ số nữ-binhh dự liệu.

Để bảo mật, các cô gái bị «bắt cóc» thường

được đưa vào Cốm-thành bằng cửa Hữu của Thành-nội, đối diện với làng Ktm-luông, vì con đường chạy dọc theo bên ngoài Hoàng-thành dẫn đến cửa Hữu rất vắng vẻ vào ban đêm, hai bên đường lại không có nhà cửa của dân chúng. Cũng vì lý-do vị-trí làng Kim-luông thuận tiện như vậy mà các cô gái của làng này được tuyển mộ ưu-tiên và nhiều hơn cả. Điều đó rất dễ hiểu: bí-mật tuyển-mộ dễ được bảo-vệ hơn.

Lý-do thứ hai là các cô gái An-Ninh (giáp với Kim-Long) được tuyển, hầu hết đều là thợ dệt vải (vải An-Ninh rất nồi tiếng), nên vua Thành-Thái cho tổ chức ở Đại-Nội một cái chợ dệt vải, một mặt để đánh lừa thực-dân Pháp và mặt khác, để cho các nữ-binhh của Ngài vừa luyện tập quân-sự vừa dệt vải bán lấy tiền trang trải các chi-phí về họ. Do đó mà tên « Kim-Luông » được nhắc đến trong câu ca-cao kè trên.

Nhưng, than ôi ! Ở thế-gian này, bí-mật nào, dù được giữ kín đến mấy chăng nữa, không chóng thì chầy, thế nào rồi cũng sẽ bị « bật mí » : Việc tuyển-mộ và huấn-luyện nữ-binhh do nhà vua chủ-trương và cho thi-hành từ mấy lâu nay, khi gần đạt kết-quả, thì bị kẻ gian-thần tiết-lộ cho Pháp biết. Nhưng Pháp cũng chưa ra tay với mà chờ bắt được bằng-chứng cù-thê về âm-mưu của nhà vua trước đã. Thị đây, dịp may đã đến với bọn thực-dân :

Năm 1907, vua Thành-Thái chọn một người tâm-phúc trong Hoàng-tộc tên là B.T., dự định sai qua Nhật-Bản bằng tàu thủy lấy cớ là để mua cho Ngài ít thứ đồ dùng, mang theo một tờ mật-Chỉ sẽ trao cho hai ông Cường-Đề và Phan-Bội-Châu lúc bấy giờ đang hoạt động chính-trị ở Nhật với mưu-đồ đánh đuổi thực-dân Pháp ra khỏi Việt-Nam. Tờ mật-Chỉ được giấu trong lòng cây cần trúc của ống điếu mà B.T. sẽ đem theo trong hành-lý. Nào ngờ, B.T. sinh lòng phản trắc, đem dự định tối mật ấy mách với trùm mật-thám Pháp là Sogny. Tên này bảo B.T. cứ việc tiến hành sứ-mệnh mà nhà vua đã giao phó như là không có chuyện gì xảy ra. Thế là, đến khi B.T. sắp bước chân xuống tàu thủy ở Đà Nẵng, mật-thám Tây áp đến khám xét hành-lý của y và bắt được trong lòng cần ống điếu tờ mật-Chỉ nói trên. Pháp giả vờ bắt câu lưu B.T. để điều-tra, nhưng đến khi mọi việc đã được giải-quyết xong xuôi, chẳng những B.T. không hề hấn gì mà về sau, lại còn được Pháp cất nhắt lên đến chức Thượng-tho, để thưởng-thưởng công-trạng phản bội vua của hắn.

Trước âm-mưu đành rành ấy, cộng thêm với vụ vua Thành-Thái định trốn qua Trung-Quốc năm 1903, Pháp liền bắt Ngài ngay rồi đày Ngài đi Vũng-Tàu, khiến cho hoài-bão lớn của Ngài chưa thành mà phút chốc, Ngài đã phải lâm vào vòng lao-lý.

Gần mươi năm sau, thực-dân Pháp lại **đày** Ngài sang đảo Réunion thuộc Phi-Châu cho đến năm 1947, Ngài mới được phép trở về nước với điều-kiện là Ngài chỉ được sống ở miền Nam Việt-Nam mà thôi.

Qua năm 1953, Ngài được phép về Huế viếng thăm mộ phần tổ-tiên.

Rồi đến năm 1954 (ngày 24-3), Ngài mất tại Saigon, để lại nhiều tiếc thương cho dân cho nước. Để tri-ân sự hy-sinh cao cả của Ngài, chính-quyền quốc-gia đã lấy niên-hiệu của Ngài để đặt tên đường ở nhiều thành-phố lớn.

\* \* \*

Những sự-kiện thuộc về ngoại cảnh vừa kể trên chứng tỏ vua Thành-Thái là một ông vua nhiệt tình yêu nước, đến độ phải hy-sinh thân-thế và vương-nghiệp, đồng thời cũng đánh tan huyền-thoại hoang đường theo đó, Ngài là một ông vua hoang dâm vô độ, chỉ chăm lo thỏa mãn các thú tính cá-nhàn chứ không nghĩ gì đến quyền-lợi của quốc-gia dân-tộc đang ở trong vòng kiềm-tỏa cay nghiệt của thực-dân, như thâm ý chép đựng trong câu ca-dao kê trên muôn bài nhợ Ngài.

Và sau đây là những sự-kiện thuộc về nội-tâm chứng tỏ bầu nhiệt-huyết của Ngài đối với dân với nước :

Đó là những bài thơ mà Ngài đã sáng-tác trong những hoàn-cảnh đã làm cho Ngài cảm xúc

tột độ, — những kiệt tác văn chương làm ly thăng thiết, mà mỗi lần đọc lại, chúng ta không khỏi bùi ngùi thương tiếc và khâm phục một vị Hoàng-Đế đã vì nước quên mình :

Năm 1902, Pháp mời Ngài ra Thăng-Long dự lễ khánh-thành cầu Paul Doumer (về sau gọi là cầu Long-Biên). Nhơn dịp này, viên Kinh-Lược Bắc-Kỳ là Hoàng-cao-Khai đưa cho Ngài chầu phê Sắc phong chức tước cho một số quan văn quan võ do Pháp chọn lựa. Ngài từ chối, nói : «*Ta có biết mặt mũi đứa nào đâu !* » Nhưng sau khi Hoàng-cao-Khai khẩn khoảng tâu bày mọi lẽ thiệt hơn, Ngài mới chịu hạ bút chầu phê một cách miến cưỡng.

Tương truyền rằng nhơn dự các buổi tiệc tùng có ca-nhạc và khiêu-vũ do Pháp tổ-chức vào các dịp ấy, Ngài cảm-tác bài thơ sau đây gói ghém tâm-sự bi-thiết của mình :

*Võ võ văn văn ý cảm bào,  
 Trảm vi Thiên-lử tối gian lao.  
 Tam bội hồng-lửu quần lê huyết,  
 Nhứt trần thanh trà vạn cốt xao.  
 Thiên lê lạc dư nhân lê lạc,  
 Ca thanh cao vũ khấp thanh cao.  
 Can qua thế-sự hưu đàm luận,  
 Lân tuất thương sinh phó nhĩ tào.*

Nghĩa là :

*Quan vỗ quan văn lãnh cầm bào,  
 Ta làm Thiên-tử lãnh gian lao.  
 Ba chung rượu đỏ đường dàn huyết,  
 Một chén trà xanh tơ cốt xao.  
 Trời nhỏ lệ như dàn nhỏ lệ,  
 Tiếng ca cao múa khóc càng cao.  
 Chiến-tranh thế-sự thôi dừng nói,  
 Thương tiếc mà chi phó mặc tào.*

(Lời dịch của cụ Tôn-thất-Sa)

Trong một thời-gian dài mấy chục năm, ai ai cũng đinh ninh rằng bài thơ trên đây là của vua Thành-Thái. Cho đến khi Ngài được trở về nước vào năm 1947 (sau 40 năm bị lưu đày), trong một buổi hội-kiến giữa Ngài và cụ Lê-thanh-Cảnh (năm nay 79 tuổi hiện sống ở Saigon), Ngài cho cụ Cảnh hay rằng bài thơ trên không phải là của Ngài mà chính là của Hoàng-cao-Khai, Kinh-lược Bắc-Kỳ. Ngài ché hai câu «*Trầm vi Thiên-tử tối gian lao*» và «*Làn tuất thương sinh phó nhĩ tào*» trong bài thơ ấy. Ngài bảo: «*Một vì Thiên-tử xứng danh-hiệu ấy không bao giờ than phiền gian khổ vì việc nước, và cũng không bao giờ phó mặc kẻ dưới giải-quyết việc nước, mà phải lãnh trách-nhiệm đối với quốc-dân đồng-bào. Một ông vua có những tư-tưởng và hành-dộng như vậy là một ông vua hèn. Tôi không phải là một ông vua hèn nên không bao giờ sùng-tác những bài thơ có cái giọng hèn nhát như vậy».*

Lời tuyên bố trên đây của cựu-hoàng Thành-Thái với cụ Lê-thanh-Cánh, đã đánh tan một ngô nhận đáng tiếc trong giới học thức về tác-giả của một bài thơ đã đi vào văn-học-sử nước nhà.

Cũng nhơn dịp Bắc du lần ấy (1902), Ngài đã cảm tác bài thơ hoài cổ sau đây :

### THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỔ

*Kỷ độ tang-thương kỷ độ kinh,  
Nhất phiên hồi thủ nhất phiên tình.  
Ngưu hổ dĩ biến tam triều cuộc,  
Hổ động không dư bách chiến thành.  
Nùng-lĩnh phù vân kim cổ sắc,  
Nhĩ-hà lưu lamy khấp ca thanh.  
Cầm hò doạt sáo nhân hà tại ?  
Thùy vị giang-san tẩy bát binh.*

Nghĩa là :

*Bè đau đời đổi trại bao nhiêu ?  
Ngoảnh lại càng đau ruột chín chiu.  
Bến cũ ba triều trâu mèp lấm,  
Lũy xưa trăm trận cọp nắm queo.  
Bức tranh mới cũ mây Nùng chấm,  
Khúc nhạc vui buồn nước Nhĩ reo.  
Hàm-tử, Chương-dương còn đó đó,  
Non sông luống đẽ bụi tràn deo !*

Hoài-Nam Nguyễn-Trọng-Cần dịch

Như đã nói ở trên, năm 1947, cựu-hoàng Thành-Thái được phép trở về nước và bị quản-thúc ở Vũng-Tàu trong một thời-gian. Đến khi được phép về cư-trú ở Thủ-đô, trên con đường từ Vũng-Tàu đến Saigon, nhìn lại non nước, Ngài nhớ lại chuyện cũ, không khỏi bùi ngùi trước cảnh khói lửa đang lan tràn trên đất nước, nên đã sáng-tác hai bài thơ hàm xúc sau đây, gói ghém nhiều tâm-sự bi thiết nãy nùng:

### CẨM HOÀI

#### I

*Sóng thura nào biết có hôm nay.  
Nhìn lại non sông đất nước này  
Sóng ngựa (1) chưa quên câu chuyện cũ,  
Ruột tăm thêm bận mối sầu tây.  
Thành Xuân nghìn dặm mây mù mịt,  
Bè Cáp tư bè sóng bùa vây.  
Tiếng súng đêm ngày như nhạc khúc,  
Dẫu cho sắt đá cũng chau mày !*

- 
- (l) Trong truyện Chiêu-Quân cống Hồ, Tướng nhà Hán là Tô-Vũ bị rợ Hồ bắt dây lên phương Bắc. Sau khi Chiêu-Quân trầm mình chết, vua Hán yêu cầu vua Hồ thả Tô-Vũ về. Vua Hồ nói: «Bao giờ ngựa mọc sừng và đê đực đẻ con, ta mới thả Tô-Vũ.» Về sau, vua Hán bày đặt chuyện chim nhạn có mang thơ của Tô-Vũ gởi về, vua Hồ nghe tin ấy tưởng thật, cho là điềm lạ, mới chịu thả Tô-Vũ sau 19 năm dây ải.

## II

*Chau mày lụy ưa suốt canh thâu,  
Đất tổ, hồn thiêng đâu ở đâu ?  
Dưới một bầu trời chung Bách-Việt,  
Trên hai cõi đất vạch Hồng-Cầu.  
Gió than trách kẻ lòng đen bạc,  
Dế khóc thương ai kiếp dài dẫu.  
Mãi đứng núi nầy trông núi nọ,  
Biết bao giờ bể hóa thành đâu ?*

Cai khí-tiết hào hùng và bất khuất của Ngài được truyền lại cho con là vua Duy-Tân với cuộc nổi dậy vào đêm mồng 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916 sẽ được lược kể ra ở phần dưới.

\* \* \*

### NHỮNG GIAI-THOẠI LÝ-THÚ VỀ VUA THÀNH-THÁI

Vua Thành-Thái có tiếng là nghiêm khắc đến dữ tợn với tất cả mọi người, đối với con cái cũng vậy, nhưng Ngài rất ham chuộng nghệ-thuật và trọng nhân-tài nên lắm khi Ngài tỏ ra rất quang đại đối với những ai đã làm cho Ngài khâm phục, bất cứ về phương-diện gì. Người thời nay có thể

gán cho Ngài cái danh-từ «chịu chơi». Những câu chuyện (1) kể lại sau đây là một bằng-chứng:

### CẬU HAI HÓT

Hồi vua Thành-Thái còn đang trị-vì thiên-hạ, tại Đé-Đò, có xuất hiện một hiện-tượng kỳ lạ: đó là một thanh-niên người Bác, đẹp trai, ăn nói có duyên, khiến cho nhiều bà và nhiều cô mê hồn như điếu đổ, có khi mắt cao hồn cả tinh lân tiễn. Đến như đàn ông cũng còn bị hồn lừa gạt nữa là phụ-nữ. Hồn chỉ sống nhờ có một khuông mặt đẹp trai và tài ăn nói (tài «hót»). Do đó, người đương thời đặt cho hồn một cái tên hay hay: «Cậu Hai Hót».

Nghe danh Cậu Hai Hót, một hôm, vua Thành-Thái cho đòi hồn vào Bệ kiến. Ngài nói: «Ta nghe mi hót hay lắm, đến nỗi có kẻ khuynh gia bại sản vì mi. Vậy mi hãy trồ tài đi! Nếu mi hót được ta, ta thường cho mi ba lạng bạc, bằng không, ta lấy cái đầu mi. »

Cậu Hai Hót đứng sững người, không thốt lên được một tiếng, nước mắt nước mũi ràn rụa, tay chun run lẩy bẩy, miệng há hốc như người sắp chết. Vua quát: « Tại sao mi không hót? Ta chờ mi một phút nữa thôi; nếu mi vẫn

---

(1) Viết theo «Chuyện xưa kể lại trường Quốc-Học» của Ông Võ-văn-Triêm, đăng trong Đặc-san Ái-hữu Quốc-Học (lập IV năm 1972).

không bót, ta xin mi cái đầu ! Nghe chưa ? ».

Hai Hót liền quỳ xuống tàu: «Muôn tàu, con xin thú thật với Ngài Ngự, con có tật nghiện thuốc trà (thuốc lào). Từ sáng sớm đến giờ, bị bắt dân vào đây, con chưa được hút một điếu nào cả, cho nên khi chợt trông thấy cái ống điếu thuốc trà của Ngài Ngự đê trên bàn kia kia, con bị con ghiền nỗi lên hành hạ, khiến cho con không tài nào hút được nữa. Vậy xin Ngài Ngự chém đầu !»

Vua bèn truyền thị-vệ đem cái điếu thuốc trà của Ngài đê gần đó, nhét thuốc vào và châm lửa cho Hai Hót hút. Sau khi rít một hơi dài, hắn ngần mặt lên, phà khói thuốc ra cả đàng mũi đàng mồm, trong có vẻ khoan khoái lắm. Mặt hắn tươi bắn lên, mắt hắn sáng người, miệng hắn lại chumm chím cười nữa, ra vẻ dắc chí không ai bằng. Nhưng hắn vẫn vòng tay đứng im không hút.

Vua mới hỏi: «Mi đã hút qua cơn nghiện rồi, tại sao mi không hút ?»

Hắn đáp: «Muôn tàu, dạ rồi, dạ con hút rồi !»

Vua đập bàn, quát: «Láo ! Mi hút hồi nào ? Bộ mi muốn giốn mặt với ta hả ? Mi to gan thật !»

— «Muôn tàu ! Con đâu dám giốn với Ngài Ngự ! Con nói thật mà : Con đã hút được của Ngài Ngự một điếu thuốc trà rồi đó ! Thủ hỏi, ai mà hút được điếu của Ngài Ngự ?»

Vua Thành-Thái bật ngửa ; té ra nãy giờ, vua đã bị Hai Hót đánh lừa mà không biết. Tuy vậy,

vua cũng phải phải phục tài hắn và thưởng cho hắn ba lạng bạc như vua đã hứa.

Về sau, trong khi đi hành nghề «hót» ở Bao-Vinh, hắn đã bị một chú lái ghe đá văng xuống sông chết tốt, vì hắn bị bắt quả tang tháng gian với vợ chủ lái mà hắn đã «hót» được.

### MỘT TAY TRỐNG CÙ KHÔI

Vua Thành-Thái là một ông vua có tài đánh trống rất giỏi. Nhưng vua nghe nói ở đất Truồi (Thừa-thiên), có một tay trống cù khôi hơn nhiều. Vốn là một ông vua ham chuộng nghệ thuật và trọng các nhân-tài, vua bèn cho triệu tài-tử ấy vào trong Nội biều-diễn đánh trống cho Ngài xem chơi. Quả thật, tay trống ấy đã tỏ ra xuất sắc, lối lạc, Ngài chào thua. Ngài nói: «Ta phục tài đánh trống của nhà ngươi lắm đó, ta thưởng cho ngươi ba lạng bạc. Nhưng có một điều ta cần phải nói cho nhà ngươi rõ là trong khi biều diễn, nhà ngươi có tật lúc lắc cái đầu, trông xấu lắm. Hôm nay, ta cho nhà ngươi về, rồi sau tháng sau, ta sẽ cho triệu nhà ngươi trở lại đây. Nếu lúc đó, cái đầu của nhà ngươi vẫn còn lắc trong khi nhà ngươi biều-diễn, ta sẽ mượn nó.»

Kê từ đó, ngày nào tay trống cù khôi cũng tập dượt ráo riết. Nhưng đã gần hết hạn sáu tháng rồi mà tật lúc lắc đầu trong khi đánh

trống vẫn không sao sửa chữa được. Hắn đậm ra lo lắng quá chừng, mất ăn mất ngủ, rồi ngoại bệnh mà chết.

Khi nghe tin ấy, vua Thành-Thái nói với viên thị-vệ hầu cận : « Trước đây, ta chỉ nói chơi với hắn đó thôi, cốt là để cho hắn bỏ cái lật lúc lắc cái đầu trong khi đánh trống, trông không được đẹp mắt, ta có ngờ đâu hắn tưởng ta nói thật mà đâm ra lo sợ đến nỗi chết, thật là tội nghiệp ! » Rồi vua truyền ban tiền bạc cho gia-dinh hắn lo tống tang hắn hàn hoi, và còn ban cho vợ con hắn một số tiền to để mưu sinh nữa. Có lẽ nhà vua đã hối hận vì lời nói chơi trước đây của mình chẳng ?

### MỘT HOÀNG-TỬ LANH TRÍ KHÔN

Vua Thành-Thái có nhiều con, trên ba chục « mệ »(1). Mệ nào phạm lỗi, Ngài đập thẳng tay, nhưng trong thời-gian chưa kịp đánh đập mà người phạm lỗi làm cho Ngài cười là Ngài tha tội liền.

Đêm hôm đó, chùa Linh-Mụ làm chay, vua và đình-thần có đến dự lễ, có Mệ Vĩnh-san (lúc đó mới lên bảy, sau này là vua Duy-Tân) được chọn theo vua cha hầu điếu tráp. Trước đó, mệ Vĩnh-San có phạm một lỗi gì đó mà vua chưa

---

(1) « Mệ » : Danh-tử của Hoàng-phái chỉ các con vua

kịp trừng phạt. Trong khi chờ buổi lê cử hành, vua lấy thuốc vấn kiều sâu kén ra để hút, bảo mệ Vĩnh-San quẹt diêm. Mệ tâu không có diêm, mặc dầu trong tráp có sẵn diêm, rồi chạy một mạch thẳng xuống nhà bếp của chùa, vác một lẻ củi to tướng đỗ hùng hực lấy ở bếp nấu bánh tét, lê mẽ đi thẳng đến trước mặt vua và đình-thần nói lớn : « *Dạ thưa lửa đây* ». Vua và đình-thần cười xòa. Thế là mệ Vĩnh-San khỏi bị đòn.



## VUA DUY-TÂN: MỘT ANH-HÙNG DÂN-TỘC

Năm 1925, vua Khải-Định thăng hà, thọ được hơn 40 tuổi, sau chín năm trị vì kể từ giữa năm 1916.

Trong dịp đám tang linh đình của nhà vua ấy, Hoàng-gia nhận được rất nhiều trường liên phúng-diếu từ nhiều nơi gởi đến, trong đó người ta chú ý đến một bức trường khá to, từ đảo Réunion tận bến Phi-Châu gởi về, với đôi câu đối điếu như sau :

«ÔNG VỢI BỎ ĐI ĐÂU, BỎ TIỀN, BỎ BẠC,  
BỎ VỢ, BỎ CON, BỎ THẦY TU HẤT BỘI, BỎ  
HẾT TRẦN-DUYÊN TRONG MỘT LÚC

«TÔI MAY CÒN LẠI ĐÓ, CÒN TRỜI, CÒN  
ĐẤT, CÒN NUỐC, CÒN NON, CÒN ANH-HÙNG  
HÀO-KIỆT, CÒN NHIỀU VẬN-HỘI GIỮA NĂM  
CHÂU.»

Với hai vẽ đồi trên, tác-giả tỏ ra thương tiếc người đã khuất, nhưng lại đề lộ ra một ý mỉa mai và châm-biếm rõ rệt: vẽ trên ám-chỉ các thị-dục tầm thường của vua Khải-Định lúc sinh-tiền, vẽ dưới nói đến cái cái ý-chí hào hùng của tác-giả.

Tác-giả đồi vẽ đồi tuyệt tác nhưng ngạo mạn ấy là ai vậy?

Xin thưa: đó là cựu-hoàng Duy-Tân, lúc bấy giờ đang bị lưu đày ở đảo Réunion, một ông vua tuổi trẻ mà chí lớn, đã dám hy-sinh cả thân-thế và vương-nghiệp để muru khôi-phục lại giang-san đang ở trong vòng kiềm-chế của thực-dân Pháp, một ông vua xứng danh là anh-hùng của dân-tộc, mà ít người biết đến một cách tỏ tường.

Vậy nhắc lại sơ lược ở nơi đây cuộc đời của vị anh-hùng ấy, tưởng không phải là vô ích.

*Một cuộc tuyển chọn Hoàng-Đế kỵ lạ.*

Vào khoảng tháng 7 năm Đinh-vị (1907), sau khi truất phế vua Thành-Thái và đày Ngài đi Vũng-Tàu như đã nói ở trên, Pháp lập con của Ngài là Hoàng-tử Vĩnh-San lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Duy-Tân, vào ngày 28 tháng 7 năm Đinh-Vị (1907).

Trường-hợp Pháp chọn Hoàng-tử Vĩnh-San, con thứ 5 của phế-đế, mới được 8 tuổi (Vĩnh-San sinh ngày 25 tháng 8 năm Canh-tí — 1900),

chứ không chọn người con trưởng là Hoàng-tử Vĩnh-Trân (tức Ngũ-Đại) hay một vị Hoàng-tử nào khác lớn tuổi hơn, là một trường-hợp khá ngô nghênh và thích thú, đáng được kể lại :

Một ngày vào khoảng tháng 7 năm Đinh-Vị (1907), sau khi đã bắt giam vua Thành-Thái, viên Toàn-Quyền Đông-Dương, có viên Khâm-sứ Trung-Kỳ và một số viên-chức cao cấp Pháp tháp tùng, rần rộ kéo vào Đại-Nội họp với đông đủ các quan đại-thần của Nam-Triều, nhằm mục-đích chọn một vị Hoàng-tử để kế vị vua Thành-Thái.

Pháp bắt buộc Nam-Triều phải đem ra trình diện tất cả các Hoàng-tử con của phế-đế để Pháp «*chọn mặt gửi vàng*». Sau khi ăn mặc chỉnh-tề, các Hoàng-tử đều lần lượt được đưa ra trước «Hội-nghị thượng-đỉnh». Nhưng khi kiểm điểm lại, thì thấy thiếu đi một «mệ» : đó là Hoàng-tử Vĩnh-San lên 8 tuổi. Pháp buộc phải tìm cho ra mới nghe. Thôi thì, tất cả các thị-vệ và cung-nữ đang phục-dịch trong cung cấm đều được huy-động đi tìm kiếm mệ Vĩnh-San : một sự náo-loạn diễn ra trong cung-diện, tưởng chừng như là có biến-cố gì trọng-đại xảy ra.

Đợi đã hơi lâu mà chưa thấy Nam-Triều đưa Hoàng-tử Vĩnh-San ra trình diện, viên Toàn-quyền Pháp tỏ vẻ giận dữ và toan đứng dậy bỏ ra về, thì một thị-vệ dẫn Hoàng-tử đến, mặt mày lem luốc và áo quần dính đầy màn nhện. Đinh-thần bèn giải-thích cho viên Toàn-quyền hay rằng:

vì quá sợ bị chọn làm Hoàng-đế, Hoàng-ử đã trốn chui trốn nhủi, nên mới ra nòng nỗi. Để ra trình diện kịp thời, Hoàng-tử không kịp đi tắm rửa và thay quần áo.

Mục-đich của Pháp là đưa lên Ngôi một ông vua dần độn, không có tinh-thần chống Pháp để dẽ bẽ sai khiến về sau này, càng nhỏ tuổi càng tốt, để dẽ bẽ uốn nắn. Cho nên, khi viên Toàn-quyền trông thấy Hoàng-tử Vĩnh-San đang còn nhỏ và đã tỏ ra quá nhát gan như đinh-thần đã cho biết, thì chọn ngay Hoàng-ử để tấn-phong, không chút do dự. Ông có ngờ đâu rằng ông đã lầm to khi có quyết-định ấy.

Thật vậy, lý-do Hoàng-tử vắng mặt lúc nấy, thật ra không phải vì sợ mà chạy trốn, mà là bạn đã bắt rể rể ở dưới các bộ rầm hạ.

Ít hôm sau đó, trong buổi lễ đăng-quan, có mặt viên Toàn-quyền và đoàn tùy-lùng hôm nọ, Hoàng-tử đã tỏ ra chũng chạc như người lớn, đối đáp với vị đại-diện Pháp bằng tiếng pháp rất lưu loát, tỏ ra thông-minh lạ thường, đối khi còn thốt ra những câu nói trích thượng và xóc óc là khác, khiến cho viên Toàn-quyền Pháp chưng hửng, nhưng việc đã trót lỡ mất rồi, dù có thay đổi ý-kiến cũng không được nữa.

Một ký-giả Pháp, có mặt trong buổi lễ tấn-phong hôm đó, đã viết bài tường-thuật đăng trên các báo-chí ở bên Pháp trong đó ký-giả ấy đã có câu kết-luận như sau :

*«Un jour de trône a complètement changé le visage de cet enfant de huit ans».*

Nghĩa là : « Một ngày ở trên Ngai vàng đã thay đổi hẳn bộ mặt của đứa trẻ nít tám tuổi ấy ».

Chín năm sau, viên cựu Toàn-quyền Pháp, người đã chọn Hoàng-tử Vĩnh-San, hẳn phải hối tiếc nhiều hơn nữa khi vị Hoàng-tử ấy, trong ngôi-vị Hoàng-Đế, đã cầm đầu một cuộc vùng dậy chống Pháp vào đêm 3 rạng ngày 4-5-1916.

### CUỘC KHỎI-NGHĨA NĂM 1916 :

Vào khoảng thời-gian đó, lợi dụng cơ-hội Pháp đang bận tay đánh nhau với Đức trong cuộc thế-chiến thứ nhất (1914-1918), vua Duy-Tân cùng các đồng-chí như là các ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Phạm-thanh-Chương, Phan-thanh-Tài, Tôn-thất Đề, Nguyễn-quang Siêu, v.v..., âm-mưu một cuộc bạo-dộng chống Pháp để khôi-phục lại giang-san.

Cuộc vùng dậy toàn diện được ấn-định vào giờ Tí ngày mồng 2 tháng 4 năm Bính-Thìn (nửa đêm 3-5-1916),

*Các lực-lượng cách-mạng* đã được tổ-chức hoặc móc nối gồm có :

— Các đạo dân-quân hai tỉnh Quảng-Nam và Quảng-Ngãi có đảng-lực mạnh mẽ và kiên-cố

hơn hết (1), được coi như là chủ-lực trung-kiên của cuộc cách-mạng, sẽ phối hợp với binh-sĩ chiếm giữ cửa biển Đà-nẵng.

-- Các đạo dân-quân Thừa-thiên sẽ hưởng ứng với các đội binh-sĩ chiếm lấy kinh-đô Huế. Các binh-sĩ này gồm có các đội lính khố-xanh, khố vàng, lính Bảo-hộ ở đồn Mang-Cá và nhất là đội tân-binh được Pháp tuyển-mộ để ném vào chiến-trường Âu-Châu, đang chờ tàu sang Pháp. Đội tân-binh này được coi như là lực-lượng xung-phong.

-- Các đạo dân-quân và đội lính khố xanh tỉnh Quảng-trị.

Tại Bình-Định, thực-lực trong hàng-ngũ binh-sĩ và dân-chúng chưa được mạnh mẽ, sẽ chờ hưởng-ứng với Quảng-Ngãi.

*Kế-hoạch khởi-nghĩa* được ấn-dịnh như sau :

-- Các yếu-nhân cách-mạng mỗi người phụ trách điều-khiển một tỉnh. Hai cụ Trần-cao-Vân và Thái-Phiên điều-động chiếm lấy kinh-đô Huế và rước vua Duy-Tân ra khỏi Hoàng-thành.

-- Các tân-binh trong các trại lính Pháp, các lính khố-xanh, khố vàng và lính Bảo-hộ sẽ phối-hợp với các đạo dân-quân ở ngoài, đồng-lot vùng dậy ở Huế và suốt mẩy tỉnh Trung-Kỳ khi có hiệu-lệnh.

---

(1) Đảng Việt-Nam Quang-Phục Hội do cụ Phan bội-Châu sáng lập năm 1903.

— Cuộc tông - khởi - nghĩa sẽ phát động bằng một phát súng thần-công bắn tại kinh-đô Huế, được coi như là khởi điểm, để làm hiệu-lệnh cho hai tỉnh Quảng - trị và Quảng - bình, đồng thời ở đèo Hải - vận cũng sẽ nồi lửa để báo hiệu cho hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-ngãi.

Kế-hoạch trên được coi như là hoàn-bị, chỉ còn chờ ngày giờ thi-hành...

Nhưng, than ôi! Kế-hoạch ấy không bao giờ được thi-hành vì *co-mưu đã bại lộ*:

Ba ngày trước hôm khởi-nghĩa, do sự so-suất của tên Võ-An, cai lính khổ - xanh Quảng - ngãi, một đảng-viên được tể-chức trong hàng-ngũ cách-mạng, và em nó là Võ - Huệ, lính giản tại dinh án-sát Quảng-ngãi, các quan đầu tinh này là các ông án-sát Phạm - Liệu, tuần-vũ Trần-tiến-Hối và công-sứ De Tastes được biết rõ co-mưu của phe cách-mạng nhờ tra-khảo hai tên lính khổ - xanh và lính giản nói trên.

Vào khoảng hạ tuần tháng 3 năm Bính-Thìn, tên cai khổ xanh Võ-An nói trên, được lệnh thuyên-chuyển di-nơi khác. Trước giờ cáo biệt, Võ-An đến từ-giã em nó là lính giản Võ-Huệ. Tên này bèn bày tiệc rượu tiễn anh lên đường. Trong lúc chè chén say-sura, Võ-An đã tiết-lộ cho Huệ biết công-tác của đảng và, vì tình ruột-thịt, đã cẩn dặn Huệ trước ngày biến-động, nên xin phép về quê lánh mặt.

Nghe theo lời anh, ngày 30 tháng 3 (năm

Bính-Thìn), lúc 2 giờ rưỡi chiều, Võ-Huệ vào xin phép viên Án-sát về quê thăm nhà.

Án-sát Phạm-Liệu, vốn đã có nghe phong phanh hoạt-động của phe cách-mạng, nhưng chưa tìm ra manh-mối, nay Võ-Huệ xin phép ngồi một cách đột ngột, bèn sanh nghi, nên vặn hỏi Huệ dồn dập. Trước uy-quyền của viên Án-sát thời ấy, Huệ đâm ra luống cuống và cuối cùng, đành phải khai hết sự thật. Thế là cả hai anh em Võ-An và Võ-Huệ đều bị Phạm-Liệu giữ lại để điều-trá và do đó, cơ-mưu của phe cách-mạng bị bại lộ.

Được mật-điện của Công-sứ Quảng-ngãi cấp báo, viên Kham-sứ Trung-kỳ tại Huế lập tức mật báo cho tất cả các công-sứ các tỉnh nỗ lực canh-phòng ráo riết. Do đó, các đồn và trại lính đều nhận được lệnh thâu hết súng đạn cất vào kho, các cửa đồn đóng chặt, các cơ lính người Nam được giữ lại trong thành, ngoài đường chỉ có các đội lính Tây tuần tiễu mà thôi. Nam-riều không hay biết gì cả vì không được Tòa-kham thông báo.

Các thủ-lãnh cách-mạng cũng tuyệt nhiên không hay biết gì về việc cơ-mưu đã bại-lộ, nên cứ theo kế-hoạch mà thi-hành. Khắp các nơi, các đơn-vị dân-quân đều tập-trung sẵn sàng ở các địa-diểm chỉ định, chờ nghe hiệu-lệnh thì tiến quân.

Vào khoảng 11 giờ đêm hôm 3-5-1916, vua Duy-Tân cải trang làm thường dân do hai ông Tôn-thất-Đề và Nguyễn-quang-Siêu hộ-tống ra khỏi

Hoàng - thành, đến bến Thương - Bạc có thuyền  
của hai ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên đón rước.

Vừa đến Thương-Bạc, nhà vua gấp ngay tên  
Võ-quang-Trú, phán-sự Tòa Công-sứ Thùa-thiên,  
là người được phe cách-mạng ủy-nhiệm tuyên-  
truyền và móc nối các cơ-linh tân-binh và lính  
Bảo-hộ. Có lẽ vì biết được cơ-mưu đã bại lộ,  
do việc Pháp cho thâu hết súng đạn cất vào  
kho, nên Phán Trú lật đật xuống thuyền qua  
sông phi-báo với Tòa Khâm-sứ để tự cứu lấy  
mạng mình.

Hai ông Trần-cao-Vân và Thái-Phiên rước vua  
xuống thuyền đi thẳng về làng Hà-Trung, ghé nhà  
một đảng-viên chờ đến giờ phát lệnh.

Các tân-binh, lực-lượng xung - phong chính,  
và các binh-linh Bảo-hộ đã bị cắm trại và tước  
hết khi-giới, thì còn ai bắn súng thản-công phát  
lệnh xuất quân vào một giờ khuya ngày 4-5-1916  
(là giờ tống-khởi-nghĩa) để báo hiệu cho Quảng-  
trị và Quảng-Bình. Không nghe tiếng súng lệnh,  
cũng không ai ở đèo Hải Vân nồi lửa báo hiệu cho  
Quảng-nam và Quảng-ngãi,

Các đoàn dân-quân tụ tập ở các nơi chỉ định  
chờ đến gần sáng mà cũng không nghe hoặc thấy  
lệnh báo hiệu, đành phải tự giải-tán. Duy ở phủ  
Tam-kỳ, dân-quân đến vây đồn đại-lý và phủ,  
bắt được viên tri-phủ Tạ-thúc-Chuyên trói lại,  
và ở một vài phủ, huyện ở Quảng-ngãi, cũng  
có những bạo-động tưống-tụ, nhưng đến sáng

ngày 4-5-1916, khi các đội lính Lê-dương kéo tới, thì các toán dân-quân phải rút lui.

Thế là cuộc cách-mạng bị thất bại hoàn toàn. Vua Duy-Tân và các đồng-chí đều lần lượt sa lưới của thực-dân. Ngài bị Pháp đày sang đảo Réunion, một thuộc-địa của Pháp ở Phi-Châu : Chiếc tàu thủy « Guadiana » chở Ngài từ Vũng-Tàu đến Pointe des Galets (Réunion) vào ngày 20-11-1916 sau một cuộc hành-trình 17 ngày. Các đồng-chí nòng cốt của Ngài như các ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Tôn-thất-Đề, Nguyễn-quang-Siêu, Phan-thanh-Tài, Lê-Ngung, v.v... đều bị kết án tử-hình. Thậm chí, các ông Phan-thanh-Tài và Lê-Ngung, tuy đã tự sát bằng độc dược ngay ở khám-đường rồi, nhưng cũng bị xử « *lực thi trảm niệu* », nghĩa là xác bị dựng lên để chém đầu. Còn các đồng-chí khác, lớp thì bị đày đi Lao-bảo, lớp thì bị đày lên Thái-nghuyên và lớp thì bị đày ra Côn-Lôn.

Trước khi ra pháp-trường thọ hình, cụ Trần-cao-Vân có làm bài thơ tuyệt bút sau đây :

« *Trung-lập kiền-khon bắt ỷ thiên,  
Việt-Nam văn-vật cỗ-lai truyền.  
Quán dân cộng chủ tinh-thần hội,  
Thần-tử tôn châu nhật nguyệt huyền.  
Bách-việt sơn-hà vô bách xỉ,  
Nhất xang trung-nghĩa hữu thanh thiên.  
Anh-hùng để cục hưu thành bại,  
Công-luận thiên thu phó sử biên.*

Nghĩa là :

*Giữa trời đất sừng sững không thiên,  
Nghìn năm nước Việt còn truyền sự xanh.*

*Chu-vương nhân chính đại hành,  
Quàn dân hợp sức lùy thành đắp xây.*

*Người thù non nước còn đây,  
Trời xanh với tấm lòng nầy tương tri.*

*Anh-hùng thành bại sa gi,  
Nghìn thu lịch-sử còn ghi lại đời!*

(Cụ Hành-sơn Lương-Vĩnh-Thuật dịch)

Và đến khi sắp sửa lên đoạn - đầu - dài đèn nợ nước, cụ Trần-cao-Vân còn lén thuê đao-phủ-thủ là cụ Ngáo mang một mảnh giấy quyển vẫn thuốc đê giao cho Học-Bộ Thượng-thor Hồ-đắc-Trung sau khi cụ Vân đã ra người thiên-cõ. Ông Trung lúc bấy giờ là người được Nam-triều ủy-nhiệm soạn thảo bản án Duy-Tân. Trên mảnh giấy ấy, cụ Trần-cao-Vân viết tha khẩn-khoản họ Hồ tìm cách cứu mạng nhà vua. Cuối thư, có câu :

«TRUNG LÀ AI? NGHĨA LÀ AI? CÂN ĐAI  
VÕNG LỌNG LÀ AI? NƠI ĐỂ CÓ-THẦN TỬ-  
NGHIỆT.

«TRỜI CÒN ĐÓ! ĐẤT CÒN ĐÓ! XÃ-TẮC  
SƠN-HÀ CÒN ĐÓ! MẾN(1) CHO THÁNH-THƯỢNG  
SINH HOÀN! »

(1) «MẾN» : Tiếng địa - phương Quảng-Nam có nghĩa là : quyết tâm làm cho kỳ được.

Lưỡi hái tử-thần đã kè gần cõi rồi mà cù  
Trần-cao-Vân không nghĩ gì đến bản thân mình,  
đến cha mẹ vợ con mình, mà chỉ nghĩ đến sinh-mạng  
của nhà vua, thì quả là lòng yêu nước  
thương vua của cù thật vô bờ bến ! Đáng kinh  
phục vậy thay !

*Cuộc đời lưu đày của một thiên-tài không có  
đất dụng vồ.*

Trong thời-gian cựu - hoàng Duy-Tân sống  
cuộc đời lưu-đày ở đảo Réunion, Ngài say mê  
vô - tuyến - điện. Là một nhạc-sĩ tài ba, nhất là  
Ngài chơi vĩ-cầm rất giỏi, Ngài thường điều-khiển  
giàn-nhạc của Hội Hòa-Nhạc Saint-Denis, thủ-phủ  
của Réunion. Ngài làm nghề nuôi ngựa đua và  
tham dự các giải đua lớn. Ngài cũng thích chơi  
nhiếp-ảnh và đã từng đoạt giải-thưởng của Viện  
Hàn-Lâm Khoa-học và Kỹ-thuật của Réunion.

Là một nhà - tri - thức, Ngài đã viết bài cho  
các báo-chí địa - phương về âm-nhạc và về môn  
thể-thao cởi ngựa. Thỉnh thoảng, Ngài diễn-thuyết  
về các đề-tài xã-hội và văn-chương Ngài có đề  
lại vài ba cảo-bản.

Được phỏng - vấn bởi một ký-giả Pháp, ông  
Ch.Wateblet, Ngài tuyên bố lần đầu tiên :

*«Bị đày đến Réunion khi mới 17 tuổi, tôi rất  
bối rối, lạc lõng, không hợp thủy-thổ nên bị sốt  
hoái : đã ba lần, tôi bị chưng tiểu tiện ra máu,  
nhưng lần lần rồi cũng qua khỏi. Người dân bản-*

xứ đối với tôi rất tốt. Phong - cảnh của Réunion đẹp tuyệt, tôi đã đi viếng tất cả các thăng-cảnh. Nhưng tất cả các thứ ấy không thẻ nào làm cho tôi quên được xứ Việt-Nam của tôi. Tuy nhiên, ước-vọng thiết tha nhất của tôi là được sống ở Ba-Lè, nơi mà tôi có thể phát-triển năng-khiếu của tôi về âm-nhạc mà tôi đã tự học lấy một mình, và về văn-chương nữa. Đầu hai lần, tôi đoạt giải của Viện Hàn-Lâm Réunion».

Ngài có viếng Ba-Lè ít ngày. Tại đây, Ngài có tiếp một số ký-giả Hoa-kỳ một lần. Trong lúc trả lời các câu phỏng-vấn của họ, Ngài vẫn loay hoay điều-chỉnh một cái máy chiến-tranh mà Ngài đã nghĩ ra. Ngài đã nổi tiếng là một nhà bác-học và một thợ tài-ử có biệt tài.

Nhờ một cái máy vô-tuyến mà Ngài tự tay chế ra, Ngài chăm chỉ theo dõi tình-hình Việt-Nam và những biến-cố trên thế-giới để phối-hợp chương-trình chính-trị của Ngài tương-quan với sự-hồi hương của Ngài trong tương-lai.

### *Một kết-cục bi thảm.*

Khi cuộc thế chiến thứ hai (1939-1945) bùng nổ, cựu-hoàng Duy-Tân đứng về phía đồng-minh và đảm nhận việc kết-hợp nhân-dân đảo Réunion vào các «Lực-lượng Pháp Tự-do» của tướng De Gaulle. Ngài già-nhập Lực-lượng ấy rất sớm và có tham-dự cuộc đồ-bộ lên đất Pháp để rồi sau

đó ít lâu, có mặt trong quân-đội Đồng-minh chiếm đóng Berlin.

Năm 1945, sau khi Đồng minh thắng trận, Ngài trở về Saint Denis với cấp bậc Thiếu-tá không quân. Vào khoảng thời gian này, De Gaulle ngỏ ý muốn đưa Ngài về Việt-Nam để áp dụng « giải pháp Duy-Tân », vì vị tướng Pháp ấy biết rằng người dân Việt-Nam vẫn còn thương mến, cảm phục và xem Ngài như là một vị anh-hùng của nước họ. Ngài đã chấp-thuận và, để chuẩn-bị cho việc hồi hương, Ngài đã đến Brazzaville ngỏ lời cùng nhân-dân Việt-Nam qua một bản hiệu-triệu quan-trọng mà Ngài đã đọc trên đài phát-thanh của thành-phố ấy hôm 10-6-1945. Xin trích ra sau đây vài đoạn đáng chú ý :

.. « *Convenez-vous un peu qu'avant le coucher du soleil, un oiseau noir — vous savez celui qui annonce une visite — est venu crier sur une branche de bambou jaune qui est devant votre fenêtre. Vous vous êtes demandé qui devait venir ?*

*Eh bien ! C'est moi, le vieux sage qui a médité pour vous. C'est la première fois, depuis longtemps, depuis très longtemps, que je vous parle, et si ma voix n'est pas très claire, c'est qu'elle est voilée de toute la tendresse que nous avons les uns pour les autres.*

*Pour un instant, oubliez vos misères, oubliez aussi vos plaisirs. Ecoutez ! L'âme de la terre natale vous parle, et elle dit :*

« Fils d'Annam, qu'avez-vous fait pour moi ? Pendant que les peuples de la terre fouillaient le sol, construisaient des usines, irriguaient des déserts, tiraient des métaux, bâtissaient des cités et augmentaient, au prix souvent de leur vie, le patrimoine de la Nation, vous, qu'avez-vous fait pour moi ? Où est l'apport des générations qui vécurent depuis l'Empereur Tự-Đức ? En quoi avez-vous fait plus riche, plus grand, plus noble, l'héritage que vous avez reçu ? Qu'avez-vous donné à la Nation ?

J'entends du Nord au Sud beaucoup de cris. Je sens beaucoup d'agitation remuer jusqu'aux racines des arbres centenaires. Allez-vous faire de moi un champ dévasté où les hommes sans âmes se battent pour se gouverner ? Allez-vous, vous qui n'avez que des mots pour vous défendre, m'offrir à qui vous paiera avec de beaux mots ? Car tout ce qu'on vous dira et tout ce qu'on vous donnera, ce ne sera que des mots ! Votre valeur, votre richesse, votre indépendance, vous ne pouvez les avoir que de moi seul.

Penchez-vous sur moi et entendez-bien ce que je vous dis. Faites-moi produire ce que je peux, ouvrez mes produits, construisez sur moi des usines et des cités. Et vous, hommes, unissez-vous dans une même âme. Souvenez-vous que derrière le grand Gia-Long, vos aieux sont morts pour vous donner un nom et une histoire. Ne vendez

*pas cette histoire pour la vanité d'un moment...»*

Tạm dịch :

«Đồng-bào hãy tưởng tượng rằng một giây phút trước khi hoàng-hôn xuống, một con chim đen — loài chim khách thường báo trước sắp có khách đến viếng — cất tiếng véo von trên nhánh tre vàng trước cửa sổ đồng-bào Đồng-bào tự hỏi người khách nào sẽ đến viếng đây ?

«Thưa đồng-bào, người khách đó chính là tôi, một ân-sĩ có tuổi đã suy-ngãm nhiều cho đồng-bào. Đây là lần đầu tiên, từ lâu, từ lâu lắm, mà tôi được ngỏ lời cùng đồng-bào. Nếu tiếng nói của tôi không được rõ ràng cho lắm, ấy chính là vì tôi quá cảm xúc bởi mỗi tình triu mến mà chúng ta đã dành cho nhau.

«Xin đồng-bào hãy quên đi trong giây lát những nỗi thống-khổ của tâm-hồn lẫn thể xác cũng như hãy quên đi những lạc thú. Đồng-bào hãy lòng tai nghe đây : Đó là tiếng nói của hồn thiêng Tồ Quốc. Hồn thiêng ấy nhẫn nhủ :

«Hồi các con dân Việt Nam yêu dấu ! Các con đã làm được gì cho ta ? Trong lúc các dân-tộc trên hoàn-cầu bón xới đất dai, thiết-lập cơ-xưởng, khai mương dẫn nước vào các sa mạc, khai-thác các hầm mỏ kim-khí, xây dựng lên những đô-thị và gia-tăng di-sản quốc-gia, nhiều khi đến hy-sinh cả mạng sống, hồi đồng-bào, đồng-bào đã làm được những gì cho ta ? Các thế-hệ đã sinh sống

*tù thời vua Tự-Đức đã đóng góp được những gì ?  
Đồng-bào đã làm gì để cho cái gia-tài mà đồng-bào đã thừa hưởng, được phong-phú hơn, được vĩ-dai hơn, được cao quý hơn ? Đồng-bào đã hiến cho quốc-gia được những gì ?*

«Tù Bắc chí Nam, ta đang nghe những tiếng gào thét. Ta cảm thấy nhiều biến-động làm rung chuyền đến tận gốc những cây đại-thụ. Có phải đồng-bào muốn biến cải ta thành một mảnh đất hoang tàn trên đó những kẻ không hồn chém giết lẫn nhau để thống-trị lẫn nhau không ? Có phải đồng-bào sắp hiến dâng ta cho kẻ nào trả công cho đồng-bào bằng những mì ngòn không ? trong khi đồng-bào chỉ có thể tự-vệ bằng lời nói suông mà thôi ! Bởi những gì người ta sẽ nói với đồng-bào và sẽ cho đồng-bào, đều chỉ là những lời nói rỗng tuếch. Nếu đồng-bào có được một giá-trị nào, một tài-sản nào, một nền độc-lập nào, thì chỉ do noi ta mà có thôi.

« Đồng-bào hãy nghiêng tai nghe cho thật rõ những gì ta nói đây : Đồng-bào hãy làm cho ta sản-xuất những gì ta có thể sản-xuất, hãy chế biến các sản-phẩm của ta, hãy xây dựng lên trên ta những cơ-xưởng và đô-thị. Đồng-bào hãy đoàn-kết lại trong một tinh-thần và ý-chí nhất-trí. Đồng-bào nên nhớ rằng sau Đại-de Gia-Long, các tổ-liên của đồng-bào đã hy-sinh mạng sống để lưu lại cho đồng-bào một cái tên và một lịch-sử. Đồng-bào chờ

*nên đem cái lịch-sử ấy mà bán đi vì một niềm hứ  
ảo nhất thời...»*

Sau khi đọc bản hiệu-triệu trên, cựu-hoàng Duy-Tân đã sang Tananarive, thủ-đô Madagascar, Pháp-quốc và Đức-quốc để vận-động chính-trị trong giới kiều-bào Việt-nam hầu chuẩn-bị cho việc hồi-hương nhận lãnh quyền-hành mà phe De Gaulle muốn trao trả lại cho Ngài ở Việt-Nam.

Nhưng, than ôi ! Ngài đã tử nạn máy bay trên đường trở về thăm gia-dinh tại Réunion trước ngày hồi hương: chiếc máy bay chở Ngài đã rơi ở Banghi ngày 26.12.1945 (Banghi hiện nay là Cộng-hòa Trung-phi của Tổng-thống Bokassa).

Thật là đáng tiếc, vì biết đâu nếu Ngài không tử-nạn, cục-diện Việt-nam ngày hôm nay có lẽ đã đổi khác dưới sự lãnh-đạo của con người có một khối óc thông-minh kỳ lạ và một tinh-thần yêu nước vô biên như Ngài. (1)

### MỘT GUƯƠNG « TIẾT - HẠNH KHẨU - PHONG » : BÀ DUY - TÂN

Khi đã nói đến cuộc đời của vua Duy-Tân, tướng cũng nên nói đến một người đàn-bà có

(1) Muốn biết rõ đầy đủ chi-tiết về cuộc đời của vua Duy-Tân, xin đón xem sách «VUA DUY-TÂN» mà chúng tôi đang soạn và sẽ cho ra mắt độc-giả trong một ngày không xa.

liên-hệ mật thiết với Ngài, vốn là một người vợ đã nêu cao gương tiết-hạnh của phụ-nữ Việt-Nam thời trước : đó là bà Duy-Tân.

Bà Duy-Tân, nhũ-danh là Mai-thị-Vàng, sinh năm 1899 tại xã An-Ninh-Hạ, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, là con gái của cụ Mai-khắc-Đôn, phụ-đạo của vua Duy-Tân, năm nay được 75 tuổi và hiện còn sống tại xã nói trên.

Theo lời Bà kể lại, thì vào khoảng tháng 2 năm 1916, lúc Bà lên 18 tuổi, Bà được vua Duy-Tân cưới làm chánh-thất với phầm-trật «đệ nhất giai-phi», trật cao nhất trong cửu giai dành cho vợ vua. Thật ra, Triệu-dinh hồi bấy giờ muôn tiễn dâng cho vua Duy-Tân một lúc «tam cung» (ba vợ), trong đó có lệnh-ái của Học-bộ Thượng-thơ Hồ-đắc-Trung, nhưng Ngài từ chối, chỉ chịu cưới một bà mà thôi (tức là bà Mai-thị-Vàng), lấy cớ Ngài còn trẻ, muôn dành nhiều thời giờ cho việc học hành. (Về sau, lệnh-ái của cụ Hồ-đắc-Trung được cung tiễn cho vua Khải-Định, người kế vị Ngài).

Bà sống với Ngài được chừng trên ba tháng, thì Ngài bị bắt và bị đày sang đảo Réunion. Trong khoảng thời-gian ấy, Ngài không hề cho Bà hay biết gì về các hoạt-động chánh-trị của Ngài cả. Bà được phép đi theo Ngài sang Réunion. Bà cũng đã có thai được vài tháng, nhưng khi xuống tàu thủy tại Vũng-Tàu để rời quê-hương, thì Bà bị hư thai.

Sống với Ngài ở Réunion được hai năm, thì Bà được Ngài cho phép trở về Việt-Nam, vì ở đấy, Bà không hợp thủy thô nên bị đau ốm hoài.

Mười năm sau, Bà nhận được, do Phủ Tôn-Nhơn trao lại, một giấy từ bỏ hôn-thú của Ngài với chủ-đích cho phép Bà lấy chồng khác, nhưng Bà vẫn ở vậy cho đến ngày nay để cho trọn tình trọn nghĩa với Ngài.

Bà cũng có gởi qua cho Ngài một giấy thỏa thuận hủy bỏ hôn-thú để Ngài lấy vợ khác hầu có người thay thế Bà mà săn sóc cho Ngài. Nghe đâu Ngài đã cưới một cô gái bản-xứ và đã có với người này hai trai và một gái.

Hiện giờ, tại xã An-Ninh-Hạ, Bà sống một cuộc đời đạm bạc, muối dưa qua ngày với số tiền khiêm nhượng tám ngàn đồng bạc mà chính-quyền quốc-gia trợ-cấp hàng tháng. Tám ngàn đồng bạc một tháng ! Thật là thê thảm đối với quả-phụ của một vị anh-hùng dân-tộc, từng làm mẫu-nghi thiên-hạ.

Ai đã có dịp tiếp xúc với Bà không khỏi khâm phục cử-chỉ và lời nói đáng kính đáng trọng của Bà, tỏ ra xứng đáng là một bậc vương-hậu.

(Viết theo tài-liệu của : — Ông Võ - văn - Triêm  
 — Cụ Lê-thanh-Cảnh  
 — Việt-Điều Thái - văn-Kiêm  
 — Hành - sơn Lương-vĩnh-Thuật  
 và theo lời của Bà Duy-Tân nhũ danh Mai-thị-Vàng)

## LÀM VỢ VUA

Thời trước, các vua của nước ta thường tuyển rất nhiều phi-tần, cung-nữ làm vợ. Vợ chánh của vua gọi là Hoàng-Hậu. Nhưng kể từ khi Nguyễn-Ánh lên ngôi Hoàng-đế lấy niên-hiệu là Gia-Long (1802), chức-vị Hoàng-Hậu đã được bãi bỏ. Vì sợ bị tiếm mất ngôi, vua Gia-Long đã đặt ra «*Ngũ bát lập*» là :

- Bát lập Hoàng-Hậu
- Bát lập Đêng-Cung
- Bát lập Tề-Tướng
- Bát phong Vương
- Bát tuyển Trạng-Nguyễn.

Từ đó, cấp bậc của các bà vợ vua được chia ra làm «*Cửu Giai*», từ trên xuống dưới là :

- Nhất Giai-Phi

- Nhị Giai-phi
- Tam Giai-Tân
- Tứ Giai-Tân
- Ngũ Giai-Tiếp-Dư
- Lục Giai-Tiếp-Dư
- Thất Giai-Thục-Nhân
- Bát Giai-Mỹ-Nhân
- Cửu Giai-Tài-Nhân

cũng như cấp bậc của ngạch quan lại được chia ra làm «*Cửu Phẩm*». Người đứng đầu trong «*Cửu Giai*» gọi là Hoàng-Quý-Phi. Đến đời vua Bảo-Đại mới lập lại chức-vị Hoàng-Hậu (tức là Nam-Phương Hoàng-Hậu).

Vì số phi-tần, cung-nữ rất đông, nên vua phải cho xây cất «*Tam Cung*» và «*Lục Viện*» để cho họ có đủ chỗ ở, mỗi người được cấp một phòng riêng đầy đủ tiện-nghi.

#### A) TAM CUNG GỒM CÓ :

1) — Cung DIỀN - THỌ dành cho các bà Hoàng-thái-Hậu, Thái-Thái-Hậu, tức là các bà vợ các vị vua đã thăng-hà. Cung này ở trong một khu khá rộng lớn, có hò và có một ngôi nhà dành cho các Thái-giám ở.

2) — Cung TRƯỜNG - SANH, gồm có nhiều lâu dài nối bởi những hành-lang và xây thành hình chữ «Vương», nên có cái tên là VƯƠNG-TỰ-ĐIỆN (điện xây hình chữ Vương). Cung này

dành cho một số vợ vua đang tại ngôi. Các bà Lê-Thiên, vợ vua Tự-Đức, và Từ-Minh, vợ vua Dục-Đức, đã từng ở tại cung này.

3) — Cung KHÔN-THÁI, ở gần điện CÀN-THÀNH (nơi vua ở), dành cho các bà Hoàng-quý-Phi. Cung này có một cái điện chính là điện CAO-MINH-TRUNG-CHÍNH làm năm Gia-Long thứ ba (1804). Phía đông của điện có một nhà hát để nội-cung hát riêng cho vua xem, gọi là Viện TỊNH-QUAN.

#### B) LỤC VIỆN GỒM CÓ :

1) — Viện THUẬN-HUY, ở giữa điện Càn-Thành và điện Cao-Minh-Trung-Chánh. Phía Tây viện Thuận-Huy có :

- 2) — Viện ĐOAN-THUẬN
- 3) — Viện ĐOAN-HÒA
- 4) — Viện ĐOAN-HUY
- 5) — Viện ĐOAN-TƯỞNG
- 6) — Viện ĐOAN-TRANG, dành cho các cung-nữ tân tuyển.

Trừ cung DIỀN-THỌ, tất cả các Cung và Viện kề trên đều dành cho các cung-phi, mỹ-nữ vợ của vua đang tại ngôi và hầu hết đều ở cả trong TỦ-CẤM-THÀNH, nơi mà trừ các Thái-giám ra, không một người đàn ông nào có quyền đặt chân đến.

Các phi-tần, cung-nữ thường được tuyển

chọn trong hàng các cô gái con các quan Đại-thần, hoặc cũng có khi trong hàng các cô gái con nhà thường-dân nếu có nhan-sắc xuất chúng. Khi mới được tuyển vào cung, các cô ấy được đưa đến ở «*Đoan-Trang-Viện*» để học tập cách ăn mặc, các nghi-lễ trong cung và các danh-từ riêng thường dùng trong đó.

Một khi đã được tiến vào cung, các phi tần, cung-nữ không còn được phép gặp mặt bất cứ ai ở bên ngoài nữa, dù là người thân, kề cả cha mẹ anh em. Họa hoảng, trong những trường-hợp đặc biệt, vua cho phép cha mẹ được vào Nội thăm con, thì chỉ được nói chuyện với con qua một bức sáo mà thôi, chứ không được phép nhìn thấy mặt con. Vì vậy, ở Huế, người ta nói «đưa con vô Nội» là có ý nói mất đi đứa con rồi đó.

Ở «*Tam cung lục viện*», ngoài các thị-nữ (đầy tờ gái) phục-dịch các phi tần cung-nữ, còn có các «*Thái-giám*» có nhiệm-vụ trông nom và săn sóc họ. Các vị quan này còn có nhiệm-vụ kiềm-soát các hành-động của họ nữa, và mỗi khi vua ngự đến ăn nằm với người nào, thì lo ghi chép ngày giờ cho đúng để tránh sự «lộn sòng» về sau.

«*Thái-giám*» chia ra hai hạng : một là «*Giám-sanh*» tức là giám trùi sanh ra phi nam phi nữ, không có ngọc-hành hay âm-hộ, và hai là «*Giám-lặc*» tức là Giám tự lặc (thiến) ngọc-hành của mình đi để được tuyển làm Thái-Giám.

Thời xưa, tại làng nào có « Giám-sanh » ra đời, thì cha mẹ phải đi trình làng để các cơ-quan hữu trách trình lên Bộ. Bộ sẽ cho nuôi nấng và dạy dỗ đứa trẻ theo nghi-lễ trong cung, để khi nó lớn lên, thì đưa vào Nội làm Thái-giám. Người ta thường gọi đứa trẻ ấy là ông « Bộ ».

Thời ấy, làng nào sản-xuất ra được ông « Bộ » thì được coi như là có phước, vì khi ông « Bộ » được cung tiến, thì làng đó được vua cho miễn thuế trong ba năm. Do đó, các bà nội-trợ lúc bấy giờ, khi đi chợ gấp phải thực-phẩm bán giá quá cao, thì hay nói : « Ăn đê ông Bộ cho làng nhè ».

Phi-tần, cung-nữ thì đồng-sức vua thì có hạn, nên có nhiều cô không bao giờ được vua chiếu-cố, đến nỗi có trường-hợp vua đã thăng-hà rồi mà vẫn còn trinh.

Tương truyền rằng mỗi khi vua già làm đến Tam Cung Lục Viện để « ngự dâm », thì thường dùng xe do dê đực kéo. Hết dê kéo xe vào phòng nào là vua « ngự dâm » ở phòng đó. Vì vậy cho nên các phi-tần, cung-nữ thường cho mua sắm sẵn các thứ cỏ bay lá cây thuộc loại mà dê thích ăn (như là lá dâu hay lá sầu đâu, v.v...) đem rắc trước cửa phòng của mình để nhử dê của vua kéo xe vào. Do đó, trong khúc « Cung oán ngâm » của Ôn-như-Hầu, mới có câu :

« Phải duyên hương lừa cùng nhau,  
« Xe đê lợ rắc lá dâu mời vào. »

Lại theo truyện Tàu, thì đời vua Hy-Tôn nhà Đường, người Vu-Hựu bắt được một cái lá đỏ ở ngoài nước Ngụ, trong đó có bài thơ cung oán. (1) Hựu bèn để bài thơ (2) bỏ xuống dòng nước chảy ngược vào cung cẩm, cung-nữ họ Hàn (tức là Hàn-Thúy-Tần cũng gọi là Hàn Thị, tác giả bài thơ Cung oán) nhặt được. Sau Vu-Hựu đến ở đậu nhà ông Hàn - Vinh, lúc đó bấy giờ vua sa thải ba mươi cung nhân trong cung Hàn phu-nhân, ông Vinh với cựu cung-phi này cùng một họ, bèn làm mối gả cho Vu-Hựu. Tích này được cụ Nguyễn-Du nhắc lại trong «Đoạn-trường Tân-Thanh» với hai câu thơ :

«Thâm nghiêm kín cổng cao tường,  
Cạn dòng lá thăm dứt đường chim xanh.»

Cụ Long-Châu Tôn-thất-Sa (93 tuổi hiện sống ở Huế) có cho tôi hay rằng một bà Hoàng-quý-Phi, vợ vua Khải-Định, vì quá cô-độc ở trong cung

(1) Bài Thơ cung oán được dịch ra như sau :

«Nước chảy sao mà vội ?  
Cung sâu cả buổi nhàn.  
Ân cần khuyên lá thăm  
Đi quách tới nhơn gian !»

(2) Thơ của Vu-Hựu chỉ có hai câu :

«Tầng văn diệp thương dè hổng oán,  
Diệp thương dè thi ký ả thùy ?

Ông Quách-Tần dịch :

«Nỗi lòng lá thăm dè thơ,  
Thơ dè lá thăm lá dưa người nào ?

cẩm, nên đã ký-thác tâm-sự chua xót của mình vào mấy vần thơ sau đây, có giọng của «Cung oán ngâm khúc» :

*«Hạt mưa đã lọt vào đài-cá,  
 Nhữnng mùng thầm cá nước duyên may.  
 Càng lâu càng lầm mùi hay,  
 Cho cam công kẽ nhùngh tay thùng chàm.  
 Ai ngờ thê một năm một lạt,  
 Nguồn ái-ân khôngh tát mà voi.  
 Suy đi âu cung cơ trời,  
 Bỗng khôngh mà hóa ra người vị vong !»*

Ngoài ra, có một số phi-tần, cung-nữ, vì không chịu nổi sự thiếu thốn về sinh-lý ở cung cẩm, nên đã tìm cách tự giải-quyết vấn-dề lấy một mình hay là với một người bạn đồng cảnh-ngộ. Đó là chuyện «thảm cung bi-sử» mà người ngoài ít ai biết.

Một sự tình cờ dun dủi đã giúp cụ Long-Châu Tôn-thất-Sa khám phá ra bí-mật trên một cách gián-tiếp như sau :

Cụ Tôn-thất-Sa kể chuyện rằng :

«Năm ấy, tôi được phép vào Đại-Nội để bắc tượng cho vua (cụ Sa là họa-sĩ kiêm điêu-khắc-gia). Nhơn đi ngang qua «Đoan-Trang-Viện», chỗ ở của các cung-nữ tân tuyễn, tình cờ tôi gặp một ông Thái-giám già độ 80 tuổi. Tôi dừng lại tò mò gợi chuyện ông ta về các việc trong cung cẩm. Ông ta bèn khoe rằng ông là «Giám-sanh», được

cung tiến từ trào vua Tự-Đức. Ông được giao phó nhiệm-vụ trông nom các cung-nữ tàn tuyền ở Đoan-Trang-Viện, nên ông theo dõi rất kỹ mọi hành-động của từng cô. Do đó, ông nhận thấy có hai cô tỏ vẻ thân mật với nhau như là vợ chồng, nên ông đề tâm dò xét, vì nhỡ ra có thằng đực rựa nào đó giả làm cung-nữ lọt vào Viện, thì ông có thể bị mất cái đầu như chơi. Ông lại thấy hai cô ấy hay dặn người đi chợ chọn mua thứ chuối «bà lùn» vừa mới chín và cà dài dê thử nhỏ và dài. Ông đề ý, thì không hề thấy hai cô ấy ăn chuối và cà bao giờ mà chỉ thấy chuối đã lột vỏ rồi, cà và vỏ chuối vắt bừa bãi dưới gầm giường của hai cô. Một hôm, ông đứng rình ngoài cửa phòng, thì nghe ở bên trong có tiếng cười rúc rích. Sanh nghỉ, ông liền tông cửa xông vào, thì bắt gặp hai cô đang âu yếm nhau như là vợ chồng. Khi đó, ông mới hiểu rõ chuyện gì vừa xảy ra cùng là ứng dụng của cà và chuối mà hai cô thường cho mua về.

Một nhà thơ trào - phúng đất Thanh - Kinh, nhơn biết được câu chuyện trên, đã sáng-tác bài thơ trào lộng sau đây :

*Trò chơi Cung-Viện (1) lâm công phu,  
Mua sắm vừa lòng phải dắn đo :  
Lựa chuối chờ mềm và chờ ngắn,  
Chọn cà không cứng cũng không to.*

---

(1) Cung-Viện là Tam cung lục Viện.

*Áp yêu gối phụng đường té tái,  
Chờ đợi «xe dè» luống thẳn thờ.  
Thái-giám tưởng đâu «đồ» đực rựa,  
Ai dè cà, chuối của trời cho. (1)*

Người dân xứ Huế không bao giờ mua chuối «bà lùn» (2) để cúng, không phải là không có lý do. Và thời trước, đưa con vào Nội đền «làm vợ vua» chắc gì sẽ đem lại hạnh-phúc cho con.

Sau khi vua thăng-hà và chôn cất ở lăng-tầm mà vua đã cho xây cất lúc sinh tiền, ngoại trừ các Hoàng-quý-Phi, một số các cung-nữ phải lên ở thường-xuyên tại lăng đền hòm sớm dâng hương và tụng kinh niệm Phật trước bàn thờ vua. Các cung-nữ ấy phải ở đấy cho đến khi chết đền hầu hạ như là khi vua hãy còn sống.

Các nhà thơ Văn-Bình-Tôn-thất-Lương và Quách-Tẩn, trong các thi-phẩm của họ, đã có nói đến các cung-nữ ấy như sau :

*«Dân hương đầu bạc bốn năm cô,  
«Quét lá áo xanh ba bốn chú».*

Văn-Bình-Tôn-thất-Lương

(trích ở bài thơ trường-thiều «Cung chiêm Hiếu-Lăng» tức là lăng Minh-Mạng).

(1) Trời cho : nói lái thành «trò chơi».

(2) Thủ chuối Huế to và dài, khi chín vỏ vẫn xanh.

**TÌNH KHIÊM - CUNG**  
**(tức là lăng Tự-Đức)**

*« Xe rồng mây áng néo Khiêm-Cung,  
 Lạnh lẽo dài câu lá rụng hờng.  
 Thương chí phi-lần nương bóng xe,  
 Hồ thu hương đọng ngắn hóa dung. »*

Quách-Tấn  
 (trích ở thi-tập «Đọng bóng chiều»)

## VĂN TẾ ĐÚA TRẺ ĐÉ HOANG

Nguyên mụ Ngôn, làm nghề sáo «đánh cá» ở mặt nước Thủy-Tú (Thùa-Thiên), có một người con gái tên là LAN mà mụ đã hứa gả chồng rồi, nhưng chưa cho cưới. Nào ngờ cô Lan lại dan díu với một chàng trai giúp việc trong nhà tên là BÔNG đến mang thai, Sau khi sinh nở, cô ấy muốn làm cho phi tang sự lầm lỡ của mình, bèn đem đứa con sơ-sinh chôn vùi vào gốc cây «bả lá» ở cạnh nhà. Chẳng may, ba hôm sau, xác sinh thối của đứa bé bị chó bới lên, nên việc làm ám-muội của cô bị bại lộ, khiến cho cô bị lôi đến cửa quan.

Như câu chuyện trên, các nhà văn ở trong vùng đã sáng tác nhiều bài văn nôm để phúng điểu đứa trẻ vô tội, được mệnh danh là «văn cây bả lá», trong đó có bài văn-tế sau đây của ông Hồ-kế-Biêm, quán làng Thanh-lam-Bồ, huyện Phú-

Vang (Thùa - Thiên), là được người ta chú ý  
hơn cả :

*Hỡi ôi ! Máu mồ thì thảm thịt nẩy, ăn cho ăn,  
bú cho bú, nàng niu là lẽ thường tình.*

*Con ai đem bỏ chốn này, ruột cắt ruột, tay  
chém tay, ngao ngán cho người thiên hạ.*

*Thấy cảnh mà buồn với cảnh, dễ dì liều giỗng  
thê dirt nói.*

*Thương người khác thê thương thân, cũng  
đắp điểm cho tròn nấm mả*

*Khá thương cho vong : nào họ, nào làng, nào  
phường, nào xã, nào mẹ, nào cha, nào anh, nào ả.*

*Mà cõi trong trúng, biết đau chủ chóp, cha  
chài, đem bỏ ngoài ghènh, thảm bấy ! tay rời,  
chân rã.*

*Đau đớn hình hài nảm nhảm, nói chẳng biết,  
cười chẳng biết, dễ đau mà chưởi chó, mắn mèo.*

*Bơ vơ trời đất một mình, khóc ai hay, tủi ai  
hay, chỉ cho khỏi rút điếu, tha quạ.*

*Cũng trách cho ai, ngu si cho quá, há vô tình  
không nghĩ, không suy.*

*Khá thương cho trẻ, dại nõ giết chi, lâm phải  
cảnh bỏ đàng, bỏ sá.*

*Giấu giếm chi : măng đã mọc thành tre,*

*Đằng dây mấy : đậu đã ngâm ra giá.*

*Dãu chẳng nghĩ chanh chua BÒNG ngọt,  
lòng dặn nõ vâng lời mẹ, thì kiếp sao chịu vạy  
là xong.*

*Dẫu chẳng thương cúc héo LAN giày, cành xuân đã bẻ cho người, thì khὸ nấy khuôn mồ cũng khá.*

*Không đã lỡ, dại đã lỡ, mà đón ngăn cũng đã lỡ, bặt quá: tội làng, vạ họ, thà chịu bẽ như trái mướp quèo queo.*

*Ăn chi chi, ở chi chi, mà tâm địa cái chi chi, nở toan sấp mặt, xây lưng, quyết dành dạ bỏ nơi cây «bả lá».*

*Hay là ôn mệ ngoại, tham giàu phụ khό, chí quyết rửa rieu dài ốc, đặt cái nò mà đơm khách non sông.*

*Hay là oan gia chi, sanh dại, sanh diên, xui nén lấy thủng úp voi, bày cái mặt cho biết người tóm cá.*

*Hay là nước Thủy - Tú, con lên, con xuống, mượn dòng sông mà rửa tiếng ô-danh.*

*Hay là đò mụ Ngôn, kẻ lại, kẻ qua, bia miệng thề nén giấu gươm Tao-hóá.*

*Ghê gớm bấy cho lòng gan, dạ đá, con là máu, cháu là mủ, dành đoạn gươm kia trả lưỡi, rút mối tình ân-ái rửa răng dành.*

*Thảm thương thay cho đầu trẻ, tuồi xanh, sống bỏ nạc, thác bỏ xương, ngần ngờ rặng nọ mắt hám, dành chịu chử cõ-hòn cho khὸ dạ.*

*Tối nay : Thấy nghĩa phải làm, mặc ai ở cha.*

*Thương ba sinh hương lửa cho ai,*

*Tuy bốn bẽ anh em đều cả.*

*Tâm lẽ bạc gọi là chút thảo, tuần rượu, nén hương,*

*Vong linh thiêng xin nhớ iết thành, xin đỡ  
điếc sai, sự họa.*

*Hỡi ôi ! Thương thay !*

HỒ-KẾ-BIÊM

## BÀI VĂN VỢ CHÍNH TẾ VỢ HẦU

Đêm 3-5-1916, vua Duy-Tân xuất bôn để cầm đầu một cuộc khởi-nghĩa chống Pháp Khi ra khỏi Hoàng-thành, Ngài được hai Ông Trần-cao-Vân và Thái - Phiên rước xuống thuyền đi về Hà-Trung chờ đến giờ phát lệnh. Tại đây, Ngài ghé vào nghỉ tại nhà của một cự-sĩ tên là Mai-Trí, thường gọi là Cửu-Trí, có chân trong đảng cách-mạng của cụ Trần-cao-Vân. Đêm hôm đó, ông Trí thết đãi nhà vua bằng cơm nếp (1).

---

(1) Việc ông Mai - Trí đãi xôi vua Duy-Tân ở Hà-Trung trước kia, được nhắc lại trong bản «ân vua Duy-Tân», do Học-Bộ Thượng-lor Hồ-đắc-Trung soạn-thảo :

*«Hà Trung mạch phan, Ngũ-Phong kê thang, Thành-thề phong-trần, dai bỉ bối vi chí tội nghiệp.»*

Nghĩa là :

*«Cơm nếp Hà-Trung, cháo gà núi Ngũ-Phong, mình rồng đãi dầu gió bụi, tội nghiệp ấy đều lại bọn kia gáy ra cǎ.»*

Sau khi cuộc khởi-nghĩa thất bại, Pháp bắt và đày vua Duy - Tân sang đảo Réunion. Chúng cũng bắt và đày ông Mai-Trí lên Lao - Bảo, một nơi đầy ma thiêng nước độc.

Ông Trí có hai bà vợ là hai chị em ruột, nhưng không có người nào có con. Khi ông bị đưa lên Lao-Bảo, người em xin đi theo săn sóc chồng, nhưng sau đó ít lâu, bị ngã bệnh mà chết. Xác của nàng được thân-nhân đem về mai táng tại Hà-Trung.

Nhơn dịp ấy, nhà văn Hồ-kế-Biêm làm một bài văn-tể sau đây, thay lời người chị tế người em, rất được truyền tụng :

*« Hỡi ôi ! Đài tước lẻ đồi, tờ loan rơi mồi.*

*Bờ ngã nhầm khi khẽ rụng, trách ông xanh  
khi bẻ lá khôn ngần.*

*Cóc kêu nõi thấu trời cao, tủi phận bạc muối  
bắt thang mà hỏi.*

*Nhớ từ khi : Đàn phụng thêm dây, phòng loan  
chung gối,*

*Chị nghiêng, em ngửa, thiệt hơn trăm lẻ  
nhường nhau.*

*Ra cúi vào lòn, ăn ở ba phao tiếng nỗi.*

*Thê, thiếp cũng là phận vợ, dám khoe bè có  
dép đỗ chân.*

*Thương, chặng, dẫu mặc ý chồng, dẽ khác  
nỗi bắt qui tận gối.*

Tủi chí thiệt thời chồi quế nở, duyên bèo, phận  
bọt, dã cam nỗi khô nỗi phiền.

Tưởng em may mắn chút hòn tươi, dài  
muống, dây khoai, đâu ngờ càng trồng càng mồi.

Cháu, bạn, những chờ vận đỏ, ngoài êm  
trong ấm, nền phong-lưu khi hướng đăng dài lâu.

Mây rồng bỗng gặp thời đèn, gió dập, mưa  
dồn, cơn hoạn-nạn phút xui nên bối rối.

Núi Mai-Lĩnh, cương-thường chia nửa gánh,  
non lam, nước chướng, quyết theo chồng cho trọn  
thủy, trọn chung.

Cửa Đào-Nguyên, tiên tục rẽ đôi đường, én  
bắc, nhạn nam, đánh bỏ chí luống nửa chừng,  
nhà đổi,

Việc phụng dưỡng, muôn hẳn hiên theo mẹ,  
đường mia lau, xôi nếp một, nợ ba sinh ai giúp  
sức đèn bồi.

Đường quan-san mong báo bồ cho chồng, canh  
bóng lý, chè hột sen, ngoài nghìn dặm biết nhờ  
ai thay đổi.

Đáo đẽ chút con dưỡng-tử, thương mẹ muôn  
đền ơn cho mẹ, chữ thắt-gia chưa định, khôn  
toan bè đôi chút trân cam.

Cảm thương mấy cháu đồng-tôn, nghĩ có  
mong trả thảo cho cô, câu hỏi-tô chưa minh, dẽ  
tinh nỗi trăm năm hương khói.

Nam mô A-Di-Đà Phật, hỏi qui y ra thế, ở  
phúc nõ cho gặp phúc, dây oan khiên nỡ trêu  
khách tu-hành.

*Đông-Trù Tư-Mạng Táo-Quân, tâu thiện ác là  
sao, làm nhân mà chẳng gặp nhân, vòng luy-liết  
nở đơm người vô tội.*

*Duyên phận chi em chừng rứa nấy, lần  
đau một lần mất, nghĩ no nao thêm nhọc nỗi  
cay chua.*

*Non sông dè chị sụt sùi đây, bước ra ba bước  
vào, kẽ doi-dotan luống ôm lòng tức tưởi.*

*Thôi ! Phận vậy thời vầy, biết rằng mà nói.  
Còn, mất là ngọn đèn kim cỗ, chẳng qua rằng  
giã cuộc mà chơi.*

*Tử, sinh là cái nợ trần hoàn, dỗ ai muốn chạy  
trời cho khôi.*

*Một chén tinh, say, cười, nói, khóc, cuộc tóc  
to chỉ xiết nỗi phôi-phá.*

*Nấm canh thíc, ngủ, đứng, đi, ngồi, tuần  
vận-mệnh thảm cho ai vẫn-vội.*

*Báo đáp gọi là lấy thảo, né hương, chén  
ruợu, đơn sơ tha chí lúc phân-vân,*

*Linh thiêng xin nhớ chút tình, hơi gió, cơn  
trời, giúp đỡ cho chồng khi sớm tối.*

*Hỡi ôi ! Thương thay ! »*

Bài văn-tể trên đây tài tình ở chỗ tác-giả đã  
dùng những câu ngắn-ngữ rất thích-ứng với hoàn-  
cảnh của bài chị em ruột cùng lấy một chồng,  
để dựng lên bài văn.

Tài tình nhất là những cảnh thảm kin diễn  
ra trong phòng the giữa ba vợ chồng cùng chung

một gối, được tác-giả gợi lên bằng một câu văn thật là bóng bẩy nhẹ nhàng, nhưng cũng thật là ý nhị :

*«Phòng loan chung gối, chỉ nghiêng, em ngửa,  
thiệt hơn trăm lẻ nhường nhau»...*

Ai nhường ai? Chắc độc-giả cũng đoán biết.



## ÔNG GÀ GÂN

Xin nói ngay rằng «*ông già gân*» đây không phải là «*Ông già gân*» thời nay, đã cao niên rồi mà vẫn còn sức hoạt-động chính-trị để mưu việc an-bang tể-thế trong thời buổi nhiễu-nhương này.

Câu chuyện hài-hước kề lại dưới đây là chuyện của một «*Ông già gân*» thời xưa ở Đế-đô Huế, đã nêu cao một thành-tích «chiến-dấu» bất hủ ở tình-trường, khó có ai bì kịp, khiến cho bọn trẻ cũng phải cất nón bài phục.

Nguyên cách đây mấy mươi năm, ở làng Dương-xuân-thượng, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên, có một hưu-quan tên là T.T.NG., góa vợ, tuổi đã ngoại thất tuổi rồi mà vẫn đa tình như hồi còn niên thiếu. Các con cháu của ông, đều là những kẻ có địa-vị trong quan-trường, đã lo

chung tiền sắm sẵn cho ông một cái «*Thợ-đuờng*» (tức là quan-tài) đắt tiền, theo một phong-tục mà các vong-tộc thời xưa ít khi bỏ qua.

Ông già nói trên thuộc loại «*già-gân*», nghĩ rằng còn lâu mình mới phải mặc «*sơ mi gõ*» cho nên, một ngày nọ, ông cho gọi thợ hòm đến bán phúc cái «*Thợ-đuờng*» đã sắm, lấy tiền cưới một cô hầu non. Vì chừ hiểu, con cháu ông cũng dành chìu ông vậy. Họ có dè đâu rằng cô hầu ấy thuộc loại «nái» tốt, năm nào cũng cho ra một «*lì nhau*» đều đều, có năm cho ra đến hai «*lì nhau*» song sanh, khiến họ phải lo chạy tiền trối chết đê nuôi dưỡng.

Nhơn câu chuyện trên, thi-sĩ Huong-Thủy của đất Thàn-kinh đã sáng-tác bài thơ trào-lộng sau đây :

### «ÔNG GIÀ GÂN»

*Thấy ông râu tóc bạc như sương,  
Con cháu chung lo sắm «Thợ-đuờng»  
Đê nứa mai sau lìa cõi thế,  
Sắm «nhà», ông ở chốn Tây-phương.*

*Tưởng đâu gối mỏi với chân chồn,  
Ai biết rằng ông «chiến» vẫn dòn,  
Bán quách «Thợ-đuờng», ông đã quyết  
Sắm sanh lẽ vật... cưới hầu non !*

«Càng già càng dẻo lại càng dai»,  
 «Đêm bảy ngày ba» chẳng kém ai.  
 Chờ tướng trâu tra súng cũng thế,  
 Dúng ngày (1), vợ trẻ dẻ con trai.

Mày tốt, ông chăm «sắn-xuất» hoài!  
 Mới vừa năm một, lại năm đôi.  
 Mặc cho con cháu lo nuôi dưỡng,  
 Mặc kệ người đời tiếng mỉa mai...

Hương - thủy

Ông Nguyễn - bá - Nhiệm, cũng là một thi-sĩ trào-phúng nổi danh của đất Thanh-Kinh, biệt-hiệu là «Hà-hử-Nhân» và «Vân-Am», đã từng giữ mục «Thơ ngược dòng» cho báo «Công-Dân» xuất bản ở Huế trước đây, cũng có sáng-tác bài ca-trù rất đi dòm sau đây để trào lộng ông già «hồi xuân»:

### « MUỖU

«Tuổi trời vừa mới bảy mươi,  
 Số bè sức khỏe, kém ai đâu nào?  
 Vội gì tinh chuyện «mai sau»,  
 Thọ-dường sắm sửa, tào lao thế mà!

(1) Dúng ngày : «Ông già già» có tánh lìa nghi và cẩn thận, nên mỗi lần ông «đến» với cô vợ hẫu trẻ đẹp, ông đều có ghi rõ ngày giờ vào một cuốn sổ riêng để kiểm-soát, cũng như ngày xưa, các Thái-giám ghi rõ ngày giờ Hoàng-Đế «ngự đâm» với các phi tần, cung nữ vậy.

## NÓI :

*Ai già, ai trẻ?*

*Tuổi bảy mươi chưa thể gọi răng già.*

*Vẫn còn đang sống giữa cõi ta-bà,*

*Thì cái chuyện «trăng hoa» còn eo ót. (1)*

*Thế sự dẫu thua ông bảy mốt, (2)*

*Nhân-tình còn xứng gái mười lăm (3)*

*Trâu tuy già, sừng vẫn còn hăng,*

*Lo hậu sự trăm năm chừng sớm quá.*

*Thôi, bán quách quan-lại đi cái đã,*

*Để sớm hôm hỉ hả với gai-nhán.*

*Sống no một lúc còn hơn. (4)*

## VÂN AM

(1) «Eo ót» : Tiếng Huế nghĩa là ao ước, trông mong.

(2) Tục-ngữ : «Ông bảy mươi còn học ông bảy mươi mốt»

(3) Ngạn-ngữ : «Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm».

(4) Tục-ngữ : «Sống no hơn chết thèm».

## LÊN ĐÈO XUỐNG ẢI

Ông Tôn-thất-Mỹ (1860 - 1913), biệt hiệu là Tam-xuyên, người làng Hòa-Đà, huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, là một bậc khoa-giáp (cử nhân) làm quan ở Nam-Triều. Khi đang làm án-sát ở Nghệ-An, ông bị Triệu-Đinh Huế cách chức vì một lỗi nặng, nhưng cho giữ lại nguyên hàm. Ông là một thi-sĩ nỗi tiếng, đi đâu cũng hay bày ra cái trò chơi gọi là «thả thơ» (1) mà Nguyễn-Tuân có đề cập đến trong cuốn «Vang bóng một thời».

Bị mất chức, ông cùng người hầu non tên là Mộng-Liên dắt nhau đi bộ từ Nghiêng-An về Huế

---

(1) Lấy một bài thơ chính mình làm ra viết vào giấy rồi che đi một vài chữ. Ai đoán trúng được các chữ đã bị che, thì được thưởng tiền, bằng không thì phải mất tiền, do hai bên (bên đố và bên đoán) thỏa thuận. Trò chơi ấy được mệnh danh là «thả thơ».

là quê quán của ông. Dọc đường, ông thường dừng lại nơi nào đóng đúc dân cư để chơi trò «thả thơ» kiếm tiền. Đó là nghề tay trái của ông. Lúc ấy, nhâm mùa xuân, nên sự đi bộ không lấy gì làm mệt nhọc cho lắm.

Khi đi đến Đèo ngang (Hà-Tĩnh) — cái đèo nổi tiếng mà bà Huyện Thanh-Quan đã mô tả trong bài thơ bắt hủ « Qua đèo Ngang tức cảnh », — thì trời đã sẩm tối, hai vợ chồng bèn dừng lại nghỉ chân để sáng ngày mai tiếp tục cuộc hành-trình.

Đêm hôm đó, có gió mát, có trăng thanh, quang cảnh đèo Ngang lúc bấy giờ thật nên thơ mộng. Trong một túp lều tranh sơ sài vắng chủ, đã được dựng lên cạnh lề đường từ bao giờ, hai vợ chồng, sau khi dở lương thực ra ăn uống xong xuôi, bèn ngã lùng nghỉ đêm tại đó.

Nằm bên cạnh người hầu trẻ đẹp, giữa một khung cảnh mùa xuân thơ mộng, có gió mát, có trăng trong, nhà thơ Tam-Xuyên đậm ra rạo rực, không sao ngủ được.

*« Đêm xuân ai dễ cầm lòng cho đang »*

*(Nguyễn-Du)*

Rồi trong một phút ân ái nồng nàn với giai-nhân, ông lăn dùng ra chết cứng vì chứng «Thượng-mã-phong».

Trong đám tang nhà thơ cử hành tại Hếu,

rất đông thi-hữu đến phúng điếu, kẻ câu thi, người câu đối, nhiều không sao kể xiết.

Trong số những bài văn ấy, có hai câu đối của cụ Phước-Môn Nguyễn-hữu-Bài là được người ta chú ý hơn cả, bởi lẽ cụ Bài là một Thượng-thơ tại Triều, lại là một thi-sĩ nổi tiếng nữa. Hai câu đối của Cụ như sau :

*«Ra Bắc vào Nam, trăng gió đè huề thi  
một túi.*

*«Lên đèo xuốngải, mây mưa đánh đồ cuộc  
trăm năm».*

Thật là tài tình : Trong có hai câu văn tắt gọn gàng rất văn-chương tao-nhã, Cụ Thượng Bài đã gói ghém được tất cả những sự-kiện đã đura đẽn cái chết của người thi-sĩ đa tình nhưng bậc phước :

*«Trăng gió đè-huề thi một túi»* gợi ra việc Tam-Xuyên cùng người hầu dắt nhau đi «thả thơ» trên đường về Huế giữa cảnh gió trăng. Hai chữ *«đè huề»* thật là tuyệt diệu.

*«Lên đèo xuốngải»* gợi ra cảnh đèo Ngang, nơi mà hai vợ chồng dừng lại nghỉ đêm, nhưng cũng gợi ra hình ảnh *«đèo»* và *«ải»* theo nghĩa mà nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương thường hiểu: *«Một đèo, một đèo, lại một đèo»*.

*«Mây mưa đánh đồ cuộc trăm năm»* ám-chỉ việc ông Tam - Xuyên chết vì chứng *«Thượng-mã-phong»*.

Thật là tuyệt tác vậy thay !

Trước kia, thi-sĩ Tam-Xuyên cũng rất nổi tiếng về những bài thơ trào-phúng mà ông đã sáng-tác, như những bài có nhan-đè là «Đưa o Đoài bán bánh», «Đưa o Khe», «Đè nhà dàn-bà góa gá Tồ-Tôm», «Không chòng trong bông lóng», «Vịnh câu cá», «Đánh cờ Tướng», v.v... (có đăng trong tập «Hương-Bình Thi-Phẩm» của Hoàng-trọng-Thươn, xuất bản năm 1962).

Sau khi bị cách chức nhưng được giữ lại nguyên hàm, thi-sĩ Tam-Xuyên có làm một bài thơ đè «lỵ trào» nhan-đè là «Không răng» (vì ông đã móm) hàm nhiều «ý tại ngôn ngoại» thật tài tình. Bài thơ ấy như sau :

### KHÔNG RĂNG

«Không răng đi nữa cũng không răng,  
Chỉ có thua người một miếng ăn ! (1)  
Miễn được nguyên hàm (2) nhai nhóp nhép,  
Không răng đi nữa cũng không răng ! »

(1) «Miếng ăn» đây là «tiền ăn hối lộ».

(2) «Nguyên hàm» : Tam-Xuyên bị cách chức nhưng được giữ nguyên hàm là phẩm-hàm trong ngạch quan lại, nhưng cũng có nghĩa là hàm xai.

## LÀM THƠ ĐƯỢC VỢ

Lúc sinh thời, khi đang làm quan ở Huế, ông Tam-Xuyên Tôn-thất-Mỹ đã nổi tiếng nhờ một bài thơ trong đó lối chơi chữ được công nhận là tài tình. Về bài thơ ấy, người ta kể một giai thoại lý thú như sau :

Trong vùng ông Tôn-thất-Mỹ ở, có một cô hàng bán bánh tên là Đoài (tên một quẻ trong bát quái), chẳng những rất xinh đẹp mà lại còn có học và biết làm thơ nữa, nên các văn-nhân thường hay lui tới ăn bánh và tỏ ý chọc ghẹo cô. Để làm nản chí những người sành sỏi, cô Đoài thách thức rằng hễ ai làm được một bài thơ trong đó mỗi câu phải có tên một quẻ trong bát quái và tên một thứ bánh, thì cô sẽ bằng lòng trao thân gởi phận dù có phải làm lẽ chăng nữa.

Không ai làm nổi bài thơ theo các điều kiện

trên. Duy có ông Tôn-thất-Mỹ là làm được một bài mà cô Đoài chấm là trúng cách, nên về sau, cô đã ưng-thuận về làm lẽ đặng «khôi-nghuyên», vì ông Mỹ đã có vợ rồi. Bài thơ ấy như sau :

### ĐUA O ĐOÀI BÁN BÁNH

*Vé ngọc CÂN say rượu IT nồng,  
Kia ai vòng KHẨM ĐỨC hình dung.  
CÂN nơi quán khách e DẦY dựa,  
CHÂN bức mành ba những ỦỚC mong.  
Chiếc LÁ TỐN công dòng bích thủy,  
Dấu BÈO LY hận ngọt đồng phong.  
Nhǎm em xem chợ lời KHÔN HỎI,  
Ngảnh mặt non ĐOÀI mảnh RÁNG hờng.*

Tam-Xuyên Tôn-Thất-Mỹ

## THÂN LUƠN

Lúc cụ Phạm-như-Xương (người Thừa-Thiên) làm Đốc-học ở tỉnh Quảng-Trị, thì ông Đồng-sĩ-V. làm Tuần-vũ và ông Thành-trọng-Đ. làm Án-sát ở tỉnh này. Nhơn dịp ông Án Đ. đồi đi tỉnh khác, các quan lại trong tỉnh đặt tiệc tiễn hành. Giữa tiệc, hai ông Tuần-vũ và Án-sát cãi cọ nhau kịch liệt, vì có sự xích mích từ trước, xuyệt nữa thì xảy ra cuộc ẩu đả nếu không có người can ngăn kịp thời. Cụ Phạm-như-Xương, vốn không ưa cả hai ông, bèn nhơn dịp này làm một bài thơ châm biếm cả hai như sau :

### PHÚ ĐẮC

«*Luơn ngắn mà chè lệch dài,  
Lờn bờn méo miệng chè cá chai dẹp đầu.*»

(Ca dao)

*Khéo khéo cưỡi nhau chuyen dở hay,  
 So đo cho lăm đó như đây :  
 Cũng đều gan tặc chui bùn lầm,  
 Tưởng đã tròn vuông nở mặt mày.  
 Được nước khoe mình ngang với dọc,  
 Nhờ mưa múa mép mồng hơn dày.  
 Rời ra lên cạn giờ vì vẩy,  
 Hành muối tra vỏ sương cả bầy !*

Phạm-như-Xương

Tác-giả bài thơ trên có ý nói rằng cả hai ông Tuần và Ông Án đều là tôi mọi thực dân Pháp như nhau cả, thì còn tranh dành hơn thua với nhau làm chi nữa, vì đã là « *thân lươn* » thì « *bao quản lầm đầu* », chưa biết khi nào người ta bắt làm thịt. Thật là mỉa mai chua chát !

## CON VOI

Thời trước, có một thầy Đồ nợ, quê ở Quảng-Bình, vác lều chõng vào Đăk-Đô dự một kỳ thi. Khi gặp một con voi của Vua đi trên đường phố, — một con vật mà thầy chưa hề trông thấy bao giờ, — thầy rất lấy làm lạ. Sau khi về nhà, thầy làm một bài thơ «thủ vĩ ngâm» ghi lại những nhận xét của thầy về con vật ấy, bằng giọng Quảng-Bình như sau :

*Con chi to nay tảng hai thừng,  
Cẩy mũi lớn thòn lột dưới chun.  
Một vật đa đen thuỷ thuỷ,  
Bốn đùi chun cứng nưng nưng:  
Chày vồ lợt thot treo kè hán,  
Bụi dứa lùm thùm mọt trúta lung.  
Tụt dở đèn chừ chưa ngó chộ,  
Con chi to nay tảng hai thừng.*

Bài thơ trên tỏ ra tác-giả là một người quê mùa chất phác, nhưng có tài tả thực: Cái «chày vồ lọt thợ treo kè hán» và cái «bụi dứa lùm thùm mọt trũa lưng» quả thật là những hình ảnh sống động mà tác-giả đã gợi lên một cách tài tình nhờ ở những chữ kép «lọt thợ» và «lùm thùm», và những động-từ «treo» và «mọc», khiến cho chúng ta phải nhớ một nụ cười thích thú. Bài thơ tả thực một cách ngày thơ đã dễ túc cười (chày vồ đâu lại treo dưới bụng voi, và bụi dứa đâu lại mọc trên lưng voi), đọc theo giọng Quảng-Bình lại càng dễ túc cười hơn nữa. Những vận «thùng» và «nưng» đều là «tử vận» khó mà ai có thể họa nổi.

Nếu nói rằng đó là một bài thơ tả thực tuyệt tác, thì cũng không phải là nói ngoa vậy.

## ĐÒN NGÀM CỦA NHÀ NHO

Hồi mà việc thi cử Hán-học ở Việt-Nam còn thịnh hành, có một ông Tú ở tỉnh xa về Huế ăn ở trọ tại nhà một hàn-nho tên là Thâm trong Thành-Nội, để chuẩn bị thi « Hương ». Ở đây, cũng có vài nho-sinh khác tá túc nữa.

Ông Tú tên là Đại, nên người ta thường gọi là « Tú Đại », có tật hay về trề, bắt cả nhà phải đợi cơm hoài. Chủ nhà và các người ở trọ khác rất lấy làm bức mỉnh, nhưng không ai dám ngo lời than phiền cùng ông Tú, vì có nhiều khi họ phải nhò đến ông Tú giảng nghĩa kinh sách. Đã có lần, họ giải-quyết vấn-dề bằng cách đê phần cơm lại cho ông Tú, nhưng ông ta tỏ vẻ không bằng lòng, chê đồ ăn ít, ăn không đủ bữa. Họ lại thôi và các bữa ăn sau, họ lại phải kiên nhẫn đợi cho đồng đủ rồi mới ngồi vào ăn.

Thấy người ta chịu, ông Tú tưởng là người ta sợ, vì ông là ông Tú lận kia mà, các người khác đều là bạch-đinh cả. Được nước, ông lại giờ chứng thêm nữa : Thấy bà chủ nhà có chút nhan sắc, ông đám ra có tà ý. Lợi dụng những lúc chủ nhà đi vắng, ông buông lời ong bướm với bà chủ, hứa hẹn này nọ, tưởng rằng cái bằng cấp tú-tài của mình là to như cái đình, có thể làm xiêu lòng vợ anh bàn nho chưa nên danh phận gì.

Nào dè, bà chủ nhà là một người vợ đoan trang, đem câu chuyện tội bại ấy ra mách với chồng. Ông này là một nho-sinh hiền lành, tuy hất mǎn về thái-độ bất chánh của ông Tú đối với vợ mình, nhưng lại có tánh không muốn gây sự với ai, nên đành làm thỉnh đê bụng. Vã lại, ông đã mất mát gì đâu ?

Tuy nhiên, ông cũng đã nghĩ ra được một kế đê đuổi khéo ông Tú ra khỏi nhà mình.

Hôm đó, đã hơn một giờ trưa rồi mà ông Tú vẫn chưa về, chủ nhà bèn bảo mọi người ăn trước, đê phần lại cho ông Tú. Ăn xong, ông chủ nhà lấy giấy bút loay hoay viết mấy dòng chữ, xếp gấp tư lại rồi dǎn dưới chén ăn nơi phần cơm dành cho ông Tú.

Nửa giờ sau đó, ông Tú về, ngồi vào bàn ăn, chợt thấy mảnh giấy đê trước mặt, liền cầm lên mở ra xem. Thì ra đó là một bài thơ. Thơ rằng :

### ÔNG TÚ ĐẠI (1)

« Nghe đến tên mà đã thắt kinh !  
Nói ra thêm hẹn phải làm thành.  
Chưa nguôi hơi thở đòi thêm nữa.  
Xin rước Ngài ra khỏi cửa mình ! »

Thế rồi chiều hôm đó, ông Tú thanh toán tiền trợ rồi lặng lẽ dọn rương hành của mình đi khỏi nhà, không một lời từ biệt với ai cả.

Ông chủ nhà tên Thám đã chơi ông Tú một đòn ngầm quả là thâm, rõ là một đòn chơi của nhà nho vậy.

---

(1) Bài thơ này do người ở trọ là thi-sĩ Văn-Am Nguyễn-bá-Nhiệm già cho chủ nhà từ trước.

**TRUNG-VIỆT GAZ CÔNG-TY**  
**Trunvigaz**

SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP  
OXYGÈNE VÀ ACÉTYLÈNE

**NHÀ MÁY :** **VĂN-PHÒNG :**

*Khu Kỹ-Nghệ 71-A Thống-Nhất—Đà Nẵng*  
**ĐÀ NẴNG** **D.T. 21 050**

**HUA-NGHI-NAM**

**Kiên - Hợp - Hằng**

*56, BỜ SÔNG BẠCH-ĐẰNG*

CHUYÊN BÁN FIBRO-CIMENT,  
PHÂN HÓA-HỌC VÀ TẠP-HÓA

**D.T. 20.395**

**ĐÀ NẴNG**

**VIỆT - NAM**

## VÌ TÌNH, VÌ TIỀN

Cách đây chừng vài chục năm, tại đường Mai-thúc-Loan Thành-nội Huế, có một cụ già 82 tuổi cưới một cô gái 20 tuổi. Chú rể già đội khăn đóng, mặc áo gấm xanh trông rất bảnh chọe, tuy có chồng gầy trúc! Cô dâu trẻ chít khăn vành có vẻ một mạng-phụ. Đám cưới và lê rước dâu được tö-chức rất linh đình, có cau lồng rượu ché, có kẻ hòng ngông và có cả linh mặc áo đỏ, quần bó xà-cạp và đội nón dẫu nữa. Thiên-hạ rủ nhau đi xem rất đông, ai cũng xì xầm bàn tán: họ bảo ông già kề miệng lỗ rồi mà còn mê gái tơ, và cô dâu trẻ trung thế, sao lại đi lấy ông già cho phí cái xuân xanh. Riêng thi-sĩ Văn-am Nguyễn-bá-Nhiệm thì bào chữa cho cặp chồng già vợ trẻ ấy bằng bài thơ:

VÌ TÌNH, VÌ TIỀN

Ông kia đã trở về già,  
 Cùng cô gái nọ la cà kết duyên.  
 Có người lại bảo ông điên,  
 «Đã già, sao lại còn ghiền gái tor?»  
 Ông bèn vác gậy ông quo:  
 «Tuy ta già thật, nhưng ta thiếu tình».  
 Người kia lại bảo cô mình:  
 «Gái tor sao lại kết tình ông tra?»  
 Cô kia vừa nói vừa la:  
 «Tuy ta trẻ thật, nhưng ta thiếu tiền».  
 . . . . .  
 Đời sao lầm chuyện cũng phiền,  
 Vì tình là một, vì tiền là hai.  
 Hai điều cũng thiết cả hai,  
 Mặc ma với duối, chê bai làm gì!  
 Thăng tối cứ việc cười khì,  
 Đè cho thiên hạ mẫn, chỉ thì mẫn.  
 Nữa lời không dám can ngăn.

## NHỮNG BÀI THƠ CẦU-KỲ

Đó là những bài thơ làm theo lối « *Song thanh điệp vận* » và thơ đọc xuôi và đọc ngược.

### I. — SONG THANH ĐIỆP VẬN

« *Song thanh điệp vận* » là một thể thơ đường luật — bát cú hay tứ tuyệt — trong đó mỗi câu bảy chữ đều phải có sáu chữ trùng vận với nhau theo từng cặp. Thi-dụ bài thơ sau đây của Tuy-Lý-Vương :

‘*Mây xây núi túi chim tìm iồ,  
Khách cách đường trường nốt-cột lau.  
Lồng khồng đào cao nường phậu xấu,  
Lơ thơ liễu yếu chỉ đau đau !*’

Đó là một lối chơi chữ khá cầu-kỳ mà chỉ

có những thi-sĩ lối lạc mơi có thể áp dụng được một cách trôi chảy tự nhiên mà thôi.

Về lối chơi chữ ấy, người ta kể lại một giai thoại thú vị như sau :

Ông Phạm-như-Xương, một vị đưống quan dưới triều Nguyễn, đã nhờ tài làm thơ mà bắt được nhân-tình với công-chúa Phú-Lê, một góa-phụ trẻ đẹp cũng nỗi tiếng hay thơ. Họ thường xướng họa với nhau rất là tương đắc.

Một hôm, ông Phạm-như-Xương nghe phong-phanh công-chúa Phú - Lê có người yêu mới, bèn gửi cho công-chúa một bài thơ bát cú làm theo lối « song thanh điệp vận », để trách kẽ bắc tình :

*Biu riu đương thương chờ nỡ lia,  
Trong lòng bó rợ khó bề kia.  
Người đời rồi nỗi không đồng mồng,  
Miệng tiếng dẫu đâu đê thế chê.  
Ước trước chưa vừa tình bức túc,  
Sầu lâu đã lỡ bệnh té mè.  
Khoan toan phụ cũ tham lam mơi,  
Thuở nớ vì chi cột thốt thè.*

Công-chúa Phú-Lê trách lại ông Xương bằng một bài tú - tuyệt, cũng theo lối « song thanh điệp vận » :

*Lúi xúi lò mò khéo lựa thừa,  
Cười người mặt săt cũng đong đưa.*

*Khôn ngoan khéo léo xuôi dài chối,  
Mặt dạn dày bì sỉ chưa!*

Ông Xương họa lại :

*Biết thiệt cùng không cõi đồ thừa,  
Lời chơi nói với gió chưa đưa.  
Soi coi đã quả tờ thơ nó,  
Giữ chữ thè tê hẳn đang chưa?*

Và kè từ đó, đôi tình-nhân thi-sĩ ấy, vì mến tài lẫn nhau mà đã trở lại thuận hòa và khắn khít với nhau hơn bao giờ hết.

Ở Huế, người ta còn truyền tụng hai bài thơ «*song thanh diệp vận*» có hạng sau đây, một của ông Tôn-thất - Diệm và một của ông Nguyễn-khoa-Vy :

### LỤT THÁNG BÂY

*Hoa đã xây dày cỏ nhở sương,  
Ngành xanh có gió múa thương dương.  
Mưa sura lác đác mây đầy núi,  
Nước bước lao xao lụt lút đường.  
Nhủi lủi chơm nơm bầy gáy nhảy,  
Ao trào hói ói lũ lươn trường.  
Bè tre rắn xoảng đông rồng dậy,  
Thước nước đêm thêm lắp xắp giường.*

Tôn-thất-Diệm

### ĐI DẠO MIỀN NÚI CẨM TÁC

*Nước bước sa dà ngầm dặm đàng,  
Thùa ưa tốt một vẻ quan-san.  
Tươi mươi nhụy túy bông chồng bạc,  
Lỗ đỗ ngành xanh lá mạ vàng.  
Lúc ngúc đầu trâu ngồi nhóm xóm,  
Lau rau mỏ chó sủa vang làng.  
Đường trường lãi rải dìng chun nghỉ,  
Lặng lặng chùa khua lốc cốc tang.*

Nguyễn-khoa-Vy

### II — THƠ ĐỌC XUÔI VÀ ĐỌC NGƯỢC

Một lối chơi chữ cầu-kỳ khác là thơ đọc xuôi và đọc ngược, đọc cách nào cũng có nghĩa. Lối chơi chữ này còn khó hơn lối chơi thơ «song thanh điệp vận» nhiều. Xin ghi lại sau đây ba bài để làm thí-dụ :

Năm 1904, nhân trận bão năm Thìn làm sập hai vài cầu Trường-Tiền (lúc bấy giờ gọi là cầu «*Thành-Thái*»), vua Thành-Thái làm bài thơ tức cảnh sau đây :

#### VỊNH CẦU THÀNH-THÁI

*Áo áo trận gió nỗi tây đông,  
Vận khí vừa nay giáp hội rồng.*

*Cao điệu chốn đều thay ngói cũ,  
Sắt cầu nơi lại uốn lưng cong.  
Xao sòng nước đồ bay đồ nặng,  
Bán chợ người về khóc gánh không.  
Hao hại buổi trời theo chịu thế,  
Nào hay có gốc áy sinh bông.*

Vua Thành-Thái

Người ta nói rằng bài thơ trên là một điềm gở, khiến cho vua Thành-Thái bị Pháp truất phế bốn năm sau đó (1907).

### NGHE ĐÀN NHỚ BẠN ĐÀNG XA

*Ai đàn tiếng vắng vắng nghe xa,  
Nhớ tưởng thêm lòng nỗi thiết tha.  
Lai láng lệ mình khi nghĩ lại,  
Thẳng dùi chân đó lúc dì ra.  
Tai quen giọng lý câu tình tự,  
Ý thích lời ngâm khúc nguyệt hoa.  
Phai lợt nỡ nào lòng chí quyết,  
Dài lâu ngãi kết bạn cùng ta.*

Nguyễn-khoa-Vy

### GỎI THĂM CỤ TAM-XUYÊN

*Tình chung mẩy nẻo cách Tây Đông,  
Cảnh nhớ đêm trăng thường chén nồng.  
Sanh nhịp tiếng đàn ta với bạn,  
Vận hòa câu vịnh ý ưa lòng.*

*Ngành chen trăng đã mai non khắp,  
Lá nhuộm xanh còn liêu dầm trông.  
Dành để cuộc chơi người nguyện ước,  
Quanh vòng hối bến ngả ba sông.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

HÃNG VẬN-TẢI THỦY BỘ

**KHÁNH-PHÁT**

Chuyên chở hàng-hóa từ  
Saigon đến Đà Nẵng – Huế

*Số 18-A Lê-quang-Liêm CHOLON*

*Số 79 Độc-Lập*

*DANANG*

## CHOI CHỮ VÀ NÓI LÁI

Về nghệ-thuật chơi chữ và nói lái trong thi-ca, có thể nói rằng các thi-sĩ đất Thần-kinh đã đạt đến mức tinh-vi. Đại-diện tiêu biều nhất về phương-diện ấy là thi-sĩ Nguyễn-khoa-Vy (1881-Huế), biệt-hiệu là Thảo-am, đã nổi tiếng về các bài thơ độc đáo sau đây :

### KHUYÊN NGƯỜI ĐA TÌNH

*Chạy chữa chai chân chảng chịu chừa,  
Chín chịu chua chát chân chê chừa ?  
Cha chài chú chóp chơi chung chạ.  
Chảng chính khuyên chi chờ chực chờ.*

### VUI THÚ ĐIỀN VIÊN CẦM KỲ THI TỬU

*Cui cút cùng cây cổ cận kè,  
Cung cầm cừng cỏi cũng còng cò ke.*

*Cuộc cờ cao kém con cười cợt,  
Cái cốc cỗ ca cù cắp kè.*

### ĐÊM KHUYA ĐỢI TÌNH NHÂN

*Nực cõi chi ra nỗi cực lòng,  
Dòng chau lai láng dĩa dầu chong.  
Khó đi tìm hỏi nhau khi đó,  
Công khó chờ nhau biết có không ?*

### KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

*Trông khống vô phòng thấy trống khống,  
Chùa chan sầu lệ chán chưa chòng.  
Dòng chau lai láng dầu chong đợi,  
Bóng nhạn lung chừng bạn nhóng trông.  
Nhóm ngó đã cùng nơi ngả đó,  
Mơ mồng bên cạnh gối mền bông.  
Đêm thâu mưa gió đâu thêm mãi,  
Xông lướt đi tìm phải xước lồng.*

### ĐI CHƠI THUYỀN Ở ĐẬP ĐÁ (HUẾ)

*Đập cũ thuyền đưa đủ cắp rồi,  
Tròi cho sức khỏe lắm trò chơi.  
Có đôi khi rảnh lên cõi đó,  
Cười ngã nghiêng vui ngắt cả người.*

Về thơ nói lái, sau Thảo-am Nguyễn-khoa-Vy, phải kể đến thi-sĩ Thanh-hương Phan-minh-Phụ (1913 — Thừa-thiên) với hai bài thơ rất tài tình sau đây :

### VỊNH MỘT TỜ BÁO... HẠI

*Chỉ đáng vòi di để độn lò,  
 Câu đây móc đó đọc buồn xo.  
 Phao di dồn lại nhiều tin quấy,  
 Vui lộn chôn lầm lầm hạm to.  
 Bịa cảnh canh khuaya cô tú đợi.  
 Bày trò đêm tối linh đồn lo.  
 Hãy xem đạo Dụ ghi điều luật,  
 Đồn lạc tin sai phạt mẩy bờ.*

### ĐIỆN LU

*Thiên-hạ than phiền ánh điện lu,  
 U u ám ám tợ mây mù.  
 Đêm xuân sao nhuốm màu thu đậm ?  
 Lòng đã u buồn điện cũng u !*

Về nghệ-thuật chơi chữ và nói lái trong thi-ca, thiết tưởng không có nước nào trên thế-giới có thể so sánh với Việt-Nam được.

Về thơ nói lái, có thể nói rằng Việt-Nam giữ một địa-vị độc tôn. Còn về nghệ-thuật chơi chữ trong thi-ca, thi-nhân các nước khác cũng có áp dụng lối chơi này. Thi-du như trong bài thơ sau đây của Alfred de Musset, một thi-sĩ nổi danh của Pháp vào thế-kỷ 19, gọi cho cô tình-nhân là George Sand, một nữ tiểu-thuyết-gia Pháp cũng nổi danh không kém vào hồi đó, lối chơi chữ giống như lối chơi áp dụng trong bài thơ « Vô - đè »

của An-phong-công Hồng-Bảo đã ghi ở trên, là các chữ đầu của mỗi câu thơ ghép lại với nhau thành một câu có ý nghĩa riêng :

« *Quand je vous fais, hélas ! un éternel  
hommage,  
Voulez-vous qu'un instant je change de  
langage ?* »

*Vous seule possédez mon âme et mon cœur.  
Que ne puis-je avec vous goûter le vrai bonheur ?  
Je vous aime, ma belle, et ma plume en délire,  
Couche sur ce papier ce que je n'ose dire.  
Avec soin, de mes vers, lisez les premiers mots,  
Vous saurez quel remède apporter à mes maux.»*

Đêm ghép lại với nhau các chữ đầu câu của bài thơ, thì thành câu : « *Quand voulez-vous que je couche avec vous ?* », nghĩa là « *Khi nào em muốn anh ngủ với em ?* »

George Sand đáp lại :

« *Cette grande faveur que votre ardeur réclame  
Nuit peut-être à l'honneur mais répond à ma  
flamme.»*

Hai chữ đầu câu ghép lại thành câu trả lời :  
« *Cettenuit* », nghĩa là : « Đêm nay. »

Thi-sĩ Tâm-Hỷ Tôn-thất-Tổn (1901-Huế) đã dịch hai bài thơ trên ra thơ Việt như sau :

« Khi yêu trao cả mối tình,  
 Nào ai có biết lời mình đổi thay.  
 Nàng ơi ! Lạc thù cùng say,  
 Thuận chăng ? Tắt cả lòng dây dâng nàng,  
 Cho tôi viết vội mấy hàng.  
 Tôi yêu tha thiết bằng hoàng nói sao ?  
 Thỏa lòng mấy chữ đầu câu,  
 Tình chung may được giải său cũng nên. »

Alfred de Musset

— « Đêm ngày nao nức lòng ai,  
 Nay thăm mong ước ngại lời thị-phị. »

George Sand

Ghép lại với nhau những chữ đầu câu, chúng ta đọc :

« Khi nào nàng thuận cho tôi thỏa tình ? »  
 — « Đêm nay ».

Ông Tôn-thất-Tốn dịch thơ Pháp ra thơ Việt mà tôn trọng cả lối chơi chữ của tác-giả, thì quả thật là tài tinh !

**THỐNG-NHẤT THƯƠNG-NGHIỆP CÔNG-TY  
SHIPPING AGENCY**

*Add 14 Bạch-Đằng - ĐÀNĂNG  
TL. 20,252*

*Cable : Thống-Nhất - ĐÀNĂNG*

**VIỆT-PHƯƠNG CÔNG-TY**

**NHẬP CẢNG CIMENT**

*162 Bạch-Đằng - ĐÀNĂNG*

**Đ.T. 20 308**

## TIẾC QUÁ

Thời trước, khi Hán-học còn đang thịnh hành, ở Huế, tại trường học của một ông thầy Đồ nợ, đã xảy ra một câu chuyện khôi hài như sau:

Một hôm, thầy Đồ đi vắng, học-trò bày bàn cờ tướng ra đánh, có cô con gái hàng xóm là cô Huệ sang ngồi xem, vô ý mặc cái quần rách đáy đê lộ chỗ kín ra. Hôm sau thầy về, học-trò cười khúc khích hoài, thầy hỏi duyên cớ không ai chịu nói, thầy giận lắm, rút roi mây toan nọc học-trò ra đánh. Một trò lớn nhất trong đám buộc lòng phải đứng lên kể lại sự tình. Nghe xong, chẳng những thầy rất thông cảm, đem cắt cây roi đi mà còn vỗ đầu, chắt lưỡi tỏ ý tiếc rẻ hôm qua không có mặt ở nhà.

Nhân câu chuyện trên, ông Nguyễn-hồ-Trừu

đã làm một bài phú như sau, có đăng trong sách « *Cỗ xúy nguyên âm* » của Đông-châu Nguyên-hữu-Tiến :

XEM CỜ ĐÈ MÃNH PHÚ  
(hạn vận : đè, ra, mãnh, oi)

*Tiên-sinh đường bệ, da sĩ tè tè (1)  
Nhi khúc-khúc nhiên, nhi khich-khich nhiên,  
nhất nhật phó Tiên-sinh chi quách kè.  
Tiên-sinh giận lầm, hối rằng : làm sao ?  
Đè-tử díng lên, thưa thầy con kề :  
« Cái Huệ nó đè...  
« Nhân ngày hôm qua, thầy đi vắng nhà,  
« Đường mùa hè chi vô sự, viễn (2) bàn cờ  
hè dở ra.  
« Bất ý : chị ta ngồi lé ngồi la, bèn giuong  
méo rái, bèn cึง mào gà.  
« Người chẳng ra người, ma chẳng ra ma.  
« Nhi bánh bánh ra, nhi chành chành ra. Úc  
ông mãnh ra, úc ông kênh ra, úc ông hồ-mang  
chi cõ bánh ra.  
« Toại sứ (3) : Tướng muỗn thương lên, pháo  
tranh nước cạnh, tốt hữu ý u nhập cung, sĩ manh  
tinh u nhất ghênh.  
« Thé mà không cười, họa có óng thánh.»*

(1) Nhiều lầm

(2) Bèn

(3) Bèn khiển

*Tiên-sinh nghe rồi, nỗi mỉm kỳ mô i, nỗi vỗ kỹ  
đùi, nỗi quẳng kỹ roi,*

*Thán tức ngôn viết (1): « Ôi giờ ôi ! Ôi đất ôi !  
Chết nỗi ! Thế mà hôm qua không có tôi ».*

(Nguyễn-hồ-Trùu)

---

(1) Than rằng

CÔNG - TY KỸ - NGHỆ BÔNG VÀI VIỆT - NAM

**SICOVINA**

NHÀ MÁY SỢI VÀ DỆT

**HÒA - THỌ - HÒA - VÀNG - QUẢNG - NAM**

**Đ.T. 20.326**

**NGUYỄN - THỊ - SUYỄN**

**HIỆU QUẢNG - HƯNG**

**72 Bạch - Đằng - ĐÀ NẴNG**

KINH DOANH THƯƠNG - MẠI

ĐẠI - LÝ HẢI - SANH

CHUYỂN - VẬN CÔNG - TY

SAIGON — ĐÀ NẴNG — HUẾ

VẬN - TẢI HÀNG - HÓA ĐƯỜNG THỦY BỘ

## CON CÒ VÀ CÁI HĨM

Trong văn-chương trào-phúng Việt-Nam, có trường-hợp các thi-sĩ làm thơ để mô tả cõi-quan sinh-dục của con người. Tỷ như nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương đã «lởm một ông cử võ» bằng bài thơ sau đây nghĩa đen tả một quân-nhân thời xưa, nhưng nghĩa bóng là vì ông cử võ với cái «ấy» của đàn ông :

«Bác mẹ sanh ra vốn chẳng hèn,  
Tối tuy không mắt sáng hơn đèn.  
Đầu đội nón da loe chớp đỏ,  
Lưng đeo bị đạn rũ thao đen.»

Các thi-sĩ đất Thần-kinh cũng đã sáng-tác những bài thơ tương-tự, cũng rất là dí dỏm và tài tình :

Trong bài thơ «Vịnh cái bát lửa cũ», ông

Quỳ-Uưu Nguyễn - đôn - Dư (1908-Huế) đã dùng ý  
mô tả cơ-quan sinh-dục của các cụ già :

« *Lết xết hồi lâu lùa chảng ra,  
Ngán thay cái quẹt của ông già !  
Con cò chắc đã mòn khu ốc,  
Viên đá e khi hỏng ruột gà.  
Đè xuống kéo lên thêm lồng trực.  
Bấm qua bóp lại muốn trầy da.  
Dầu đà xi bảy tim đà uốt,  
Toan vất nhung mà có kẻ la !* »

Quỳ-Uưu

Còn về thơ tả bộ-phận sinh-dục của phụ-nữ, thì tưởng không có bài nào tài tình bằng bài thơ sau đây của ông Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm (1853-1922 — Huế), trong đó mỗi câu đều dùng một điền ngạn-ngữ và tên một con thú :

### GIỐNG MẸ

« *Giống mẹ không sai chút béo beo,  
Cuống đầu tổ căng lúc chòng cheo.  
Chợ hơ giữa chợ phơi ba vạ,  
Đát đát trong cươi (1) trượt một keo.* »

(1) Cươi : tiếng Huế có nghĩa là sân.

*Đánh giấc mê man tha kệ chuột,  
Nỗi cơn quay quắt dữ hơn mèo.  
Đi nhai, đứng ngâm, ngồi cười gãm,  
Róc rách bên cồn hứng gió heo.»*

Mộng-Phật

Hai bài thơ trên đây của các thi-sĩ Quỳ-Uu  
Nguyễn-đôn-Dư và Mộng-Phật Tòn-thất-Diệm, tuy  
dụng ý tả cơ-quan sinh-dục của con người, nhưng  
lời thơ vẫn thanh-nhã và bóng bẩy, không có gì  
lộ liễu có thể gọi là sống sượng hay tục tĩu. Về  
phương-diện này, câu thơ «Tối tuy không mắt  
sáng hơn đèn» của Hồ-xuân-Hương đã gợi ra  
một hình-ảnh tục lộ liễu hơn.

# **TRANSMAR - SOVIMAR**

**6 Đại-Lộ Độc-Lập — ĐÀNẴNG**

**TÉL : 20 281**

## **ĐẠI-DIỆN :**

- CÁC HÃNG TÀU VIỄN DUYÊN, CẬN DUYÊN
- HÃNG LUSTEVECO — MANILA
- HÃNG COLUMBIA EXPORT PACKERS  
INC - TORRANCE

## **MỸ-LỢI**

**BUÔN BÁN MÁY THU THANH,  
TRUYỀN HÌNH, MÁY MAY  
HÀNG BÁCH HÓA**

**25 - 27, ĐỒNG-KHÁNH — ĐÀ-NẴNG**

**D.T. 20 398**

## ĐÀO VI THƯỢNG SÁCH

Khi ông Tr.-Ký, Người Quảng-Nam, được  
bồ đi làm quan ở Huế, Ông không đem theo gia-  
đình mà đi ở trọ một mình. Vợ ông quả thật đã  
vung tinh mới dè cho Ông tạm thời sống trong  
cảnh độc-thân tại một thành-phố nỗi tiếng xưa  
nay là có nhiều gái đẹp, đầy vẻ quyến rũ. Rồi  
chuyện gì phải đến đã đến :

Lâu ngày, đi đò dọc trên sông Hương hoài  
rời cũng đâm chán, viếng thăm mụ Nghè Đồng,  
mụ Cả Văn-Sanh, mụ Thất-Lan, v.v... ở trong  
Thành Nội, hoặc các cô Đào, cô Chỉ nỗi tiếng  
hoa-khôi bên Đất Mới (gần Vận-Động-Trường  
« Tự-Do ») hoài rồi cũng thấy hết hứng thú, Ông  
Tr.-Ký mới bắt nhẫn-tình với một nàng tự xưng là  
« Công-Chúa » ở dốc Nam-Giao, có tiếng là đẹp,  
thanh-lịch và tài-cá. Tuy « Công-Chúa » chưa có

chồng, nhưng thường sống một cuộc đời rất lẳng-mạn, không khác gì cô Marguerite Gauthier trong truyện «Trà-Hoa-Nữ» của Alexandre Dumas Fils, đêm ngày nhà nàng tấp nập khách hào-hoa phong nhã, quan nhô có, quan to cũng có. Chẳng những nàng nỗi tiếng về sắc đẹp, nàng lại còn nỗi tiếng là một nữ-thi-sĩ tài ba và một danh cầm hữu hạng nữa. Thảo nào mà ông Tr.-Ký nhà ta không chết mê chết mệt với nàng cho được? Sau khi chiếm được nàng rồi, có lẽ nhờ ở chỗ ông ta «đó» con và «đóng» bạc cắc, ông rất lấy làm hạnh diện, tự cho mình là người sung sướng nhất trần-gian. Đi đâu, ông cũng khoe khoang với bạn bè cái «chiến-lợi-phảm» mà ông vừa đoạt được trên «chiến-trường tình-ái».

— Đó là một «kỳ công», anh biết không? Chính ông ta đã nói với tôi như thế.

Kè ra, đó là một «kỳ công» thật! Vì có bao nhiêu là vương-tôn công-tử, bao nhiêu là tai to mặt lớn lui tới nhà nàng, thế mà ông ta đã chiếm được nàng làm của riêng, thì chẳng phải «kỳ công» là gì? Thành thật mà nói, chính tôi cũng phải phục tài chinh phục phụ-nữ của ông ta, vì, — xin thú thật, — chính tôi, bạn của ông ta, là «kẻ chiến bại» khi muốn ôm nàng vào lòng mà nàng đã từ chối!

Thế rồi, bắt đi một dạo gần sáu tháng, tôi mới gặp lại ông Ký. Lần này, trong ông ta có vẻ

tiều tụy, gầy gò và già đi nhiều lăm, tôi bèn hỏi  
nguyên-do, thì ông ta đáp :

— «Anh ạ ! Tôi đã đê đơn xin về hưu non  
rồi, để trở về Quảng-Nam, không thì chết mất !

— « Ủa, anh nói chi mà lạ rứa ? tôi hỏi,—Anh  
còn những mấy năm nữa mới đáo hạn hưu-trí  
kia mà ! Tại sao lại nói đến chuyện về hưu ? Và ai  
đã làm gì anh mà phải nói đến tiếng «chết» ? Bộ  
anh điên rồi sao, anh Ký ? Còn nàng «công-chúa»  
của anh đâu ?

— «Tôi không điên đâu anh ạ ! Tôi nói tất  
cả sự thật đó mà ! Chỗ anh em, tôi không dấu gì  
anh hết : Số là kề từ khi tôi chiếm được trái  
tim của «công-chúa» mà anh đã biết đó, và ăn  
ở với nàng như vợ chồng, tôi tưởng tôi đã nắm  
được hạnh-phúc ở cõi đời này rồi. Có dè đâu đó  
chính là của nợ ba mươi đời nhà tôi cũng không  
bằng ! Tôi có ngờ đâu rằng tôi đã vờ phải một con  
đàn-bà « hysterique » (1) hết cõi nói, một Đắc-Ký,  
một Tù-Hy Thái-Hậu, một Catherine de Russie,  
một Lucrèce Borgia hợp lại ! Anh biết không ?  
Đêm nào cũng như đêm nay, nàng bắt tôi phải  
«phục-vụ» nàng quá sức chịu đựng của tôi, không  
cho tôi nghỉ xả hơi lấy được một đêm, khiến  
cho ngày nay, tôi ra thân thè như anh thấy đây.  
Đã thế, tất cả số tiền lương hàng tháng của tôi,

(1) Hystérique : bị dâm bệnh thần-kinh nên trở thành  
đa dâm.

tôi trao tất cả cho nàng mà nàng cũng chưa vừa lòng. Anh thử nghĩ coi: Tôi có trong què tôi ở Quảng-Nam đến 50 mẫu ruộng đệ nhất đẳng, tôi đã bán cha nó đi hết 30 mẫu rồi để nàng tiêu xài, chỉ còn lại có 20 mẫu mà nàng cũng nhẫn tâm thúc dục tôi phải bán nốt. Anh ạ! với cái đà này, nếu tôi không sớm toan liệu, thì chẳng chóng thì chầy, tôi sẽ bị khánh tận sạch sành sanh là cái chắc, mà cho đến cả cái mạng sống của chính tôi nữa, chắc cũng «đi đơn» mất thôi... với con quý dâm dục ấy. Cho nên, để cứu vãn tình thế, tôi đã nghĩ ra một kế mà tôi phải thi hành ngay. Đó là «Đào vi thương sach»: Tôi đã quyết-xin về hưu non để về sống bên cạnh vợ con tôi ở Quảng-Nam với 20 mẫu ruộng còn lại, hầu thoát ra khỏi nanh vuốt của con «Đắc-Ký» tân thời ấy. Tôi chỉ còn chờ Chỉ hưu-trí ra là tôi «dọt» ngay tức khắc.»

Nghe Tr.-Ký nói đến đây, tôi nghĩ bụng: «Hú vía! Nếu trước kia mà con bé ấy chịu mình, thì chắc chắn là ngày hôm nay, mình đã về chầu ôn chầu mệ từ khuya rồi! Thằng Ký nó «đò» con như vậy mà còn không chịu nỗi với con bé ấy, nữa là mình thuộc hàng «trói gà không chặt». Thật là phước ba mươi đời nhà mình».

Tôi đã bắt tay Tr.-Ký toan quay đi, thì ông ta níu tôi lại mà nói:

— «À quên! Xin anh rán lại một phút nữa thôi để tôi kể nốt chuyện này cho anh nghe: Con bé là một «cây» thơ, anh biết không? Khi phong

phanh nghe tôi đê đơn xin về hưu non đê «chạy làng» nó mà về quê, nó có gởi cho tôi một bức thư, vì từ hôm tôi đê đơn xin về hưu đến nay, tôi trốn biệt không dám gặp mặt nó nữa. Mở phong bì ra xem, thì đó là một bài thơ «thất ngôn bát cú» mà chính nó đã sáng-tác với ý định rõ rệt là niu tôi trở lại với nó bằng văn - chương thi-phú. Tôi xin đọc anh nghe :

*«Chẳng nói thì thương, nói cũng thừa,  
Hưu chi hưu với súc đương vừa.  
Chị em ngầm lại dung ông thế,  
Son phấn buồn cho phận thiếp chưa?  
Bè ái nhớ người ai nhớ của,  
Thuyền tình khi đón ngắn khi đưa.  
Thôi xin ông chờ về chi vội,  
Ở rán cùng em nói chuyện xưa.»*

Tôi hỏi : «Thế rồi anh có trả lời cô ta không ?  
Và nếu có, thì trả lời ra làm sao ? Anh có thể  
cho tôi biết được không ?

— « Được lắm chứ ! Tr. - Ký đáp. Chi chí  
đi nữa thì mình cũng là bậc văn-chương học-thức.  
Về phương - diện kia, thì mình chịu thua nó đứt  
đuôi đi rồi, chứ về phương - diện văn - chương thi-  
phú, thì còn khuya mình mới thua nó. Cho nên  
tôi đã họa lại bài thơ của nó, và xin phép đọc đê  
anh nghe xem có được không nhá. »

— Dạ, xin anh cứ đọc, tôi nghe đây.

Tr. - Ký đắn hắn một tiếng đè lấy giọng  
rồi đọc :

*« Tinh nghĩa có mi lão chán thưa,  
Thôi xin cõi hãy nói vừa vừa.  
Ngọt bùi nếm đủ, mình thôi chờ !  
Đồ đạc niêm rồi, chị thấy chưa ?  
Đó đâu ép duyên mà ép ng,  
Đây không cầu dòn với cầu đưa.  
Đỗ ai ái mộ cho ông ô,  
Phủi áo ra về hết chuyện xưa ! »*

Tr. - Ký nói tiếp :

*« Con bé nó nhắc đến chuyện xưa là chuyện  
gì anh biết không? Chuyện « ấy » đó mà, — cái chuyện  
làm cho tôi ra thân thè như thế này đây! Nó  
nhắc đến chuyện xưa đó mà tôi phát ồn, phát  
nổi cả da gà! Nó không biết tôi « chạy làng » nó  
là vì chuyện « ấy » hay sao mà nó còn nhắc lại ?  
Con bé quả thật không thông minh một tí nào  
khi có ý định giữ tôi lại với nó. Cho nên trong  
câu kết của bài thơ họa của tôi, tôi đã trả lời nó  
dứt khoát : không chuyện xưa chuyện nay gì nữa  
cả! Hết chuyện xưa rồi! Đừng có hòng! « Phủi  
áo ra về hết chuyện xưa! » Tôi họa như vậy anh  
nghe thế nào ? Có được không anh ?*

— « Được lắm, hay lắm! Nhưng thôi, anh  
nên lo về ăn uống tằm bồ và thuốc men đi là  
vừa, kéo nếu anh ngã bệnh nằm xuống, thì chỉ  
tôi làm khồ chị và các cháu mà thôi! »

— «Dạ, dạ, xin cảm ơn anh nhiều lắm. Xin chào anh.

Sau khi Tr. Ký đi rồi, tôi nghĩ : « *Sắc bắt ba  
đảo dị nich nhản* » là thế đó. Cồ-nhân nói thật không sai. Mình phải mau mau đem câu chuyện của thằng Ký đi nói cho tất cả bạn bè đều biết để tránh xa con bé « *hystérique* » kủng khiếp đó, vì nghe đâu sau khi thằng Ký bỏ cuộc, mấy thằng M, thằng H và cả thằng L nữa, đã mon men leo hánh đến nhà con bé đó rồi. Nguy quá ! »

## **SOVIMAR**

CÔNG - TY TRÁCH - NHIỆM HỮU-HẠN VỐN 500.000\$00

*Trụ-Sở 12 Công-Lý SAIGON—VIỆT-NAM*

**SỐ THƯƠNG-MÃI : 1042-B**

**S.Q.G.D.B. 65 - 518 - 21 - 101**

**SOVIMAR ĐÀNANG**

**ĐIỆN THOẠI**

**SHIPMAR ĐÀNANG**

*Chi-nhánh Đà-năng : 6 Độc-Lập ĐÀNĂNG*

**D.T. 20.231**

**Hộp thư : 26**

# **PHƯỚC - THỌ - ĐƯỜNG**

*28 Đại-Lộ Đồng-Khánh — ĐÀNĂNG*

**THUỐC BẮC và  
CAO ĐƠN HOÀN TÁN**

# **CHẨN - XƯƠNG**

**NHÀ BUÔN và KHAI QUAN - THUẾ**

*20 Đường Yên-Báy — ĐÀ-NẴNG*

## CUỘC CHÍNH-BIẾN NĂM 1933

Năm 1933, nhơn dịp vua Bảo-Đại hời loạn và  
thay đổi Nội-các, các thi-sĩ đất thần-kinh đã sáng  
tác ra nhiều thi-văn để trào-phúng năm cũ  
Thượng-thơ về hưu-trí bất-đắc-dĩ, trong đó có bài  
thơ và bài văn tế sống sau đây là nổi tiếng  
hơn cả :

### CUỘC CHÍNH-BIẾN NGÀY 2-5-1933

*Năm Trụ khi không ngã cái inh!  
Đất bằng một tiếng thảy đều kinh:  
Bài không deo nưa đem dung lại (1)  
Đàn chẳng ai nghe khéo giờ hình (2)*

---

(1) Nguyễn-Hữu-Bài, Thượng-thơ Bộ Lại

(2) Tôn-thất-Đàn, — Bộ Hình

*Liệu thế không xong binh chẳng dăng (1)*

*Liêm danh giữ tiếng lẽ đứng rinh (2)*

*Công danh thôi thế là hưu hỷ (3)*

*Đại sự xin nhường lớp hậu-sinh (4)*

(Hoài-Nam Nguyễn-trọng-Cần)

Nếu đề ý, bạn đọc sẽ nhận thấy trong bài thơ trên, trừ hai câu thơ đầu, mỗi câu đều có tên của một Cụ Thượng-tho và tên của Bộ liên hệ.

### BÀI VĂN TẾ SỐNG NĂM CỤ

của Võ-Thái

*Hồi ơi! Nắng héo cành hoa, sóng xiêu cột trụ.*

*Hội văn-minh nên giữ lẽ công, tài lão luyện  
khá thương người cũ.*

*Năm quý-dậu (1933) canh gà gáy thức, thôi  
tỉnh rồi một giấc hoàng lương.*

*Tiết Nam-Phong (5) ngọn gió thôi dần, bỗng  
trởc cả năm cây đại-thọ.*

*Nhớ các Cụ xưa :*

*Trí lự thông minh,*

*Khôn ngoan tài ngõ.*

*Mình trải bốn Triều.*

*Quan trên sáu Bộ.*

(1) Phạm-Liệu, Thượng-tho      Bộ Bình

(2) Võ-Liêm      —      Bộ Lễ

(3),(4) Vương-tứ-Đại      —      Bộ Công

(5) Ý nói ông Phạm - Quỳnh, chủ bút tạp chí Nam-Phong.

*Chức Bình-Chương xứng mặt đại-thần, tài kinh-tế đã nên Thạc-Phụ.*

*Vận-hội gặp cơn mưa gió, lạnh rãng chi dám hở môi.*

*Công-hầu say miếng đỉnh-chung, lấp miệng vì chưng cả vú.*

*Sóng hoảng-hải không yên cũng lặng, lo chi thế ấy thế này.*

*Nợ tang-bồng chưa trả đã vay, khắp cả ngõ kia ngõ nọ.*

*Tháng hai trước áo xiêm trói buộc, mới tề trời theo lễ Nam-Giao,*

*Tháng ba sau xe ngựa dập dùi, lại hầu Ngự làm chay Thiên-Mụ.*

*Kiệu Hoàng-đế đã về trị nước, bảy năm mừng thấy mặt trời,*

*Sô hưu quan chẳng động tới mình, hai ba tháng tưởng qua luồng gió.*

*Cụ thì tuổi vừa sáu chục, phép trường-sinh át có tiên đơn,*

*Cụ thời thọ quá bảy tuần, ân lưu dung mới vâng Thượng-Dụ.*

*Ai ngờ! giông tố bất kỳ, mây mưa đánh đổ.*

*Cuối xuân xanh vừa lúc hoa tàn, giữa bể hoạn gặp con sóng gió.*

*Đầu tháng tư đổi tiết, quan Toàn-quyền chính-phủ đã qua.*

*Chiều mồng tam hội hương, việc hạ lệnh phong bì mời xồ.*

*Giấy đã khui ra, mắt đều thấy rõ.*

*Từ dưới ông Công (1) đến trên cù Võ (2)*

*Cả thảy năm Ngài, đưa về một số.*

*Chữ pháp-tự trong tay đã hiểu, cười cũng  
lở cười,*

*Gương tinh-quang trên mắt còn đeo, ngó rồi  
lại ngó.*

*Tướng đã đứng đầu năm tước (3), tha hồ dẽ  
bác Phuộc-Môn. (4)*

*Hay đâu đi rốc một lần, hưu hỷ chừa quan  
Thượng-Hộ. (5)*

*Thảm thiết nhỉ năm mây gần đó, ngân ngo  
trong năm vè rồng cao,*

*Độc bạc thay một lười quét xong, may sót lại  
một con cá nhỏ.*

*Ôi ! có câu : «Danh thành thân thối», kiếp phù  
sinh nào dám kêu nài,*

*Tủi khi tống cựu nghênh tận, chữ «bồn  
nhật», (6) thiệt là khắc-khổ.*

*Ôi thoi thoi ! Sĩ chỉ tùy thời, hành tàng (7)  
tùy ngó.*

(1) Ông Công là ông Vương-tử-Đại, Thượng-tho Bộ công.

(2) Cù Võ-hiền Nguyễn Hữu-Bài, Thượng-tho Bộ Lại.

(3) Năm tước là : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

(4) Phuộc-Môn : Nguyễn-hữu-Bài

(5) Ông Thái-văn-Toản, Thượng-tho Bộ Hộ, được ở lại.

(6) Bồn nhật : lấy ở câu «dĩ bồn nhật vi thí».

(7) Hành tàng : có khi làm cũng có khi nghỉ.

*Vua đã tha mà Pháp chẳng tha, ta không phụ  
sao người nỡ phụ ?*

*Bước qua năm mới, lối hương cù may khôi  
gác xe,*

*Biết có ngày nay, cửa huyền-võ trước thà  
treo mũ.*

*Ngoài ngán thay trên hàng Hiệp-quy, một chiểu  
một mâm,*

*Thình lình đâu đưa giấy hồi hưu, cả đoàn  
cả lũ.*

*Hẹn phải ba ngày bái mạng, già mai hòe mà  
vui vơi cúc tùng.*

*Đành theo một lối hồi hương, ta khanh-sĩ đê  
choi cùng thân cõ.*

*Ý thường chơi một hội, áo mũ kia đã khác  
tích thời.*

*Lương đồng thiểu chi người, nhà cửa đòi giao  
cho tân chủ.*

*Đất cũ đãi người mới, cuộc tang-thương sao  
khéo đòi dời ?*

*Ăn lâu chầu no, ăn sơn-hải nặng chưa báo bồ.*

*Rủi mà đặng sống lâu ra lão, miệng sau lưng  
nhiều tiếng khó nghe.*

*May cũng cho chết trẻ khỏe ma, khôi trong  
bung bao giờ cho đủ.*

*Tuyết trắng đã thay mái tóc, bồng con thơ mà  
giốn cho khuây.*

*Hoa tàn còn đượm mùi hương, dạo vườn cù  
thứ chơi cũng thú.*

*Nhờ ơn nước gấp khi tiệc lớn, năm vài lần  
quen miếng thịt xưa.*

*Tinh bạc hưu xơi số bồng to, tháng trăm trứ  
còn màu mỡ đó.*

*Cụ thì dạo chơi sơn thủy, ra Bắc vào Nam (1).*

*Cụ thì trở lại hương quan, quê cha đất tổ (2).*

*Cụ thì lo thực nghiệp, tìm nơi canh khẩn, chơi  
với người dã lão diền phu (3),*

*Cụ thì nuôi phồn hoa, ăn bóng kinh-đô, chịu  
làm kẻ kiều cư khách ngũ(4).*

*Tranh tạo-hóa hãy còn treo đó, vẻ phù-vân đủ  
sắc trăng xanh.*

*Trường diển ca đã hết lớp rồi, mặt khôi-lối  
thay màu đen đỏ.*

*May trước đã dắt dù con rể, khiến đưa bơi  
mà nối nghiệp nhà.*

*Mừng nay cho thong thả tháng ngày, nâng tiệc  
hạc cảng lên cõi thơ.*

*Ni sắp tới quan trường chính đốn, nhỏ thì lo,  
lớn thì giữ phép, cải lương cho là gánh Khanh-phu.*

*Rày khác xưa chính-trị sửa sang, trên vì nước  
dưới cũng vì dân, lâu dài được nhờ ơn Bảo-Hộ.*

*Nay chép mấy vần,*

*Đưa mừng các Cụ.*

*Ô hô, thượng hưởng.*

(1) Cụ Vương-tử Đại quê ở Bắc.

(2) Cụ Võ-Liêm người làng Thần-phù (Thừa-Thiên).

(3) Cụ Nguyễn-hữu-Bài, có đồn-diền ở làng Phước-Môn.

(4) Cụ Phạm-Liệu có mua nhà ở trong thành nội Huế.

## CHẦU HOÀNG-ĐẾ

Dưới triều-đại của một ông vua nhà Nguyễn, trừ những lúc vua đi săn bắn, thỉnh thoảng một tuần lễ đôi ba lần, vua cho vời các cụ Thượng vào trong Đại-nội để chầu bài, từ sau bữa ăn tối cho đến nửa đêm. Thường thường, thì vua hay được, vì Ngài chơi rất cao, mà các cụ thì hay thua.

Tuy nhiên, nếu việc vào Nội chầu bài Hoàng-thượng thường bị lỗ vốn, thì cũng có một cái lợi khác bù vào, là đôi khi có cụ mượn cơ vào chầu Hoàng-Đế để dối vợ mà đi ăn mảnh. Sau đây là một câu chuyện khôi hài xảy ra cách đây đã mấy mươi năm, mà ở Cố-đô Huế bây giờ, người ta còn nhắc mãi mỗi khi nói đến việc đàn ông có vợ đi ăn vụng.

Sở là khi còn ở người Bắc, cụ Thượng nọ

có đến bốn vợ, nhưng từ khi cụ vào Huế trọng nhậm chức thương-thơ, thì chỉ có bà Ba (vợ thứ ba) là sủng-ái đi theo ở với cụ mà thôi. Bà Ba có tánh ghen kinh khủng mà cụ thi lại hay cả nề bà ấy (vì bà là mối tình đầu của cụ), thành thử không có bà vợ nào khác của cụ dám công khai từ Bắc vào Huế ăn ở với cụ, dù chỉ trong vài ba hôm chăng nữa.

Vợ thứ bốn của cụ ở ngoài Bắc, gọi là « cô Tư », có nhan-sắc mặn mà, lại đang hờ hờ mười chín cái xuân, nên lâu lâu cụ cũng muốn đổi bữa, bí mật cho triệu cô ấy vào Huế, đem giấu trong một phòng ngủ ở khách-sạn Morin, để cụ tiện bề đi lại kín đáo. Cần thận hơn nữa, cụ thường thuê xe kéo ngoài đường để đi đến Morin, chứ không dùng công-xa, sợ lộ bí-mật.

Một hôm, vào khoảng 12 giờ đêm, cụ ở phòng cô Tư ra về, gọi xe kéo đưa cụ về tư-thất. Khi xe đến nơi, cụ xuống xe móc túi ra trả tiền công cho phu xe một cắc (tức một hào). Anh phu xe bèn cự nự :

— «Đêm hôm khuya khoắt, tôi kéo chủ từ bên Morin qua đây mà chủ chỉ trả có một cắc thôi à ? xin chủ cho hai cắc».

Anh phu xe đâu có biết người mình vừa chở trên xe chính là một đương-kim thương-thơ của Nam-Triều, nên mới vòi vĩnh và xưng hô như thế.

Sau khi chi thêm một cắc nữa, cụ rón rén

đi vào tư-thất, thay áo quần ngủ xong, sẽ se toan leo lên giường, thì bà Ba đang nằm trên đó bỗng vùng phắt dậy, túm lấy áo cụ mà hỏi dồn dập :

— « Ông đi đâu từ đầu hôm đến bây giờ mới về? Ông nói thật cho tôi nghe thử nào! Ông đi với con đĩ nào, thì nói ngay đi, đừng có hòng mà giấu tôi, nghe không? Ông là đồ đẽu, Ông đi ăn mảnh tưởng tôi không biết à? »

— « Minh làm gì mà dữ vậy? Minh buông tôi ra đã nào, rồi tôi nói cho mà nghe: Thì cũng như mọi hôm, tôi vào chầu Hoàng-Đế, chứ có đi ở đâu đâu! Minh đừng có nghi bậy mà tội chết! »

— « Đã sờ sờ ra rứa mà ông còn dám chối leo léo à? »

Rồi bà Ba vừa véo Cụ vào cách tay, vừa nói gần như là la trong uất hận nghẹn ngào:

— « Nghi bậy nè! Chầu Hoàng-Đế nè! Ông đi chầu con Tư bên Morin thì có! »

— « Nói bậy nà! Minh căn cứ vào đâu mà nói nhảm nhí như vậy? Bằng chứng đâu? »

— « Bằng chứng à! Thì ban nãy ông đi xe kéo từ Morin về đây, trả cho phu xe một cắc, nó không chịu, ông phải xùy thêm cho nó một cắc nữa. Đó là bằng chứng, ông còn chối nữa thôi? »

Cụ Thượng đành chịu thua, không dám nói gì nữa, chỉ túm tím cười, rồi lẹt lẹt như rắn mồng năm, trèo lên giường nằm im chịu trận, mặc cho

bà Ba vừa khóc thút thít vừa càu nhau suốt đêm bên tai cụ...

Về sau, người ta được biết rằng « bí mật » của cụ đã bị bà Ba khám phá ra bằng cách sau đây :

Thường thường, thì hàng tuần, cụ Thượng vào Nội chầu Hoàng-đế vài ba lần. Nhưng có một dạo, cụ đi chầu Hoàng-đế hơi nhiều, không phải vài ba lần mà đến bốn năm lần liên tiếp mỗi tuần, khiến cho bà Ba sanh nghi. Bà liền cho người tin cần đi dò xét, thì được biết cụ Ông đã đến ân ái với cô Tư ở khách-sạn Morin phía bên kia cầu Trường-tiền, nhưng bà Ba chưa vội tỏ thái độ, chờ năm đủ bằng-chứng để cho cụ Ông hết đường chối cãi.

Rồi một hôm, sau bữa cơm tối, cụ Ông ra đi, nói là đi «chầu Hoàng-đế», bà Ba vẫn tỏ ra bình tĩnh và vui vẻ như thường. Nhưng đến khuya, bà lén ra đứng núp ở bụi dâm bụt phía trong cổng, chờ cụ Ông về. Một lát sau, một cái xe kéo lù lù chạy đến và đỗ cụ ông xuống vệ đường. Sau khi nghe rõ anh phu xe vội thêm tiền công, bà đã nắm đủ bằng-chứng việc đi ăn mảnh của chồng, liền chạy nhanh vào nhà, leo lên gường nằm im giả vờ ngủ, như không có chuyện gì xảy ra, cho đến khi cụ ông sắp sửa lên giường, thì bà ngồi phắt dậy, đè lộ nguyên hình « sư-tử Hà-Đông » như chúng ta đã biết.

Về sau, nhơn biết được câu chuyện kể trên,

một thi-sĩ vô-danh đất Thăng-kinh đã làm mấy câu  
thơ trào lộng sau đây :

« *Ngõ rắng vua gọi vào hầu,  
Ai dè Cụ Lớn đi «chầu» cô Tư.  
Đường đường một đảng Thương-Thứ,  
Là đà cũng khoái «đóng cù» như ai.  
Của ngon chẳng nỡ dè hoài!* »

Và từ đó, tại Đế-đô Huế, người ta thường  
dùng danh-từ « *Chầu - Hoàng - Đế* » để ám chỉ  
việc các đảng phu quân dối vợ đi ăn vụng.

## HÃNG TÀU **ĐẠI - DƯƠNG**

35 Phú-Kiệt — Lầu I SAIGON

Điện-Thoại : 90.079

# **TÔ HỢP TRUNG - VIỆT MỸ CỐC**

34 *Khải-Định — ĐÀ-NẴNG*

---

## **Hàng BẢO-VÂN**

- GARAGE, PHỤ TÙNG XE HƠI
- ĐẠI LÝ HÀNG **SHELL**

SỐ 100 NGUYỄN TRI PHƯƠNG

**ĐÀ NẴNG**

## NHƯ DÂY BUỘC MÌNH

Không rõ ở các nước khác như thế nào, chứ ở Việt-Nam, người đàn ông lấy hai vợ thường gặp nhiều rắc rối trong gia-đình vì cảnh ghen tuông. Chả thế mà tục-ngữ Việt-Nam có câu :

«Nhà rường mà lợp tranh mây,  
Thân anh hai vợ như dây buộc mình.»

Ông Ái-Liên Nguyễn-Đề (1891-1946-Nghệ-An), trong lúc làm quan ở Huế, đã tưởng rằng mình tránh được cái cảnh ghen tuông khi lấy hai chị em ruột làm vợ, và cái cảnh bộ ba chung sống êm ấm dưới một mái nhà đã cho phép ông ấy đề cao hạnh-phúc của mình bằng bài thơ nhan đề là :

### EM LẤY CHỒNG CHUNG VỚI CHỊ

Đi đâu lang xao nữa rồi ra,  
Em nhỏ thì cõi, chị lớn bà,

*Xẻ ngọt chia bùi con ấy cháu,  
Quạt nồng ấp lạnh dương là cha.  
Đời này mấy kẻ chung chăn chung chăn một,  
Ai được như mình dũa có ba.  
Khi sống vui vầy, khi chết khóc,  
Anh a ! Mấy tiếng lại chồng a !*

Nào ngờ, sau một thời-gian chung sống, cái cảnh êm ấm nói trên không còn nữa mà đã nhường chỗ cho cái cảnh ghen thường tình, khiến cho thi-sĩ họ Nguyễn phải thốt ra những lời than thở thật là ray rứt trong bài thơ sau đây :

#### THÂN ANH HAI VỢ

*Dang diu làm chi thiệt đã rầy !  
Thân anh hai vợ rồi như dây.  
Nợ duyên mấy đoạn vay vò bấy !  
Án ái đời dang lận đận thay !  
Chắp nối sợi mảnh nên cắc cớ,  
Vấn vương tơ nguyệt khéo thay lay.  
Trong vòng mắc phải dành khôn dứt,  
Chàng Thúc (1) ngày xưa cũng bó tay !*

Cái sự thật muôn đời ấy đã được cụ Nguyễn-Du, tác-giả «Đoạn-Trường Tân Thanh», nhắc lại, qua cửa miệng của Hoạn-Thư, một người vợ đánh ghen thảm trầm nhất cõi kim, trong hai câu thơ bắt hủ sau đây :

*«Lòng riêng riêng những kinh yêu,  
«Chồng chung chưa dễ ai chịu cho ai».*

---

(1) Chàng Thúc là Thúc-sinh ở tuyeten Kiều của Nguyễn-Du.

## NĂM GỐC CÂY SUNG

Năm 1925, nhà cách - mạng Phan - bội - Châu (1866-1940-Nghệ-An) bị bắt ở Thượng-Hải và giải về Hà-Nội. Cụ bị thực - dân Pháp kết án tử-hình, nhưng được viên Toàn - quyền Varenne ân-xá và đưa về giam lỏng ở Huế. Ở đây, vào những ngày hè nóng bức, Cụ thường hay xuống nằm nghỉ mát dưới gốc cây sung ở gần đầu cầu Bến - ngự, trên một chiếc thuyền con. Nhân thoáng nghe một cô lái đò hét véo von :

«Ăn sung nằm gốc cây sung,

«Lấy anh thì lấy năm chung không năm. »

Cụ cao hứng làm bài thơ sau đây để nói lên tình cảnh nước Việt-Nam lúc bấy giờ, chẳng khác nào một cô gái Việt bị ép duyên với anh chàng lùn

Nhật-Bồm (lúc đó đã có quân lính đỗ bộ lên bán-  
đảo Đông-Dương rồi) :

*« Thời thế xui nên giả vờ chòng,  
Lấy anh chưa dẽ đã nảm chung.  
Ù ! Choi cho nótoi đồng bạc,  
Há dẽ cho ai ném má hồng.  
Cười gượng lắm khi che nửa mặt,  
Khóc thầm vì nổi khát hai lòng.  
Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,  
Thỏa thuận cùng nhau tát bể đồng !*

**ĐẠI-ĐÔNG-Á  
BẢO-HIỂM CÔNG-TY  
(Great Asia Insurance Co)**

Trụ sở trung ương : 40, Hiền-Vương

— SAIGON —

D.T.: 24.176 — 99.923

*Bảo phí nhẹ — Bồi thường mau lẹ*

## bia kỷ - niệm chó

Hồi đó, Cụ Phan - bột - Châu thường bị bọn mạt-thám tay sai của Pháp bao vây canh chừng. Cụ có nuôi một con chó và khôn lầm tên là «ky» mà Cụ rất quý. Khi nó chết, Cụ chôn cất tử tế, lại dựng cho nó một tấm bia trên đó cụ có khắc một bài văn đền kỷ-niệm như sau :

«Người hơi có đức nhân, hơi kém về phẫn tri,  
Người hơi có đức tri, hơi kém về phẫn nhân.  
Vừa tri vừa nhân, thật là ít thấy.

Ai ngờ con Ky này  
Lại đủ hai đức ấy.

Chung nhau chờ một chủ, thời xem nhau  
là anh em, chẳng bao giờ như mèo với chó, thực  
là nhân đó.

Thấy không phải chủ, thời xem bằng cừu thù,  
chẳng bao giờ vì miếng ngon dẫn dụ, thật là tri đó.

*Trí vừa nhân, nhân vừa trí,  
Trông giống sức mà người e, đến mày  
mới thấy.*

*Sao mà vội chết,  
Hối trời, hối trời!  
Lòng ta đau đớn,  
Phải tặc mấy lời.*

*Đau đớn quá, đau đớn quá!*

*Kia những hạng muông người!*

*Vì có dũng nên liều chết phản đấu,*

*Vì có nghĩa nên trung thành với chủ.*

*Nói thời dễ, làm thật khó.*

*Người còn vây huống chi chó!*

*Ôi!*

*Con Vá, mày đủ hai đức đó.*

*Há như ai kia,*

*Mặt người lòng thú,*

*Nghĩ thế mà mà đau!*

*Dụng bia mộ chó. »*

Đọc bài văn trên, chắc ai cũng rõ thâm ý của Cụ Phan nói đến những cái hay của chó để mạt-sát những kẻ lòng người dạ thú, cam tâm làm tay sai cho thực-dân Pháp để đàn áp các nhà ái-quốc Việt-Nam.

## LÀM THƠ SUÝT BỊ TÙ

Dưới thời Pháp thuộc, hòi Cụ Phan-văn-Hy (1890 Quảng - Trị) làm bác-sĩ công ở Bệnh - viện Huế, phương-tiện di-chuyen thông dụng nhất ở đế-kinh là xe kéo, tức là xe hai bánh do người kéo. Thời bấy giờ, hầu hết các quan Tây và quan ta đều dùng thử xe ấy để xê dịch.

Đau đớn trước tình-cảnh nô-lệ của dân ta, Cụ Phan-văn-Hy đã khéo gói ghém tâm-sự của mình trong bài thơ sau đây :

### VỊNH ANH PHU XE KÉO

*Công việc phu xe chẳng khó gì,  
Người đi không nỡ kéo người đi.  
Giả làm tôi mọi cho qua buổi,  
Đánh đỗ quan quyền cũng có khi.*

*Phố xá đua chèn cùng vồng giá,  
Phong trần lem luốc cả tu mi.  
Người ngồi người kéo đều người cǎ,  
Có khác nhau chăng một chữ «thì»!*

Hai câu :

*'Giả làm tôi mọi cho qua buỗi,  
'Đánh đỗ quan quyền cũng có khi.'*

đã nói lên ý chí nhẫn-nhục và quật-cường của dân-tộc ta dưới ách thống-trị của thực-dân Pháp và bọn quan lại thối nát.

Chẳng may cho Cụ, có kẻ muốn dâng công với Pháp, đã đem bài thơ trên mách với trùm mật-thám Tây ở miền Trung thời bấy giờ là Sogny, suýt làm cho Cụ mất chức và tù tội nếu không có kẻ có thể lực bênh vực Cụ.

Mặc dù vậy, Cụ vẫn không chịu chừa bỏ cái tính châm-biếm những kẻ làm tay sai cho Pháp, nên vẫn tiếp tục làm thơ đã kích chúng, nhưng dưới một hình-thức ít lộ liễu hơn. Thí dụ hai bài thơ sau đây :

### HÀM-GIANG VĂNG ĐIẾU

*Trên sông một bầy vịt,  
Dưới sông một bầy vịt.  
Thấy con đại thời nhiều,  
Chớ con khôn thời it.*

*Con thời lội chuí đầm,  
Con thời chạy quắn đít.  
Không biết họ nuối mình,  
Cốt là đè ăn thịt !*

XE LỬA

*To đầm mà chạy thật đà man !  
Chỗ gọi rằng xe chỗ gọi tàu.  
Đi khắp tinh nầy qua tinh nọ.  
Nối liền toa trước với toa sau.  
Nước sôi than nóng không nài khồ.  
Lối vạy đường cong đã thuộc lầu.  
Lui tới đều quyền tài-xế cả,  
Bảo gì làm nấy biết gì đâu !*

DƯỠNG-ĐƯỜNG và BẢO-SANH-VIỆN

**TÊ - IRÉ - XA**

*11-A đường Cao-Thắng — ĐÀ NẴNG*

**Đ T. 20 366**

Nơi đáng tin cậy của các bệnh nhân và sản phụ

Công ty phân bón  
**THẠNH-NÔNG**

Nhập cảng phân bón đủ loại

*Số 21 Quang-Trung — DANANG*

## CÔ GÁI HUẾ

Ai đã từng có dịp tới cố-đô Huế cũng phải công nhận rằng các cô gái Huế có một vẻ đẹp đài các thật quyến rũ, nhất là có một đôi mắt nhung huyền thật trong trẻo, tình tứ và mờ mộng, khiến cho một thi-sĩ, trước cái nhìn của một giai-nhân xứ Huế, đã phải ca tụng đôi mắt người đẹp bằng những vần thơ đắm đuối như sau :

### ĐÔI MẮT

*Đôi mắt gai-nhân thoảng gọn buồn,  
Đây hồ xuân biếc gợi yêu đương,  
Đây lán thu thủy trao thương nhớ.  
Ngát một trời tình tỏa sắc hương.*

H.T.

Sắc đẹp của cô gái Huế đã được bắt-tử-hóa bởi câu phong dao :

«*Học trò trong Quang ra thi,  
Thấy o gái Huế chân di không rời !*»

Gợi ý bởi câu phong-dao trên, nhà thơ Bửu-Kế (1914-Huế) đã thi-vị-hóa cái sắc đẹp ấy bằng bài ca-trù dí dỏm sau đây :

### GÁI HUẾ

#### Mướu

*Học-trò trong Quang ra thi,  
Thấy o gái Huế chân di không rời.  
Chuyện đời ngồi nghiên nực cười,  
Làn môi khéo mắt nhỉn người văn-nhân.*

#### Nói

*Khách hè nhân già,  
Đường công-danh, xa mả rắp đua chen,  
Máy mươi năm nghiên bút sách đèn,  
Thi cử đến cũng một phen ra súc.  
Nào nghiên bút, chông lều, nào của tiền  
lương thực,  
Vượt núi sông nô nức đến kinh kỳ.  
Tưởng rồi đây áo gấm vinh qui,  
Thông kinh sử, lo gì không đỗ đạt.  
Thú thành thi khách còn ngơ ngác,  
Khác nào đâu mường mán lạc về kinh.*

Rõ oái oăm con tạo khéo đa tình,  
 Xui có gái Huế, chàng thư-sinh gấp gỡ.  
 Khách bỗng thấy tâm hồn rạng rõ,  
 Chân muôn đi ngờ ngờ bước không dành.  
 Ai nỡ nào hờ hững với gái Kinh-thành,  
 Thân tha thưốt, xinh hơn cành liễu yếu.  
 Mắt mơ mộng như dòng sông Hương trong trẻo,  
 Làn môi son như cợt ghẹo kẽ ráu mày.  
 Khách thấy mình không thuốc mà say,  
 Cơn sóng sắc môi hay là thê thê.  
 Chân ài gặp ghènh chầm bẻ quẽ,  
 Thành Xuân vương vút muôn vิน hoa.  
 Thời vũng đào, thời lòng tía, thời áo gấm,  
  thời thê ngà,  
 Bao thíc ấy há ăn qua nhan-sắc ấy.  
 Lều với chồng xếp ngay vào xó vây,  
 Đường công-danh khách đỗi láy đường tình.  
 Phải chẳng duyên nợ ba sinh ?

BƯU-KẾ

**VĂN - PHÒNG MÔI - GIỚI BẢO - HIỂM**

**Bà ĐỖ - THỊ - HIỆP**

*140/6 đường Huỳnh - quang - Tiên*

Phú - Nhuận — GIA - ĐỊNH

**D.T. 44.935**

**LO MỌI THỦ-TỤC BẢO-HIỂM MAU LẸ  
LO VIỆC BỒI THƯỜNG LANH, CHÓNG**

**ĐỒNG - AN - HÃNG**

**THU THÁC HÀNG-HẢI và CHUYÊN BỐC DỠ HÀNG HÓA**

*(188 cũ) 204 mới Bạch - Đàng — ĐÀ NẴNG*

**D.T : 20.264**

**Điện Tín Đồng-An — ĐÀ NẴNG**

**Hộp thư số: 36**

**ĐẠI LÝ CÁC HÃNG TÀU :**

- |                              |               |
|------------------------------|---------------|
| — NAM-VIỆT HÀNG-HAI CÔNG-TY  | <b>SAIGON</b> |
| — HÃNG TÀU VIỆT TẢI          | <b>SAIGON</b> |
| — NAM-QUẠN HÀNG-HẢI CÔNG-TY  | <b>SAIGON</b> |
| — HÃNG NGHIỆP Á-CHÂU CÔNG-TY | <b>SAIGON</b> |
| — HÃNG VISHIPCO LINES        | <b>SAIGON</b> |

## TRÒ ĐEN BẠC

Vào khoảng năm 1931, cô Phan-thị-X, nữ-sinh trường Đồng - Khánh Huế, con gái của một vị đưống-quan Nam-Triều, đồng-dõi cụ Phan-thanh-Giản, có đính hôn với một học-sinh tên là Nguyễn-K. (hiện nay là thạc-sĩ vật-lý-học ở bên kia vỹ-tuyến 17).

Sau khi K. đỗ tú-tài toàn phần, nhà gái bỗn-điền ra cho chú rể tương-lai sang Pháp ăn học. Ai ngờ sau khi thành tài trở về nước, ông tân thạc-sĩ K từ hồn với cô Phan-thị-X để cưới một người con gái khác đẹp hơn và giàu có hơn.

Đau đớn trước hoàn - cảnh phủ phàng ấy, người thiếu-nữ bị tình-phụ, vốn là thi-sĩ, chỉ còn biết gởi tâm-sự khõ đau của mình vào mấy vần

thơ đề than thân và trách móc con người bội bạc. Do đó, giọng thơ của nàng thật là ray rứt và lâm ly. Chúng ta hãy đọc :

### TRÒ ĐEN BẠC

*Tóc bạc nay đã điểm mái xanh,  
Mười năm đãng dặt đợi chờ anh.  
Nửa rèm phong-nguyệt dõi hàng lè,  
Muôn dặm quan-san một gánh tình.  
Đặng cá ai ngờ quên phúc đó,  
Qua cầu sao nỡ tháo phăng đinh?  
Xưa kia vì biết trò đen bạc,  
Giặc mộng trường xuân ngủ suốt canh!*

Phan-thị-X.

Tiếng thồn thức của lòng nàng đã được cô đọng lại thành những vần thơ thật là trác tuyệt.

## SANH - ĐIẾU

Thường thường người ta làm văn-tế là để  
tế người chết, chứ không ai làm văn-tế để tế  
người còn sống. Thế mà tại Cố-đô Huế, vào mùa  
xuân Tân-Mão 1951, khi cụ Ưng-Binh Thúc-Gia,  
Thượng-thơ hưu-trí, được 75 tuổi, các bạn làng  
thơ đã bày ra lễ điếu sống tiên-sinh, trước là để  
cho bạn bè con cháu đến mừng thọ và sau là để  
cho các thi-bá có dịp trò tài Lý Đồ. Đó là một  
trò chơi tao nhã, có pha một phần nào tinh-chất  
hài-hước, bày cho chúng ta thấy một khía cạnh  
độc đáo của tinh-thần trào-phúng trong thi-ca  
xứ Huế.

Cụ Ưng-Binh Thúc-gia là một thi-ông nức  
tiếng của làng Nho nước nhà, đã được các bạn  
làng thơ bầu làm chủ-sứy «Hương - Bình Thi-xã»  
trong một thời-gian khá lâu cho đến ngày cụ

mất (4.4.1961). Cụ là con cụ Hiệp-tá Tiều-Thảo Hồng-Thiết, cháu nội đức-ông Tuy-lý-Vương (một đại-thi-hào Việt-Nam, tác-giả bộ Vỹ-dạ Hợp-tập).

Về lẽ sanh-điểu nói trên, cụ Phù-giang Phan-thế-Roanh, trong bài «Tiều-sử của cụ Ưng-Bình Thúc-Gia» đăng trong tập thơ «Đời Thúc-Gia» (thơ của Thúc-Gia), xuất bản năm 1961, đã ghi lại những chi-tiết khá lý thú như sau :

«Nhận trong một cuộc hội-ngâm (của Thi-xã Hương-Bình), có mấy vị đã nhắc tới những bài điểu-văn tuyệt tác, Tiên-sinh (cụ Thúc-gia) nhận thấy rằng các bạn già nên được phúng ngay từ khi còn sống mới thường-thức được văn hay. Thế là chỉ dăm ngày sau, Tiên-sinh bắt đầu nhận được những bài thi-văn sanh-điểu của các thi-hữu xa gần, và cả của nhiều người mà Tiên-sinh chưa từng quen biết. Rồi một hôm, cách đó hơn ba tuần, bạn bè các nơi tấp nập đến viếng Tiên-sinh. Lúc bấy giờ, tại hưu-đình Lộc-minh (nơi hưu-dưỡng của Tiên-sinh thường dùng làm chỗ hội-ngâm của Thi-xã), la liệt đống trướng treo kín mấy bức tường, ngòn ngang giấy tờ bày trên mặt án, xanh đỏ xen nhau, nào văn-tế, nào câu đối, nào thơ, nào ca-trù, nào ca Huế, nào hò mái-nhì, lời vui hơn Tết. Tận đàng xa, đã nhìn thấy trướng dặng kết thái, lại vắng nghe thấy tiếng rộ cười, xen lẫn với tiếng ngâm đọc du-duong, tiếng đàn ca thanh thót.

«Bài văn-tế và đôi câu đối sau đây là của

cụ Nguyễn-khoa-Vy, do ông được-sĩ Nguyễn-văn-Lộc quỳ đọc mừng Tiên - sinh trong dịp lễ sanh-diễn :

«Ai ơi !

*Nhân dục vô nhai,  
Thiên-cơ mặc liệu.*

*Vẫn biết sống già mệt xác, trăm người cũng  
muốn sống dai. Tuy rằng chết trẻ khỏe ma, mấy  
kẻ mà ưng chết yêu.*

*Kinh duy Tiên-sinh :*

*Mến cảnh diền-viên,  
Nặng tình lăng-miếu,  
Niên-xỉ tuy cao,  
Tinh-thần chẳng yếu,*

*Làm thi-ca đầy đủ tinh-tinh,  
Đặt tuồng vẫn dành rành âm-diệu.*

*Trước xuất-sĩ vô tòa Bảo-hộ, đậu cử-nhan  
qua chúc Nam-trieu,*

*Sau hồi hưu thay mặt nhân-dân, làm Việt-  
trưởng nên tài Đại-biều,*

*Hay dè đặt lời ăn tiếng nói, vẫn không ngong  
bởi xôi chùa,*

*Cử thẳng ngay nước bước đường đi, nào có  
oam như tre miếu.*

*Bá bão tĩnh làm quan thanh bạch, vàng thoι  
bạc nén không dư,*

*Mấy mươi năm vui thú giang-hồ, gió mát trăng  
thanh chẳng thiểu.*

*Có ngôi mạng-phụ, đã lo âu giữ mối cầm giurong,*

*Thêm vị tiêu-tinh, lại săn sóc quạt màn  
sửa chiếu.*

*Trai khôn lớn Bửu-Tường, Bửu-Bá, cũng tài  
ba săn tánh thông minh. Gái ngây thơ Hỷ-Thọ,  
Hỷ-Khương, đủ công-hạnh có bè yêu-diệu.*

*Tiêu-thảo đình cảnh cũ, thêm tươi màu ngọc-  
diệp kim-chi, Tuy-lý Phủ gương xưa, thường to  
về thẳn trung tử hiếu.*

*Quận-triều trọng-vọng, đã là ông chức tước  
cao cao,*

*Sơn-thủy nhàn-du, lại có vẻ thẳn-tiên tiều tiều.*

*Hôm nay :*

*Gặp tiết xuân quang,*

*Lễ bày sanh diệu.*

*Rượu trà có săn đầy ve,*

*Trường liên treo lên đủ kiều.*

*Kẻ câu thi, người câu đói, văn-chương khác  
thè gấm thêu,*

*Kia sắc đỏ, nọ sắc xanh, phên vách nhuốm  
màu vóc nhiều.*

*Bạn bè lui tới, nghe ngâm nga nào có  
nghe than,*

*Con cháu vô ra, thấy vui vẻ mà không  
thấy mếu.*

*Bàn bàn tiệc tiệc, ngọt ngào hương rượu cúc  
trà sen,*

*Hát hát ca ca, tươi tốt sắc má đào mà liễu.*

*Khi sống thử làm khi chết, cụ ưng chơi mà  
họ chẳng dám chơi,*

*Chuyện buồn đêm diễn chuyện vui, mình  
tưởng giễu mà ai cho là giễu.*

*Ba vạn sáu ngàn ngày có mấy, dẫu hèn dẫu  
quý, đò am-dương một chuyến phải qua.*

*Một trăm hai chục tuổi là ai, nào dài nào  
khôn, lẽ Tao-hóa mười phần đã hiểu.*

*Gặp gỡ nay đã dù mặt, chén kim bồi rượu  
tho chúc mừng,*

*Dở hay chi cũng tiếng mình, bài văn-té món  
quà xin biếu.*

*Phục duy phủ giám.*

### CÂU ĐỐI :

« *Cô Huệ, cô Na, đương học vở kép đào,  
họ quyết yêu cầu thay ở lại.*

« *Ông Lý, ông Đỗ, dẫu ngira nghè ngâm vịnh,  
ai cho nghinh tiếp cụ về chơi.* »

« Một thi-sĩ vô-danh đã có bài thơ viếng  
như sau :

*Tuổi bảy mươi lăm, Phật ở đời,  
Vui khi còn sống điều mà chơi.*

*Con dâng lễ cúng, hầu ban chuyện,  
Bạn viết văn ai, đến chọc cười.*

*Xót mắt bụi trần, chưa nỡ nhảm,  
Nóng lòng vận nước để chờ coi.*

*Hoàng-gia nguyên-lão còn không mấy,  
Dưới đất vẫn-chương nõ thiêng người.*

«Cụ Tống-nguyên Nguyễn-hữu-Hậu cũng có bài ca-trù viếng như sau :

*Phù-sinh nhược mộng,  
Ai sống đây mà điếu sống ai đây ?  
Phải chăng người tri-kỷ xưa nay,  
Là thi-bá tiếng thầy Thúc-Gia-Thị.  
Tao-dàn săn nếp nhà Tuy-Lý,  
Hoạn-bộ dừng chân bước Thương-tho.  
Vé người trang-nhã dẽ ưa,  
Khi chén rượu lúc câu thơ tình-tình đủ.  
Văn thái phong-lưu nhân bắt hủ,  
Với Hương-Bình còn lầm thú thanh-cao,  
Gió trăng ngày tháng tiêu-dao.*

«Tiên - sinh có tạ lại các bạn làng thơ bằng bài ca-trù sau đây :

*Xuân phong vô dạng,  
Mình còn đây mà liền điếu bạn đi đây:  
Xanh xanh đỏ đỏ chưng đây,  
Hàng Nhựt có, hàng Âu-Tây cũng có.  
Ngâm-luật ngôn ngôn giai cầm-tú,  
Ca-trù tự tự tần chau-ky,  
Những câu ca câu đối lại siêu-kỳ,  
Thiệt chết cũng e khi mừng sống lại.  
Huống thử bạch đầu xuân tự tại,  
Bảy mươi lăm xuân hãy còn xuân,  
Ngỏ lời tạ đắng vắn-nhân.*

## TIỆC CỬU TUẦN THƯỢNG-THỌ

Một ngày vào khoảng năm 1964, cụ Thảo-am Nguyễn-khoa-Vy (sinh năm 1881 tại làng An-cựu Huế), mở tiệc ăn mừng thương thọ 90 tuổi tuy vào lúc đó, cụ chỉ 83 tuổi thôi. Vì cụ có chân trong « Hương-Bình Thi-xã », nên các bạn bè Thi-xã đến dự tiệc rất đông. Ai nấy đều có một bài thơ để mừng cụ. Riêng thi-hữu Văn-am Nguyễn-bá-Nhiệm thì làm một bài ca-trù khá hài hước như sau :

### MUỖU

*Tuổi tròn mới tám mươi ba,  
Còn nhiều nợ lầm, sao đà thác cho;*

Nợ Xã-tắc (1), nợ giang-hồ, (2)  
 Nợ cõ bán rượu, nợ o lái đò.

## NÓI

Cứu tuần thương-lhợ,  
 Trước bảy năm, gọi có tiệc tùng chơi.  
 Vẫn còn đang vui sống dẻo dai,  
 Nợ trần-tục, trót vay ai — áu phải trả.  
 Mô Phật! Cừng ưng thành chánh-quả,  
 Yêu đời, còn muốn ngắm danh-hoa.  
 Trâu tuy tra, sừng vẫn chưa tra,  
 Nặng chén lhợ lán la cùng tuổi trẻ.  
 Phú quý, công danh là bánh vẽ,  
 Cứ vui lên cho trẻ lại cái thân già.  
 Trăm năm còn có bao xa...

## VÂN AM

- 
- (1) Cụ Thảo-am có một người nhân-tình ở trên Xã-tắc trong Thành-nội Huế.  
 (2) Cụ Thảo-am nguyên là một khách quen của các đò đoc trên sông Hương.

## CÁM TREO HEO NHỊN ĐÓI

Năm 1948, ông Bạch - văn - T., một sĩ - quan quan-thuế phục vụ tại tỉnh Thanh - hóa, đã cưới vợ trong một trường-hợp khá hy-hữu như sau :

Nguyên năm 1946, lúc ông T. còn ở Hà nội, gia-đình ông ở cạnh gia-đình nhà gái ở phố hàng Bông, nhưng hai bên không quen biết nhau. Đến khi cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ ở Hà-nội (19-12-1946), cả hai bên đều chạy loạn mỗi bên một nơi, cho đến năm 1948, thì cùng tản-cư về Cầu-Bồ (Thanh-hóa).

Gia-đình nhà gái có hai cô rất xinh vừa đến tuổi cặp kẽ. Ông T. hỏi cưới cô chị, nhà gái đã băng lòng, nhưng chẳng may, trong lúc chờ cưới, cô ấy bị tử-nạn xuồng máy trong một chuyến đi buôn ở Cầu-Yên (Ninh - Bình). Sau đó một thời gian, ông T. lại ngỏ ý muốn cưới cô em, nhà

gái cũng chấp thuận, nhưng với một điều-kiện : cưới thì cho cưới, nhưng việc động-phòng hoa-chúc phải hoãn lại... qua năm sau, viện cớ trong năm đã có gả đi người chị cả rồi (tục ngoài Bắc kiêng gả chồng hai người con gái cùng trong một năm). Muốn được vợ, ông T. đành phải chịu vậy.

Thế là, sau khi đã chọn được ngày lành tháng tốt, đám cưới của ông T. được cử hành đơn giản trong hoàn-cảnh tản cư, — một đám cưới mà người Tây-phương gọi là « *bạch hồn* » (*mariage blanc*).

Ông Hương-Thủy, một nhà thơ trào-phùng của miền sông Hương núi Ngự, lúc đó cũng có mặt ở Thanh-hóa, nhân được mời dự tiệc cưới, đã sáng-tác bài thơ hài-hước sau đây, để tặng cô dâu chú rể :

### NÔN NAO

*Vừa mới quen nhau đã mến nhau,  
Bấy lâu hờ hững bởi vì đâu?  
Người xưa trót nói : « Trâu tìm cọc »,  
Duyên nợ ba-sinh lợ phải cầu !*

*Còn nhớ năm xưa ở cạnh nhau,  
Ở gần nhung lại hóa ra xa,  
Vì chung ô-thuốc bắt cầu muộn,  
Suốt dài Ngân-hà vắng néo qua.*

*Lửa hồng từ đây cõi Thăng-Long,  
Lưu lạc phương xa biệt bóng hồng,  
Ai biết ngày nay gần gũi lại,  
Xích-thăng chắp buộc bờn như không.*

*Ô - thưởc đêm nay chực bắc cầu,  
Cầu kia chưa bắc bởi nơi đâu ?  
Ngưu-lang chắc hẳn «nôn nao» lắm,  
Chúc-nữ năm sau mới gật đầu !*

*«Cám treo heo nhện» khô chưa tè !  
Phong-tục gì đâu ác độc ghê !  
Nỡ bắt hoa xuân phong kin nhụy,  
Để cho con bướm khó di vè !*

Hương-Thủy

# **NGUYỄN - VĂN - THIẾP**

**Đại-lý hàng hải, vận chuyển  
và khai quan-thuế**

*34 Khải-Định — ĐÀ NẴNG*

**THUỶ BỘ VẬN-TÀI**

**VIỆT - HƯNG**

**SAIGON — TÂM-KỲ — ĐÀ NẴNG — HUẾ — QUẢNG-TRỊ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC**

**TÂM-KỲ : 437 Phan-châu-Trinh**

**ĐÀ NẴNG : 4 Thành-Thái**

**HUẾ : 60 Phan-bội-Châu**

**QUẢNG-TRỊ : 20 Quang-Trung**

*25 Không-Tử 25  
CHOLON*

**D.T. 36.505**

## THUYỀN-QUYÊN TRUNG BỘ

Vào khoảng năm 1947, một vụ bắt thuốc phiện lậu ở Thanh-Hóa đã làm chấn động dư-luận cả Liên-Khu IV (bên kia vĩ-tuyến 17). Thủ-phạm là một thiếu-phụ người Huế có nhan-sắc, tản-cư tại Cầu-Bồ (Thanh-Hóa). Người bị liên can là một viên chức cao cấp của Nha Quan-Thuế Trung-Bộ. Người tồ-chức sập bẫy là một tay gián-diệp khét tiếng, lúc bấy giờ làm Trưởng-Ty Công-An Thanh-Hóa.

Vì địa-vị khá nổi bật của những người có dính dấp đến nội vụ, nên một ký-giả (cũng là người Huế) đã tháp-tùng phái-doàn Quan-Thuế Trung-Bộ đi dự phiên tòa lưu-động thiết lập ở Phủ Thọ-Xuân, và đã ghi lại những mẩu chuyện sau đây :

Khi phái-doàn đi ngang qua trại giam tù-nhân,

thì bỗng nghe tiếng đàn bà ngâm thơ giọng Huế  
rất là truyền cảm, từ trong trại vọng ra :

«*Tôi biết đời tôi thất vọng nhiều !  
Biết ai trao gởi mối tình yêu ?  
Con thuyền lục bến không tay lái,  
Lờ lững trôi theo ngọn gió chiều !»*

Rất đỗi ngạc nhiên về lời thơ và giọng ngâm  
thơ của một người đồng hương, chàng ký-giả bèn  
tò mò vào tận trại giam để hỏi thăm cho biết  
ngọn nguồn, thì được một nhân - viên ở đấy kẽ  
lại rằng :

«Người ngâm thơ chính là thủ-phạm trong vụ  
thuốc phiện Đó là một người đẹp của miền sông  
Hương núi Ngự, chẳng những biết làm thơ, ngâm  
thơ, mà còn biết gảy đàn và ca hát nữa. Ngón  
đàn thập-lục và giọng ca Nam-ai, Nam-bình của  
nàng đã làm say đắm nhiều khuôn mặt lớn trong  
tỉnh. Ông cao cấp Quan-Thuế bị liên lụy trong  
vụ này và ông Trưởng-Ty Công-an Thanh-Hóa,  
kẻ trước người sau, đều là tình - nhân của nàng,  
và chính ông Công-an đã mượn tay của nàng để  
bạ độc thủ tình-địch.

«Thật vậy, theo biên-bản của Quan-Thuế mà  
nàng đã ký tên xác nhận, thì số thuốc phiện lậu  
bắt được ở nàng là hai ký, nhưng khi nội vụ đưa  
qua Công-an, thì nàng phản cung và quả quyết  
số thuốc phiện Quan-Thuế sai-áp là bốn ký. Do  
đó, ông cao cấp Quan - Thuế và hai nhân - viên

dưới quyền đều bị ghép vào tội «biền-thủ tang-vật sai-áp.»

Nghé xong câu chuyện trên nhà ký-giả, vốn là thi-sĩ, bèn cảm hứng họa lại bốn câu thơ từ trong ngực vọng ra :

*'Rằng bốn, rằng hai, tội đã nhiều !  
Đề ai liên lụy cũng vì yêu.  
Chút tình sau trước khôn tròn vẹn,  
Được bạn hôm mai, phụ bạn chiều !'*

Trong phiên tòa hôm đó, người ta lấy làm ngạc nhiên khi nghe tòa tuyên án tha bổng nữ can-phạm tàng trữ thuốc phiện, và xử phạt ba ông cao cấp Quan-Thuế mỗi ông năm năm khổ sai, mặc dù không đủ yếu-tố phạm-pháp.

Điều đáng ghi là trong khi biện-hộ cho thân-chủ trước phiên tòa, luật-sư danh tiếng Nguyễn-mạnh-Tường đã châm-biếm gọi nữ-can-phạm là «Thuyền-quyên Trung-Bộ» và mấy viên chức cao cấp hanh-tiến là «Anh-hùng mới».

Sau đó, một sự ngạc-nhiên khác dành riêng cho nhà ký-giả là chiều hôm đó, trên đường về Cầu-Bồ, nhà ký-giả bắt gặp giai-nhân tài-hoa và ông Hội-thầm xử án nàng lúc sáng, ngồi chung trên một chiếc xe kéo, có vẻ rất là thân mật. Thị ra, nhơn vụ án này, người đẹp đã bắt được một nhân-tình mới thuộc giới quan Tòa.

Gọi hứng bởi các sự việc trên, chàng ký-giả

thi-sĩ lại ngâm mấy câu thơ trào-lộng sau đây :

« *Vẫn biết rằng cô tôi có nhiều,  
Nhưng ai «mặt sắt» cũng lòng yêu.  
«Thuyền-quyên Trung-Bộ», «anh-hùng mới »,  
Vết cũ xe đưa lại một chiều.* »

Thế mới biết «Sắc bất ba đào dị nịch nhân»,  
cho nên «anh-hùng mới» phải bị lụy vì «Thuyền-quyên Trung-Bộ».

## MỘT TRÒ CHƠI LÝ THÚ

Do một người bạn thơ giới thiệu, thi-sĩ Hương-Thủy (1911-Thừa-thiên), một dạo, đã giao thiệp bằng thi-văn với một nữ-sĩ có cái biệt hiệu độc đáo là «Trà-Giang Vệ-nữ». Hai bên thường trao đổi với nhau những bài thơ mà họ đã sáng-tác về một đề-tài chung, nhưng chưa khi nào họ có dịp đối diện nhau vì ở khác tỉnh. Tuy nhiên, người bạn nói trên có cho ông Hương-Thủy hay rằng «Trà-giang Vệ-nữ» là một cô con gái trẻ đẹp, còn độc-thân và có một thân hình rất hấp-dẫn như cái biệt hiệu «Vệ-nữ» đã nói lên.

Kè ra, cái trò «chơi thơ» giữa đôi nam nữ là một trò chơi lý thú, thanh - nhã và vô hại, nhưng không phải là không có phần nguy-hiểm, vì dần dà cái trò chơi vô hại ấy có thể dẫn dắt đến những trò chơi khác .. hấp dẫn

hơn mà hậu quả khó có thể lường trước được.

Sau một thời gian trao đổi thi văn, Ông Hương-Thủy bèn nảy ra ý muốn tỏ tình với cô nữ sĩ, dĩ nhiên là bằng một bài thơ.

Phải nhìn nhận rằng việc làm ấy có phần tênhị, vì phải làm thế nào để một mặt, đừng tỏ ra là sô sảng và mặt khác, để cho người nhận thơ có thể rung cảm với mình. Khó thật!

Ông Hương-Thủy đã giải quyết các khó khăn ấy như thế nào! Chúng ta hãy đọc bài thơ tỏ tình sau đây của ông, nhanh-de là:

### CÂM HOÀI

*Mây buồn giăng mắc kéo lê thê,  
Chợt gió thu đưa cánh nhạn về  
Trao chút hương trình tình viễn xứ.  
Men nồng chưa ngấm đã đê mê.*

*Ngâm mảnh hoa tiên tưởng dáng người  
Đầu không Nhược-Thủy cũng Bồng-Lai.  
Tú thơ kiều diễm văn kiều diễm,  
Chữ gấm lời hoa đáo mong tươi.*

*Ai tưởng ai mà ai ngóng ai?  
Vẫn vương thêm bạn mối ly-hoại.  
Đường đời hai ngả không mong gấp,  
Giấc mộng Lam-Kiều ảo ảnh thôi!*

*Mượn mây vẫn thơ giải nỗi lòng,  
Gièo vào tâm khám chút hoài mong.*

*Đã trong thanh-khi đồng tương ứng,  
Chia sẻ cùng nhau mối cảm thông.*

Rồi sau đó ít lâu, ông Hương-Thủy lại tẩn công bằng một bài thơ thứ hai trong đó ông đã kín đáo gợi tình cô nữ-sĩ bằng cách kề lại một giấc mộng yêu-đương của mình trên sông Trà-Khúc vào một đêm trăng tỏ. Bài thơ ấy có nhan đề là :

### MỘNG DƯỚI TRĂNG

*Trầy thuyền sông lạ một đêm mơ,  
Mặt nước Trà-giang phẳng lặng tờ.  
Trăng sáng mông lung huyền ảo quá !  
Lòng đơn giá lạnh cũng say thơ.*

*Sóng nhỏ lăn tăn rờn rợn thuyền,  
Ru hồn du-tử giấc cô miên.  
Trong mơ chợt thấy rèm hoa động :  
Hiền hiện bên mình, ôi, Giáng-Tiên !*

*Da ngọc ngà phô mơn mởn xuân,  
Đào tơ vừa chớm nụ trăng rằm,  
«Địu thon lưng uốn đường sông núi»,  
Vết-nữ sông Trà hiền hiện thân !*

*Uy-nghi Tình-Ái bước lên ngõi,  
Người đẹp trao duyên mộng thầm rồi.  
Đò bến Yêu-Đương thuyền Hạnh-Phúc,  
Thời-Gian đồng-loa cũng ngừng trôi.*

. . . . .  
*Tiếng đau khẽ động gió lay mành,  
 Tỉnh giấc trông ra cảnh vắng tanh.  
 Bên gối trăng tà soi bóng chiếc,  
 Quanh thuyền sương tỏa trăng mông mênh...*

Không rõ phản ứng của cô nữ-sĩ như thế nào sau khi nhận được hai bài thơ trên, nhưng một hôm, ông Hương-Thủy đã vỡ mộng khi nhận được của người đẹp bốn câu thơ sau đây :

*«Nghe tiếng dù chưa thấy được người,  
 Trầm phẫn đã mến cả mười mười.  
 Muốn lên cung nguyệt thăm chàng Cuội,  
 Chỉ sợ Hằng-Nga chỉ ấy cười».*

Thì ra Trà-Giang Vệ-Nữ đã được biết, có lẽ do ông bạn quý trên kia đưa tin, rằng ông Hương-Thủy đã có vợ rồi !

## NHÀ NGỌC PHUN CHÂU

Trong một cuộc hội-ngâm của «Hương-Bình Thi-Xã», có đông đủ thi-hữu đến dự, thi-xã có mời một nữ-sĩ kiêm ca-sĩ biệt hiệu là Đoan-Phương đến ngâm thơ và ca Nam-ai, Nam-bình để cho buổi hội-ngâm thêm phần hào hứng. Vì mến tài của nữ-sĩ, thi-hữu Văn-am Nguyên-bá-Nhiệm đề-nghị với thi-xã mời nữ-sĩ vào làng và ra đầu-dề thơ hôm đó là :

*«Đoan-Phương nữ-sĩ nhập làng thi»*

(dĩ đẽ vi phá)

Cả làng đều vỗ tay tán thành. Trong các bài thơ được sáng-tác và đọc lên hôm đó, có bài sau đây của thi-hữu Văn-am là được tán thưởng hơn cả :

«Đoan-Phương nữ-sĩ nhập làng thi,  
 Vườn mới thêm hoa (1), thú lạ kỳ !  
 Hương phấn đã nên trang quốc-sắc,  
 Văn-chương nào kém bắc nam-nhi.  
 Cùng nhau nhả ngọc phun châu thủ,  
 Cứ việc rung đùi nảy vể đi !  
 Khao khát từ lâu, nay được gấp,  
 Thôi đừng e lệ, hẹn thùng chi ! »

Khi tiếng ngâm thơ vừa dứt, cả làng đều cười xòa, duy có thi-sĩ Văn-am là nhăn mặt như ăn phải ớt, vì ông bị nữ-sĩ Đoan-Phương giáng cho mấy cái đấm nện thân. Do đó, bài thơ trên được người ta mệnh danh là «thơ bị đấm».

(1) Ám chỉ nữ-sĩ Đoan-Phương trước kia làm hầu cự  
 Tuần H.Q.Đ. do câu thơ :

«Từ nghe vườn mới thêm hoa,  
 Miệng người đã lầm, tin nhà thì không.»

Nguyễn-Du

## NỐI GÓT HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Trong văn - học trào - phúng Việt-Nam, sở dĩ nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương chiếm một địa-vị cao chót vót là nhờ những bài thơ mà trong đó nàng đã dùng hình ảnh của công việc tinh giao để miêu tả bất cứ việc gì mà nàng thích thú. Điều-hình là các bài thơ «Đánh đu», «Đệt cưởi», «Đánh cờ người» mà không ai là không biết.

Nối gót Hồ-xuân-Hương, thi-sĩ Hương - Thủy của miền sông Hương núi Ngự đã sáng-tác ba bài thơ dưới đây để vịnh các «Lão tướng quẩn-vợt» với một dụng ý như trên. Và ông đã thành công một phần nào trong việc ông muốn làm đỗ-de của nữ-sĩ tài danh ấy, bằng chứng là ba thi-phẩm trên đã được ông Vũ-Bằng chọn đăng vào sách «Những cây cười tiền chiến» và trong

giới quần-vợt, nhiều người đã thuộc lòng và đem ra đọc trong các dịp liên hoan.

### VỊNH LÃO TƯỚNG QUẦN-VỢT

#### I

*Càng già càng dẻo lại càng dai,  
Lão tướng ra quần chẳng kém trai :  
Đầu mây hiệp liền không đuối sức,  
Tranh ba ngày tiếp chửa mòn hơi.  
Khi mau, khi chậm, khi mơn ngắn,  
Lúc xuống, lúc lên, lúc thọc dài.  
Gác lại gác qua phô đủ kiều,  
Mòn lồng banh nỉ lão còn chơi.*

#### II

*Mòn lồng banh nỉ lão còn chơi,  
Cân sức cho nên chẳng dám lui.  
Chỗng đỡ gay go trào bọt mép,  
Cò cua dai dẳng toát mồ hôi.  
Chơi trưa chửa phì còn chơi tối,  
Đánh chiếc xem rồi lại đánh đói.  
Phút chốc mưa đâu tuôn xối xả,  
Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.*

#### III

*Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.  
Chốc nữa lau khô lão lại chơi.*

*Biểu-diễn sân quen hay đáo để,  
Nắn dỗi banh mới sướng mê tai.  
Người trên ập xuồng phèu phao thồ,  
Kẻ dưới nâng lên khúc khích cười.  
Đối-thủ gắp nhau mùa nắng cực,  
Quần lầu thầm mệt ngã lăn nhởn.*

Ngoài ra, bài thơ sau đây của Hương - Thủy  
cũng có phong-thái thơ Hồ-xuân-Hương :

### TÂM BIỀN-HỒ (Pleiku)

*Cao hùng đưa nhau tới Biền-Hồ,  
Đè chừng néo cũ tiễn lòn vó :  
Hồ xuân nép dưới hai bồng đảo,  
Cỏ rậm đóm quanh một nấp gò.  
Muốn tắm nước trong tim thú lạ,  
Còn e đáy hầm cầm sao dò.  
Cạn sâu ráy đã đường thông lối,  
Hụp xuồng nhoi lên sướng thấy mồ !*

# **VIỆT - DƯƠNG Công-Ty**

**NHẬP CÀNG 18 NGÀNH — CIMENT — PHÂN BÓN**

*14, Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

**Đ.T. : 20.252**

**Văn phòng liên lạc tại SAIGON :**

**56, PASTEUR — SAIGON — Đ.T. : 94.823**

**VẬN TẢI ĐƯỜNG THUỶ BỘ**

## **ĐÔNG - KINH**

**CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA TỪ SAIGON ĐẾN  
ĐÀNANG, HUẾ, HỘI-AN VÀ TAM-KỲ**

**NƠI THẨU HÀNG** { **18/5 Bến Lê-quang-Liêm CHOLON**  
                          { **285 Độc-Lập — ĐÀNANG**

## MÃ-TƯỚC

Ở Huế, vào lúc trò chơi mã-chược mới du nhập vào cố-đô, phần đông những người trong giới thượng-lưu, lâu nay vẫn chơi «tài-bàn» hay «tô-tôm,» đều dần dần từ bỏ các trò chơi này mà xoay sang chơi «mã-chược», gây nên một phong-trào rất là sôi-nổi. Bắt chước các ông, các bà cũng từ bỏ các trò chơi cổ-hữu của giới mình là «tú-sắc» và «xip» để ngồi lại mà «xoá» với nhau, có khi với cả các ông nữa, nếu thiếu «chân»

Một thi-sĩ vô-danh của đất Thàn - kinh bèn sáng - tác một bài thơ, theo lối Hồ - xuân - Hương, để miêu-tả cái trò chơi mới này một cách khá dí-dỏm như sau :

*Buồi thanh-nhàn trà sau rượu trước,  
Vui anh em mã-tước lại bày ra.*

Ai khéo điểm-tô trong ngọc trăng ngà  
 Cho quân-tử hết xoa rồi lại mồ.  
 Xuân, hạ, thu, đông còn ấp ủ,  
 Mai, lan, cúc, trúc đã kè vai.  
 Ai nhám hòn ai mà nhẵn hòn ai ?  
 Kia bạch-bản với phát-xబi nom cho kỹ.  
 Chỉ mó trúng tui cười đặc ý,  
 Bị tay trên mặt sỉ đồi trâu.  
 Cuộc chửa tàn ai đã chắc đau,  
 Đến gió Bắc mới lên râu ăn với phỗng.  
 Mười ba cõ (1) như thơ như mộng,  
 Hoa dựng lên hoa cẩm cửa mình.  
 Chỉ em xuyên khéo thành phèn !

---

(1) Xập xám dịa (thập tam yêu : Trong trò chơi mă-chược, ù «xập xám dịa» là to nhất.)

## ĐÁ GÀ

Trò chơi đá gà cũng là một trò chơi một  
dạo rất thịnh hành ở cõi-đô, nhất là ở làng An-  
Cựu vào dịp đầu xuân.

Một năm nọ, vào ngày mồng ba Tết, một thi-  
sĩ (không rõ là tên gì) đến nhà vợ chồng một  
người bạn để chúc mừng năm mới, nhưng không  
gặp: người nhà cho hay rằng ông bà đã đi vào  
An-Cựu đá gà từ sáng sớm. Khách bèn để lại  
một tấm danh-thiếp trên đó ông đã ghi lại mấy  
dòng chữ.

Đến tối, vợ chồng ấy về, người nhà trao cho  
tấm danh-thiếp của ông khách. Lật ra xem, thì  
thấy có ghi bài thơ sau đây với lời chúc mừng  
năm mới:

Vui xuân nhầm tiết mồng ba,  
 Ông bà cao hứng bắt gà đá chơi.  
 Gà ông ngỗng cồ gáy hơi,  
 Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.  
 Gà ông chém trúng cạnh mồng,  
 Gà bà nỗi giận ngậm cắn gà ông.  
 Đá nhau một chặp ướt lông,  
 Gà bà trúng cựa, gà ông gục cắn !

Không rõ đêm hôm đó, vợ chồng ấy có cao hứng vì bài thơ trên mà khai xuân bằng một cuộc «đá gà» theo kiều Hồ - xuân - Hương không ? Chỉ biết cuối năm ấy, bà vợ sinh hạ một trai.

## LÀM THƠ BỊ KIỆN

Vào khoảng cuối năm 1961, nhơn đi dự đại-hội của một cơ-quan nọ, thi - sĩ Hương-Thủy đã  
eo-hứng chọn những danh-từ dùng trong hội-nghị ghép lại thành bài thơ trào - lộng sau đây:

### ÂM THẦM

*Nam nữ nhân-viên sở Điện-cơ  
Âm thầm làm việc lặng như tờ.  
Đối bên cởi mở cùng chung sức,  
Kết-quả rồi ra sẽ thắng dư.*

Sau khi bài thơ trên được đăng vào nguyệt-san của cơ - quan, mấy cô xuyên-phiếu-viên Sở Điện-cơ Kế-toán bèn hè nhau làm đơn đệ lên vị Trưởng cơ-quan thưa tác-giả về tội «xuyên-tạc» các cô. Kết quả, tác-giả được cất trên miến-nghi.

Tuy vậy, tác-giả cho rằng dù sao thì mình đã bị thưa túc là có tội, nên đã làm tiếp bài thơ sau đây để «tạ tội» với các người đẹp đài trùng-trí mình :

### NỘP MÌNH CHỊU TỘI

*Làm thơ bị kiện tính sao đây ?  
Lạy cũng không tha thế mới đây !  
Thôi nộp thân già cho các cô  
Luân phiên hành hạ suốt đêm ngày !*

Dĩ nhiên, tác-giả không dám cho đăng tiếp bài thơ trên vào nguyệt-san của cơ-quan nữa (vì sợ các cô làm dữ) mà chỉ truyền khẩu cho bạn bè nghe chơi mà thôi. Tác-giả tưởng rằng đến đây là chấm dứt câu chuyện thơ thẩn rắc rối. Ai dè một số thi-hữu của tác-giả không chịu dừng tại đây mà cứ năng nặc đòi tác-giả phải làm thơ tiếp theo để cho biết «tội nhân» bị các cô xuyên-phiếu-viên «hành hạ» như thế nào và kết-quả ra sao ? Do đó, ông Hương-Thủy lại phải «để» ra thêm ba bài nữa để làm vừa lòng mấy ông bạn khó tính :

*Đưa về giam giữ tại phòng riêng,  
Đao-phủ : mười cô xuyên-phiếu-viên  
Lột áo quần ra để xuống chiếu :  
Mấy cô giữ chặt, một cô «xuyên» !*

Xuyên đêm chưa phỉ lại xuyên ngày,  
Hành hạ thân già khô lâm thay !  
Lúc được tha về đi hết nỗi,  
Ai ai trông thấy cũng chau mày !

Kẽ từ thọ tội đến hôm nay,  
Chín tháng mười ngày bấm đốt tay.  
Mấy viện bảo-sanh thêm bận rộn,  
Điện-cơ xuyên-phieu thiếu người thay !

**CÔNG-TY VĨNH-LỢI**  
**VẬN CHUYỀN HÀNG-HÓA**  
**SAIGON — ĐÀ NẴNG — HUẾ**

**ĐỊA-CHỈ NHẬN HÀNG :**

*Đối diện số nhà 22, đường Lê-quang-Liêm  
CHOLON (tại bến Tàu)*

**ĐÀ NẴNG : số 12 Phạm - phú - Thủ**

*Văn-phòng : 120 Triệu-quang-phục — CHOLON  
(Trường học TÍN - NGHĨA)*

**HÃNG VẬN TÀI THỦY BỘ**

**HUY-HOÀNG**

*88 Lê-quang-Liêm*

**CHOLON**

**Đ.T. 50.558**

*(156 mới) Bạch-Đằng (142 số cũ) — ĐÀ NẴNG*

*241 Phan-châu-Trinh*

**TAM-KỲ**

## KHÔNG CHỒNG

Các cô gái đã lớn tuổi mà chưa có chồng, gọi là «gái lỡ thi», thường là một đề tài để cho các thi-ông ngâm vịnh.

Với đầu-de «Không chồng trong bóng lồng» (lấy đề làm vận), các thi-bá miền sông Hương núi Ngự đã sáng-tác những bài thơ hài-hước như sau :

### KHÔNG CHỒNG TRONG BÓNG LÔNG

Của đời ai có lại ai không ?  
Thưa chí sao em chẳng có chồng !  
Ba bảy qua mai đà quá muộn,  
Mười hai bến nước những xa trông.  
Tại con thanh-diều đi làm lối,  
Hay dúa đồ-mi chậtm trồ-bóng.

Xuân kết thu qua chờ đợi mãi,  
Bạc đầu e nỗi qua thay lòng.

Ung-Bình Thúc-Gia-Thị

Chị em có cả một mình không,  
Bán mấy náo ai biết giá chồng.  
Chín lớp trôi đầu trời cũng muôn,  
Bốn mùa mỗi mắt đá còn trông.  
Quá rầm trăng dễ tròn hin bóng,  
Lỡ lúa cây đà trăng toát bóng.  
Ông huyền Ba La (1) đầu gấp gỡ,  
Tương-tư một gánh nhẹ bằng lòng.

Tam-Xuyên Tôn-thất-Mỹ

Nghĩ nỗi tư duyên há nhẽ không?  
Bơ vơ bến nước biết ai chồng?  
Màn loan lạnh léo năm canh đợi,  
Khúc phụng mơ màng bốn bề trông.  
Non đóng rêu xanh mòn mỏi đá,  
Đòng trời lá thâm ngậm ngùi bóng.  
Biết đâu mà hỏi Ba-la Huyền,  
Không hở tình riêng chút mảy lòng.

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

Thi-sĩ Thảo-Am Nguyễn-khoa-Vy cũng có làm một bài thơ với đầu - đề như trên, trong đó mỗi câu còn có nói lái nữa, thật là tài tình

(1) Bông-Lông xã, Ba-la huyền.

(xin xem bài « *chơi chữ và nói lái* » ở trên).

Có trường-hợp con gái không có chồng mà mẹ cũng không có (vì chồng đã hay góa chồng). Một hôm, con gái ngỏ ý với mẹ muốn lấy chồng, thì mẹ cho con hay rằng mẹ cũng có ý muốn như con. Do đó, mới có câu ca-dao hài-hước :

« *Mẹ oi, con muốn lấy chồng,*  
 « *Con oi, mẹ cũng một lòng như con.* »

Gợi ý bởi câu ca-dao trên, ông Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm đã có bài thơ :

*Mẹ đây cũng rứa ô con oi!*  
*Con hờ tình riêng mẹ hờ hơi.*  
*Ý mẹ toan day thuyền bá đậu,*  
*Xuân con nào đê quả mai rơi.*  
*Gặp tuần trăng tối con ưng giỗn,*  
*Sợ nỗi hoa tàn mẹ phải chơi.*  
*Con muốn cái gì mà mẹ chẳng,*  
*Ai thương con ruột mẹ đi mời.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

Thế rồi, có khi cả hai mẹ con, kẻ trước người sau, đều đi lấy chồng và sau đó ít lâu, cũng đều có thai. Do đó, mới có các câu ca-dao châm-biếm như sau :

« *Mẹ oi, con đã có thai,*  
 « *Con oi, mẹ cũng một vài tháng nay...*  
 « *Mẹ oi, con đã gần ngày*  
 « *Con oi, mẹ cũng không dày thi mai.* »

## TOÀN - VIỆT VẬN - TẢI CÔNG - TY

All Vietnam Transportation Company, LTD (Avitrans)

Công - Ty trách - nhiệm hữu - hạn, vốn : 150.000.000 \$

ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA  
CÁC LOẠI TÀU SẮT  
TỐI 2,500 DWT VÀ  
TÀU FERRO - CEMENT  
TỐI 500 DWT.

BỐC DỠ HÀNG TẠI  
CÁC HẢI CẢNG VÀ  
VẬN TẢI ĐƯỜNG  
THỦY, ĐƯỜNG BỘ  
TOÀN CỐI VIỆT NAM.

Trụ sở : 165 Công-Lý—Saigon — Việt-nam — Đ.T: 93.469  
Chi nhánh miền Trung : 2 Gia-long (Hải-cảng) Qui-nhơn  
30 Phan-dinh-Phùng, Đà-nẵng

Thủy-xưởng và cơ-xưởng :

Xã An-Khánh Quận 9, Saigon

Địa chỉ điện tín : AVITRANS SAIGON

## Hàng TÂN - QUANG

VẬN CHUYỀN - VẬN TẢI - ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI

GIÁM - ĐỐC : PHAN - VĂN

NHẬN CHUYỀN CHỞ :

HÀNG HÓA — THỰC PHẨM — TIẾP TẾ

Từ Saigon đến Đà-nẵng, từ Đà-nẵng đi các nơi

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG :

Trong mọi dịch vụ thương mại tại Saigon

SAIGON

114 Hồ-văn-Ngà  
Đ.T.: 92.127

ĐÀ NẴNG

38 Nguyễn-thị-Giang  
Đ.T.: 20.300

CHOLON

958 Nguyễn-Trãi  
Đ.T.: 50.924

HUẾ: 23, Huỳnh-thúc-Khang

## THÁM HIẾM CUNG TRĂNG

Từ khi các phi-hành-gia Mỹ dùng phi-thuyền «APOLLO» đồ bô nhiều lần lên mặt trăng và lấy đá ở đó mang về trái đất thí-nghiệm, nhiều thi-sĩ Việt-Nam đã sáng-tác thi-văn để ca tụng các thành-tích phi-thường ấy.

Riêng các thi-sĩ Cố-đô Huế, họ cũng tỏ ý rất thán phục thành-tích của người Mỹ. Nhưng có một số lại băn khoăn lo cho số phận của chị Hằng-Nga (1) ở trên cung trăng, có gìn giữ được nguyên vẹn sự trong trăng của mình trước

---

(1) Sách «Hội-Nam-Tử» có chép rằng Hậu-Nghệ xin được thuốc trường-sinh của Tày-Vương-mẫu giao cho vợ là Hằng-Nga cất giữ. Nhưng khi nghe tin chồng làm phản, Hằng-Nga liền lấy thuốc tiêm uống hết và thành tiên bay lên cung trăng.

sự thám-hiểm của các phi-hành-gia Mỹ hay không.  
Do đó, thi - sĩ Quỳ - Ưu đã sáng - tác bài thơ  
sau đây :

### THÁM HIỂM CUNG TRẮNG

*Chị Hằng ơi hỡi chị Hằng ơi !  
Hỏa - tiễn «Bồ-Lô» xáp chị rồi.  
Điện Quế xưa không người đến viếng,  
Cung Thiểm nay có kẻ lén chơi.  
Trắng trong khó giữ thân ngà ngọc,  
Tròn khuyết đà phơi chổ lõm lồi.  
Thám - hiêm khá khen tài mạo-hiêm,  
Tỏ mờ thấy rõ cả đôi nơi.* (1)

Quỳ-Ưu

---

(1) Mặt trắng chia ra hai phía; phía sáng mãi và phía tối mãi.

## HAI CẢNH CHẠY LOẠN

Trong dòng lịch-sử, người dân xứ Huế đã trải qua biết bao nhiêu là biến-cố thê thảm, trong đó họ đã phải gánh chịu biết bao nhiêu là đỗ nát và tang tóc, điển-hình nhất là biến-cố «THẤT THỦ KINH-ĐÔ» năm 1883 và biến-cố «TẾT MẬU-THÂN» năm 1968.

Cả hai biến-cố kể trên đều được mô tả từ đầu đến cuối, với đầy đủ chi-tiết, trong hai bài vè :

- Vè THẤT THỦ KINH-ĐÔ (1.142 câu)
- Vè TẾT MẬU-THÂN (984 câu)

sáng tác, theo thể thơ lục-bát, bởi người trong cuộc, cho nên rất trung-thực.

Bài vè trên, không rõ ai là tác-giả, đã được Ty Thông-tin Huế ghi lại và ấn-hành theo lời nói về của ông Lão Mới, người Thừa-Thiên, lúc ông

này đã 85 tuổi (ngày nay chắc đã qua đời rồi). Còn bài về dưới thì do ông Đạm-Hiên Nguyễn-  
ngọc-Sinh sáng-tác vào khoảng tháng 6 năm 1968  
(chưa được ấn-hành). Ông Sinh cũng là người  
Thừa-Thiên, hiện đang sống ở Saigon.

Trong khuông-khổ nhỏ hẹp của tập sách này,  
tôi không thể đăng tải lại trọn vẹn tất cả hai bài  
về vì quá dài, mà chỉ chọn để ghi lại, trích ở  
mỗi bài, đoạn mô tả cảnh chạy loạn của người  
dân xứ Huế trong hai biến-cố nói trên, để độc-giả  
có dịp so sánh những nỗi thảm khốc mà người  
dân ấy đã gánh chịu trong hai cuộc chiến-tranh  
xảy ra tại Cố-Đô cách nhau khoảng 85 năm. Mặc  
dầu tả nỗi khổ cực của kẻ chạy loạn, tác-giả của  
mỗi bài về cũng đã tỏ ra được, trong nhiều đoạn,  
một tinh-thần trào-phúng nhẹ nhàng và kín đáo  
mà ai cũng có thể nhận ra được. «Cười ra nước  
mắt» là thế đó.

### CẢNH CHẠY LOẠN NĂM 1883

•  
*Trong thành ai cũng ngất ngorse,  
Giặc đánh bốn giờ thiên hạ suy vi.  
Đốt từ Chợ Mới đốt đi,  
Hai bên phường phố vây thi phán vân.  
Kinh-thành nó đốt lẩn lẩn,  
Đốt dài Long-Võ, đốt lẩn Triệu-Phong.  
Thiên-hạ ai cũng đau lòng,  
Cửa nhà đốt hết, nó mong hại mình.*

Bồ Bình, Bồ Lại, Bồ Hình,  
 Quán khách Gia-Hội, Ba-Định, Đống-Ba.  
 Nhân-dân cứ chạy dần ra,  
 Phố phường hai dãy cháy mà tan hoang.  
 Đi qua một chuyến đò ngang,  
 Tiền đồng, bạc lượng, thuê hàng cả cây.  
 Ai ai cũng sợ súng Tây,  
 Bắn lên một phát, đạn bay rầm trời.  
 Thiên-hạ ai cũng chơi voi,  
 Kinh-lành thất thủ đồi dời về quê.  
 Hai hàng nước mắt đầm đì,  
 Cửa nhà cũng bỏ, ra vè tay không.  
 Giàu thời bạc lượng tiền đồng,  
 Sở sa gấm nhiễu đều cùng bỏ đi.  
 Trời cho Tây thạnh mìn suy,  
 Quan quan chạy trước, mình thì chạy sau.  
 Người nghèo cho chí kẻ giàu,  
 Phố phường, quan khách chạy sau hằng hà.  
 Người thời ra cửa Đống-Ba,  
 Kêu nhau mà chạy như ca chết lòng.  
 Súng Tây hồn bắn đúng đúng,  
 Đồn dài tan nát khô trong nước nhà.  
 Người thời ra cửa An-Hòa,  
 Người thời ra cửa vây mà Chánh-Tây.  
 Lên thành mà lại xuồng dây,  
 Sẵn tay rót xuồng oan rày hối oan.  
 Trách trong quan Tương không troan,  
 Trong thành thiên-hạ chết oan đã nhiều.  
 Súng mìn họ bắn phiêu phiêu,

Súng Tây bắn nhiều chết hết người ta.  
 Quản bao của cải cửa nhà,  
 Đắt con dùn mẹ chạy ra khỏi thành.  
 Đàm - bà bỏ cùi bỏ canh,  
 Bỏ buôn bỏ bán trong thành mà ra.  
 Khỏi thành tìm mẹ tìm cha,  
 Tìm con tìm vợ kêu la tìm chồng.  
 Súng Tây nó bắn đúng đúng,  
 Bắn bè thiên-hạ hải hùng như chim.  
 Thợ may mắt kéo mắt kim,  
 Thợ rèn mắt búa mắt kìm nhôn nhan.  
 Thợ mộc mắt đục mắt chàng,  
 Cưa bào cũng mắt, khó toan lẽ gì.  
 Thợ cưa, cưa cũng mắt đi,  
 Công lurng mà chạy, vây thi mô mô.  
 Thợ chạm thi cũng mắt đồ,  
 Mắt chàng, mắt đục, lấy mô mà mần.  
 Thợ kim-hoàng mắt đá, mắt cân,  
 Có vàng khốn thử, phân vân việc đời,  
 Thợ xa-cù mắt bướm, mắt dơi,  
 Mắt đế, mắt đùa, sự đời khó toan.  
 Thợ bạc mắt bông, mắt vàng,  
 Bỏ lò, bỏ bệ, khó toan lẽ gì.  
 Thợ thiết thùng kéo bỏ đi,  
 Bao nhiêu lầy được khoanh chì mà thôi.  
 Thợ đúc mắt chảo mắt nồi,  
 Thảm thương thợ bồi mắt tượng lưỡng long,  
 Thợ nề mắt phụng mắt rồng,  
 Mắt bay mắt búa giận cùng ông Tây.

Thợ xây thành mắt nhợ mắt dây,  
 Thăng bằng khó nhăm vì Tây đó mà.  
 Thợ giày mắt kéo mắt da,  
 Mắt chui, mắt díp nghĩ đà bát nhơn.  
 Hây còn một nỗi thợ sơn,  
 Mắt son, mắt phấn giận hòn ông Tây.  
 Thợ sáo mắt nhợ mắt dây,  
 Mắt đồ chàm lồng, thay Tây (cũng) chưởi chàng.  
 Thợ nhuộm mắt mái mắt thùng,  
 Quặng sáo quặng nạng khô trong đạo đời.  
 Thợ thêu mắt bướm mắt dơi,  
 Cơ đồ bát bửu, nghĩ đời thảm thương.  
 Thợ lược cùng với thợ gương,  
 Nghè nghiệp cũng bỏ ra đường kêu ca.  
 Thợ ngọc cùng với thợ ngà,  
 Công lung mà chạy kêu là mắt đồ.  
 Thợ đá tìm Quặng mà vồ,  
 Bao nhiêu đục búa, bỏ hồ Cầu Kho.  
 Thợ lại bỏ bệ bỏ lò,  
 Quặng kèm quặng búa mǎn tro cǎ nhà.  
 Thợ tiện mắt soi mắt da,  
 Bao nhiêu soi quét, vạy mà cũng đồi.  
 Thầy thuốc hàm-tử bỏ rồi,  
 Dao cầu cũng bỏ, quyết lối (quyền) sách truyền.  
 Thầy pháp thì mắt trống mắt tang,  
 Thầy tu mắt mù, áo ba-tràng cũng bỏ đi.  
 Thầy bô-thủy mắt gươm hành-trì,  
 Mõ còi cũng bỏ, biết láy chi mà trừ.

Bà bóng bàn tịnh cưng hư,  
 Chàng mà xa bóng nay chử lẻ đỗi.  
*Gia-tài sự-nghiệp bỏ rồi.*  
 Khen anh thơ vayah mà lối (được cái) dao tàu.  
 . . . . , . . . . .

### CẢNH CHẠY LOAN NĂM 1968

. . . . .  
 Khói un lửa dậy mít trời,  
*Nhân-dân chạy loạn tai bời lá hoa.*  
 Cháu thơ lèn mền cổng bà,  
*Chồng xiêu vợ lạc kêu la kiếm tìm.*  
 Đào thơ chân yếu tay mềm,  
*Bay hồn, chị kéo bùa em chạy ào.*  
 Cảnh tình thảm thiết đường bao,  
*Con thơ lạc lõng, khóc gào mẹ cha.*  
 Ngoài thành : Gia-Hội, Đông-Ba,  
*Bờ phuờng bỏ phố, xuống phà qua sông.*  
 Nước sâu, sông rộng mênh mông,  
*Gió xao, sóng lượn, người đông, đò đầy.*  
 Thật là thảm não vây thay,  
*Loạn kia khủng khiếp, nạn này hiểm nguy.*  
 Tháo thán, thục mạng chạy đi,  
*Không qua sông biết chạy đi phương nào ?*  
 Đò giang, thuyền bến lao xao,  
*Trùng triềng, nghiêng úp, xiết bao đoạn sầu !*  
 Phủ-Cam, An-Cựu, đâu đâu,  
*Lò-Rèn, Bến-Ngự, chung sầu nước non.*

Nam-Giao cho chí Cầu Lòn,  
 Chợ Cổng, Vỹ-Dạ, đến Cồn-Hến kia  
 Dưới vòm súng bắn đạn ria,  
 Khác nào cá lội trong đìa, hoang mang.  
 Than ôi ! Như kiến uất hang,  
 Như ong vỡ ô, chàng ràng xôn xao,  
 Người già ốm, khổ xiết bao,  
 Vẫn dài lệ nhõ, thấp cao chân trần.  
 Có người thai nghén gần ngày,  
 Vai mang, tay lại dắt bầy con thơ.  
 Xor ro, hồn hồn, bơ phờ,  
 Lỡ khi sinh nở, biết nhở vào đâu.  
 Tưởng xuân hồng tía mòn màu,  
 Nào hay xuân những thảm sầu bi thương !  
 Chiến-tranh lan đến phố phường,  
 Dân lo lánh nạn tìm phương bôn đảo.  
 Ừa vào nhà lớn lầu cao,  
 Hằng hà, hồn loạn, nói sao cho cùng.  
 Thiên-Hựu, Cửu-Thế, Trường Dòng,  
 Phân-khoa, Sư-phạm, Bán-Công đầy người.  
 Quốc-Học, Đồng-Khánh như ruồi,  
 Nông-Lâm, Kỹ - Thuật. kẽ thoi : muôn ngàn.  
 Vứt bùa, quăng ầu, nắm càng,  
 Củi than, thúng gióng, chấn màn, bị bao.  
 Tiếng than thở, tiếng kêu gào,  
 Mỗi ngày mỗi cú tràn vào thêm đông.  
 Nở đánh chi bấy Hóa-Công !  
 Tả khong đủ chữ, nói khong đủ lời.  
 Uống ăn, nấu thoi lôi thoi :

Bếp lò, chén bát, mâm nồi bát huây.  
 Năm co, ngồi xồm, khổ thay :  
 Kẻ kia đầu ngược, người nẩy chân xuôi.  
 Già nua tóc bạc da mồi,  
 Đặt lưng không chỗ, ngủ ngồi thâu canh.  
 Đỗ lòm, con trẻ sơ sanh,  
 Mời lợt lòng mẹ, tội tình chi vay !  
 Lỡ nuôi sưa hộp bấy nay,  
 Gui-gô, can-bét, nước này tìm đâu ?  
 Ôm con hởi hởi đêm thâu,  
 Con gào khản cổ, mẹ sầu chửa chan.  
 Phải chăng ? Địa-ngục trần-gian,  
 Mời là dày ải, khổ oan đường này.  
 Lại còn khôn khổ đắng cay,  
 Vệ-sinh không chỗ, tảo bày cùng ai ?  
 Trẻ già cho chí gái trai,  
 Bừa trong bếp nước, vầy ngoài hiên sân !  
 Có lâm vào cảnh gian-truân,  
 Mời tướng hai lẽ : phong-trần, thanh-cao.  
 Ngắn hơi hết nỗi kêu gào,  
 Từng trên thăm thẳm xanh cao có tướng.  
 Khoanh ngồi bó gối tư lương,  
 Gãm câu «thể-sự vô thường» mà kinh.  
 Tai ương xây đến thịnh linh,  
 Ai ngờ đến nỗi phận mình ra ri.  
 Nào khi hờn thiệt, thị phi,  
 Tranh đua quyền-lợi suy bì lợi danh.  
 Giàu nghèo, trong đục, nhục vinh,  
 Thanh thô, quí tiệm, rách lanh, dại khôn.

Bây giờ súng dục lửa đồn,  
Đâu còn ganh tị, đâu còn đua tranh.  
Nào khi tần tako, kinh doanh,  
Lật trời đồ nước, tìm vành ấm no.  
Tay không quyết vả nén hòn,  
Dời non tắt biển cơ-đồ mỹ quan.  
Bây giờ đạn quét lửa càn,  
Xui nên ma dại thân tàn long dong.  
Bao nhiêu cửa, bấy nhiêu công,  
Bỗng dung phủi sạch tay không một giờ.  
Bao nhiêu săn-nghiệp cơ-đồ,  
Bỗng dung thành một giặc mờ ly-kỳ.  
Bây giờ trong cảnh gian nguy,  
Cũng đều chui rúc, cũng đều sợ lo.  
Cũng thì chung một chuyền đò,  
Cũng thì biển rộng sóng to chòng chành.  
Cũng thì ở lẩn nấp quanh,  
Cũng thì áo rách chiếu manh, nhijn nhường.  
Cũng thì tắm gió gội sương,  
Xác thân xài xể, tâm trường tái tê.  
Ngày đêm lửa đạn tư bè,  
Ngủ không yên giấc, ăn hè ngon đâu.  
Ngày tàn rồi lại đêm thâu,  
Tiếng than trời rúng, giọt châu trăng mờ.  
Lê la, chung chạ, bắn đor,  
Tâm thân ở đâu ăn nhở ra chi.  
Nhờ tay cứu khồ phò nguy,  
Nhờ ơn cứu tể, qua kỳ lênh đênh.  
Nhờ ơn những lầm lá lành,

Bọc đậm lá rách trong tình xót thương.  
 Ở trong Thành-Nội mười phuờng,  
 Cũng như cá chậu, tung đường chạy quanh,  
 Lửa binh, súng đạn vây doanh,  
 Mạng treo sợi tóc, mong manh thay là.  
 Trông chừng Thương-tú, Đông-Ba,  
 Ủa nhau đều định chạy ra ngoài thành.  
 Cửa thành đã bị nghiêm canh,  
 Chạy ra chẳng được, phải đánh lén vồ.  
 Cửa Ngăn, cửa Hữu, Nhà-Đồ,  
 Thảy đều nghiêm cấm, chẳng cho ra vào.  
 Than ôi ! Biết liệu làm sao ?  
 Khốn lui, khốn tới, khốn vào, khốn ra.  
 Chánh-Tây và cửa An-Hòa,  
 Là nơi trận chiến, nghe ra hãi-hùng :  
 Là nơi đấu hồ tranh long,  
 Âm ầm động địa, dùng dùng kinh thiên.  
 Là nơi thủ hiềm công kiên,  
 Bên nguyên tám lang, bên tuyễn nửa cân.  
 Là nơi khốc qui kinh thần,  
 Giành đi giật lại, bao lần lại qua.  
 Người bàn vào, kẻ tinh ra,  
 Cũng đều lo chạy tránh xa khỏi tầm.  
 Sau nghe dân chúng thì thầm :  
 Khu Tảng-Thơ với Tịnh-Tâm an toàn.  
 Chung quanh Tư-Lệnh Sư-doàn,  
 Toàn vùng quân-đội bảo toàn an-ninh.  
 Cầu Thanh-Long đến Bao-Vinh,  
 Quanh ra Cửa Hậu, Phú-Bình đều yên.

Đồng bào hợp chợ thường xuyên,  
 Bán buôn tấp nập chẳng phiền lo chi,  
 Nghe qua, nhảm mắt liều đi,  
 Thiên-Đàng, địa-ngục rồi thì sẽ hay.  
 Tìm nơi tránh nấp qua ngày,  
 Đến đâu hay đó, rủi may nhờ trời.  
 May thay khi chạy đến nơi,  
 Thị ra khu-vực được trời còn thương.  
 Người đông tràn đất chật đường,  
 Ưng dung tự-tại, bình thường vô lo.  
 Thật là trời để dành cho,  
 Một vùng an-lạc chẳng lo tai nạn.  
 Sự đời nhiều nỗi đa đoan,  
 Có người tiễn thối lưỡng nan, hai diều.  
 Không đi, thấy rõ hiềm nghèo,  
 Lửa giang trước mặt, đạn veo trên đầu.  
 Muốn đi, nào có được đâu :  
 Đằng trước trở ngại, đằng sau canh phòng.  
 Đánh liều ở lại cho xong,  
 Đào hầm lạm nấp trong vòng quyến-nghi.  
 Đưa chân nhảm mắt qua thi,  
 Rủi may tại số, ở đi tùy thời.  
 Dưới hầm, hầm mấy ngày trời,  
 Mắt mờ tai diếc, ngày thời như đêm.  
 Điện hư, nước tắt khôn tìm,  
 Nắng nè mày mắt, lấm lem áo quần.  
 Hai ba ngày, nấu một lần.  
 Chỉ lo sợ dối cho phàn trẻ con.  
 Người lớn ruột héo gan mòn,

Miếng ăn miếng uống nào còn thiết chí,  
 Đã dành tuyệt vọng nan kỵ,  
 Mười phần hết chín còn gì mà mong.  
 Một mù hai chục ngày ròng,  
 Ngày hăm hai bỗng quanh vùng dục nhau.  
 Dục rồng: hagy chạy cho mau,  
 Nách mang đội xách, trước sau rùng rùng.  
 Ngọn nguồn chẳng rõ dục trong,  
 Cùng ùa theo chạy, chạy cùng một phương.  
 Ngõ tìm sanh lộ nau nương,  
 Lo thân, nào dám doái thương cửa nhà.  
 Khỏi vùng « cẩm-dịa » đã xa,  
 Hú hồn, mới chắc rồng là sống dây.  
 Sợ đời nghĩ thật lá lay:  
 An nguy, họa phước, dở hay khôn lường.  
 Rồng, lén, con nước bắt thường,  
 Phận bèo, càng nghĩa càng thương phận bèo.  
 Nước lén, bèo cũng lén theo,  
 Mà khi nước rặc, thì bèo cũng xuôi.  
 Khi tìm được chỗ yên nơi,  
 Tâm thân, hồn phách phục hồi vài phân.  
 Được may thoát khỏi tử-thần,  
 Thân hình rủa ráy, áo quần giặt phơi.  
 Tưởng là hy-vọng tuyệt rồi,  
 Ai dè nay được gặp nơi an toàn.....

Chúng ta ước mong rồng HÒA-BÌNH vĩnh  
 cửu sẽ chóng đến với chúng ta để cho những  
 cảnh tượng chạy loạn đầy thảm khốc bi thương,  
 được mô tả trên đây, không còn bao giờ diễn ra  
 trên mảnh đất miền Nam thân yêu này nữa.

## THƠ ÁM-DỤ

Dưới chế-độ phong-kiến, thực-dân hay độc-tài, các nhà thơ trào-phúng Việt-Nam thường dùng phương-pháp « ám-dụ » để biếu thị thái-độ của mình trước thời-cuộc. Để châm-biếm hay đả-kích một chế-độ hay một nhân-vật đương quyền mà họ chống đối, họ phải nói bóng nói gió, nói việc nọ để ám-chỉ việc kia, vì họ sợ những tai họa mà kẻ có quyền có thể đem đến cho họ. Phương-pháp « ám-dụ » là một lợi-khi của kẻ yếu để chống lại kẻ mạnh vậy.

Thí dụ nhà thơ Nguyễn-Khuyễn (1835-1909 — Hà-Nam) muốn trào-lộng bọn tham quan ô-lai nhan nhản ở thời ông, đã không lôi thẳng chúng ra trước tòa-án dư-luận, mà lại gián-tiếp đả-kích chúng bằng cách miêu-tả việc Thúy-Kieu bán

mình-lấy tiền đút lót cho bọn quan lại để chuộc tội cho cha :

*Thắng bán tơ kia dở dỗi ra,  
Làm cho bạn đến cụ Viên già.  
Muốn xong phải kiểm ba trăm lang,  
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.  
Đón khách mượn màu son phấn mị,  
Bán mình chuộc lấy tội tình cha.  
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?  
Đời trước làm quan cũng thế a !*

Câu kết « Đời trước làm quan cũng thế a ! » thật là mỉa mai chua chát. Đời trước làm quan mà còn ăn của đút, thì đời này — đời Nguyễn-Khuyến — làm quan lại càng hay ăn của đút. Nguyễn-Khuyến đã tố cáo bọn tham quan ô lại thời ông bằng cách giêu cợt bọn tham quan ô lại đời Gia-Tỉnh Triều Minh ở bên Tàu.

Các nhà thơ trào-phúng của cố-đô Huế cũng hay dùng phương pháp « ám-dụ » để biễu lộ thái-độ của mình. Xin ghi lại dưới đây một số bài thơ đáng lưu ý mà họ đã dựng lên theo phương-pháp ấy :

### *THO' ĐÁ - KÍCH BỌN THAM - NHỦNG*

#### *VỊNH CÔN RẬN*

*Chuột xạ đời phen đã khoét đào,  
Lại thêm loài rận ở trong bâu !*

*Áo cơm trên Chúa nhở no ấm,  
Máu mủ ngoài dân húi tồn hao.  
Xếp giáp khi an na bụng tối,  
Giấy binh lúc động thuat đầu vào.  
Cơ chi ta đãng quyền xanh vạc,  
Trứng mén nhà bây diệt tận phao.*

Đặng-đức-Siêu  
(dưới Triều vua Gia-Long)

### BÙNG BINH

*Chỉ biết tiền thời có biết gì ?  
Bụng to mà miệng thi thi thi.  
Chành bánh ra thế deo ăn mãi,  
Đút nhét vô thời chẳng nói chi.  
Mấy thuở đua tài người gọi tướng,  
Cả đời giữ của mọi là mi.  
Lâu nay lúc lắc nghe chừng đã,  
Lúc lắc nghe nhiều phải đập đi.*

Mộng-Phật Tôn-thất-Diệm

### BA-NHE (1)

*«Ba-nhe» nay mới đổi tên nầy,  
Ké cắp ngày xưa cũng lui mày.  
Mắt ngược mắt xuôi cò lén tép,  
Chân sau chân trước khi leo cây.*

---

(1) «Ba-nhe» : do tiếng pháp «panier», chỉ những tên đội rổ muôn, ăn cắp ở chợ Đông-Ba (Huế).

*Bà già gấp gỡ trời chưa sút,  
Hàng xóm lao xao chợ đã dày.  
Ghé nữa «ba-nhe» cao-đẳng tột,  
Cắp ban đêm lại cắp ban ngày. (1)*

Sào-Nam Phan-Bội-Châu

### RÁC ĐÔ-THÀNH

*Rác rến sao mà lấm vạy ôi !  
Hốt hoài hốt mãi vẫn không voi.  
Lảng xanh dựa thế tha hồ bám,  
Chuột cổng xu-thời mặc sức xơi,  
Ăn bẩn muỗi mòng đâu biết lợm,  
Rúc bùn giòi bọ quắn gì hôi.  
Một mai sở Rác canh-tân lại,  
Quét sạch Thành-dô lũ nhặng ruồi !*

Hương-Thủy

**THƠ ĐÁ-KHÍCH CHẾ-ĐỘ  
ĐỘC-TÀI VÀ BÙ-NHÌN**

**ĐẦU NĂM XEM HÁT BỘI**

*Sao bỗn tuồng xưa cứ diễn hoài ?  
Diễn đi diễn lại quá nhảm tai !*

(1) Cắp ban ngày: do câu ca-cao:

«Con di con nhớ điều này :  
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.»

*Đỗ đen lui tới chùng dăm mặt,  
Trung nịnh ra vào vẫn mấy vai.  
Trống gióng chiêng khua nghe đã rộn,  
Đào già kép lở ngó càng gai.  
Thôi về đi ngủ chờ ban khác,  
Trót dài toi tiễn biết hỏi ai ?*

Hương-Thủy

### NON NƯỚC

*Non vẫn còn đây nước vẫn đây !  
Cớ sao non nước hận với đây ?  
Triều dâng Bến-Hải ngắn bờ cõi,  
Lửa đây Hoành-Sơn loạn cỏ cây.  
Rú động tiều-phu còn ăn mặt,  
Sóng xan ngư-phủ chửa ra tay.  
Sài lang kính ngạc dù thao túng,  
Mắc lưỡi vương tên hẳn có ngày !*

Hương - Thủy

### HÁT BỘI TRÀNG-AN

*Ba hồi trống đồ, tiếng hô ran,  
Áo mũ lô nhô kéo một đàn.  
Vương tướng mấy vai thừa sự-nghiệp,  
Triều-dình một góc đủ giang-san.  
Tuy không thi-cử không suru-thuê,  
Mà cũng cân-dai cũng lọng-tàn.  
Làm cái trò chơi thiên-hạ ngó,  
Hỏi rằng chi đó ? — Bội Tràng-an.*

Cao-xuân-Đăng

**THƠ ĐÁ - KÍCH BỌN TAY SAI CỦA PHÁP**

**CON NỘM NAN**

*Dị doan truyền thuở chú Tàu sang,  
Lưu vết thần-quyền cái nوم nan.  
Mặt vẽ mà y râu trông nhẵn nhụi,  
Sườn mang xiêm áo ngó xuê xoang.  
Tô son điểm phấn trông hào nháng,  
Có óc không hồn khéo dở dang.  
Linh ứng nhờ tay thầy Pháp thỗi,  
Bày trò mê tín nhử dân-gian.*

Quỳ-Uu Nguyễn-đôn-Dư

Câu thơ thứ bảy của bài thơ trên: «*Linh ứng nhờ tay thầy Pháp thỗi*», ám-chỉ bọn tay sai của Pháp, thật là tuyệt diệu: hai chữ « thầy Pháp » hiểu theo nghĩa nào cũng được, thầy pháp đi cúng đê trù ma quỷ hay thầy Pháp là quan thầy Pha-lan-Sa

Năm 1933, sau khi nhà học-giả Phạm-Quỳnh được vien - Toàn - quyền Đông - Dương Pierre Pasquier đưa từ ghế chủ-bút tạp-chí Nam-Phong ở Hà-nội lên ghế Thượng-tho ở Huế, có nhiều bài thơ châm-biếm ra đời ở cố-đô, không biết tác-giả là ai. Xin ghi lại sau đây ba bài chua chát nhất :

## CÁI DIỀU

*Tung hoành đứng tướng gấp hồi may,  
Có biết vì đâu sáng-lạo mày ?  
Thân phận chắc chỉ tờ giấy bǎn.  
Tơ duyên chừng cậy sợi dây day !  
Mà toan ngắt ngưỡng trời mây ấy,  
Lại chực vo ve đất nước này.  
Lên lâm ông cho rồi có lúc,  
Một con mura nhỏ biết nhau ngay.*

## ÔNG TÁO

## I

*Cục đất ngày xưa nó thế nào ?  
Nay làm ông Táo chức quyền cao,  
Khéo đem mặt lợ vênh vang thế !  
Chẳng hồ lung khóm khummings nǚm sao ?  
Ngày những giữ nội cho địa-chủ.  
Quanh năm kiểm chuyện mách Thiên-tào.  
Một mai đất lại thành ra đất,  
Cái dây chè xôi đáng giá bao ?*

## II

*Táo-quân thế cũng lướt trời phong,  
Chấp chưởng làm chi giữa cõi Đông ?  
Nồi gạo lo toan ngày sơ hỏng,  
Hơi đồng liếm láp bừa ngồi trông.  
Oai quyền xó bếp vui chi đố,  
Đè nén trên đầu có biết không ?*

*Lành dũ việc đời sao ngậm miệng,  
Nực cười cục đất nắn ra ông !*

Vô-danh-thị

Hai câu thư thứ tư và thứ sáu của bài thơ «Ông Táo» trên đây : «Chẳng hồ lung khóm khúm num sao ?» và «Quanh năm kiếm chuyện mách Thiên-Táo», thật là đặc địa, vì ám-chỉ ông Phạm-Quỳnh có cái lunge hơi gù và làm mệt-thám cho Pháp.

### **THƠ ĐÁ-KÍCH HỌ NGÔ-ĐÌNH**

### **CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT**

*Đục khoét xura rây nûp ở đâu ?  
Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao.  
Đương oai bà Hỏa vừa lên mái,  
Khiếp vía ông Thiêng với ló đầu.  
Rutherford cột rã rời phơi mặt địa,  
Cổng chù quay quắt chõng hàm râu.  
Tai bay vạ gió đà ra rứa,  
Chỉnh nếp dòm vô đã sạch lâu !*

Quỳ-Uưu Nguyễn-đôn-Dư

Bài thơ trên ám-chỉ việc dinh Độc-Lập dưới chế - độ Ngô-đình-Diệm bị hai phi công Phạm-phú-Quốc và Nguyễn-văn-Cử oanh tạc gây nên hỏa hoạn.

\* \* \*

Trong ngạch quan lại dưới thời Pháp thuộc, việc thăng thường thường thường cẩn cứ vào thần-thể, vây cánh, tiền bạc, và nhất là sự đùm bọc của các quan thầy Bảo - hộ. Có tài, có đức mà không có thần-thể hay không chịu đút lót, thì đành ngồi y một chõ. Thời đó, Ngô-đình-Diệm, với cái học-lực nồng nỗi, chỉ nhờ sự nâng đỡ của quan thầy Pháp mà tiến rất mau trên con đường công-danh: từ một chức tri-huyện tiến đến địa-vị một đường-quan (Tuần-vũ Bình-thuận rồi Thượng-thơ Bộ Lại), chỉ trong vòng chừng mười năm mà thôi.

Vì thế, một ông quan thời đó, quá uất ức về sự bất công trong hoàn-trường, đã làm bài thơ dưới đây để châm-biếm sự thối-nát của Nam-Triều :

### LÀM QUAN NAM-TRIỀU

*Lệnh dênh chiếc bách buỗi ba-đào  
Chèo lái xem chừng khó biết bao !  
Tôi tờ mấy người đáng lẽ hậu,  
Quan thầy lắm kẻ nặng hẫu bao.  
Chặt trong bè hoạn thêm mình nữa,  
Theo hết rùng Hán (1) biết kiếp nao ?*

---

(1) Rùng Hán là phầm-trật Hán-Lâm trong ngạch quan lại.

Vây cánh Ngô-đình ghê gớm thật,  
Mềm lung dẻo gối chóng lên cao !

(Vô-danh)

Ngô-đình-Cần, em Ngô-đình-Diệm, được dân-chúng cỗ-đô tặng cho cái danh-hiệu «Hùm xám miền Trung» vì Cần đã có những hành-vi rất tàn ác đối với những người đối-lập với chế-độ. Do đó, một thi-sĩ vô-danh ở Huế đã sáng-tác bài thơ :

### VỊNH CHUỒNG CỘP

Kia xem chú cọp vè vang thay !  
Sảnh rộng, thèm cao ngự bấy nay.  
Một kiếp tàn hung hùm xám đó,  
Muôn dân ghê rợn ác ôn nầy !  
Chầu hầu bao kẻ không gần mặt,  
Thăm viếng nào ai dám bắt tay.  
Mưa gió làm than đâu đấy mặc !  
Phòng riêng mộng ấm tháng năm chày.

(Vô-danh)

Ngô-đình-Cần có cho xây chín cái hầm dưới đất ở ngoại ô thành-phố Huế để nhốt tù chánh-trị và những kẻ mà Cần định làm tiền. Ái-Huyêñ, một nữ-sinh trường Đồng-Khánh Huế, nạn-nhân của Cần, trong khi bị giam ở «chín hầm», đã sáng-tác bài thơ :

*Trước phong-cảnh hữu tình ai có biết  
 Rặng nơi đây, địa-ngục của tràn-gian,  
 Nơi chứa chấp một chẽ-dộ bạo tàn,  
 Và cạnh đấy là cung vàng điện ngọc.  
 Du-khách hối ! Dừng lại đây nghe tiếng khóc  
 Của oan hồn tử-sĩ chết đau thương.  
 Những năm mồ vô chủ suốt đêm trường  
 Như quắn quại theo từng cơn gió buốt !  
 Trên mộng ấm kẽ bạo tàn đâu có biết  
 Bao thán người chui rúc dưới tanh hôi,  
 Và nghe hồn khóc kẽ mãi không thôi...*

### TÁC-DỤNG CỦA THƠ «ÂM-DỤ»

Thơ «âm-dụ» nhiều khi là một lợi-khí sắc bén có hiệu-quả tức thời, làm cho những kẻ hại dân hại nước phải chùn tay lại trước những lời phê phán chỉ-trích biều lộ trong các thi-ca đăng trên mặt báo-chí hoặc truyền khâu trong dân-gian. Xin đơn cử ra đây một thí-dụ :

Vào khoảng năm 1930, một tay sai đặc lực của Pháp (tên là Nguyễn - duy - Hàn) được bồ vè làm tuần-phủ tỉnh Thái - Bình (Bắc-Việt) và án thường đệ tứ đăng Bắc-Đầu Bội-Tinh.

Về Thái-Bình, để lấy lòng quan thầy Pháp, Hàn lùng bắt các nhà cách-mạng và thường dùng chày nện vào các khớp xương của họ để tra-tấn.

Nhơn đó, cụ Đồng - Giang, một cự-sĩ tỉnh Nam-Định, đã làm bài thơ dưới đây đăng vào báo

« Đông-Tây » (Hà nội) ở trang nhất, dưới cái hình của ông Hàn với lời chú : « *Quan Tông-Đốc Hàn vừa được án thưởng đệ tứ đẳng Bắc - Đầu Bộ-Tinh* », khiến cho ai cũng hiểu là bài thơ ám chỉ ông Tuần, nhất là nhờ câu « *Ở chốn rừng xanh tro xác lõi* » có ý nói ông Tuần vốn là người ở Thượng-du :

### THƠ CHÀY

*Khen ai đã khéo tạc nên chày !  
 Đau đớn cho ai chỉ vị chày.  
 Ở chốn rừng xanh tro xác lõi,  
 Về nơi dân đờ béo thân chày.  
 Trông ra tròn trăn tron lì gỗ,  
 Dùng đến hung hăng giã nặng chày.  
 Đầu có nhọn đâu mà cõi thắt ?  
 Ngán thu còn nhớ mãi tên chày.*

Bài thơ trên được truyền tụng khắp các tỉnh ngoài Bắc khiến cụ Tuần Hàn không dám dùng chày để tra-tấn các can-phạm nữa.

Sự « *lưu xú vạn niên* » bằng thi-ca là một trùng-phật còn nặng nề gấp mấy búa riu của của dư-luận đương thời đối với những kẻ hại dân hại nước, bởi lẽ những lời nguyễn rủa họ, dưới hình-thức văn-chương, còn tồn tại mãi trong sử sách.

Nhờ ở thi-ca còn còn truyền tụng mà người

dân Việt-Nam không bao giờ quên được những hành-động «mãi quốc cầu vinh» của một Hoàng-cao-Khai hay một Vi-văn-Định ở ngoài Bắc, một Nguyễn-Thân ở miền Trung và một Trần-bá-Lộc ở trong Nam chẳng hạn.

Cứ như vậy, thì thử hỏi có kẻ cầm quyền nào mà lại không sợ sự phê phán muôn đời của lịch-sử? Thế tất, họ phải đắn đo suy nghĩ nhiều trước khi có một hành-động phản nước hại dân để mưu cầu lợi riêng.

Tác-dụng của thi-ca «ám-dụ» quả thật là ghê gớm và hữu ích vậy thay !



## KẾT-LUẬN

Qua các thi-ca chọn-lọc ghi lại trên đây, chắc  
độc-giả đã nhận thức được tinh-thần trào-phúng cá  
biệt và cao độ của các thi-sĩ miền sông Hương núi  
Ngự cùng các phương - pháp nghệ - thuật tinh - vi  
mà họ đã áp dụng trong khi sáng - tác. Một số  
thi - ca ấy lại còn là những sử - liệu xác thực đánh  
dấu từng giai-đoạn lịch-sử của nước nhà hay  
nói lên tập tục của người dân xứ Huế qua các  
thời-đại.

Trong dòng lịch - sử, cố - đô Huế đã trải qua  
nhiều biến - cố thê thảm mà diên - hình nhất là  
biến - cố Tết Mậu Thân gần đây (1968), trong đó  
người dân địa - phương đã gánh chịu biết bao  
nhiều là đỗ nát và tang tóc. Mặc dù vậy, tinh -  
thần trào - phúng của họ không hề nao núng và  
vẫn còn tồn tại mãi, cũng như tinh - thần tranh -  
đấu của họ trước những bất công và áp bức, như  
lich-sử đã nhiều lần chứng minh.

Và đó chính là lý - do khiến cho chúng ta  
càng tin tưởng và tự hào ở sức mạnh tinh-thần  
của dân-tộc.

HẾT



## BẢN ĐÍNH CHÍNH

Trang	Hàng	NGUYÊN LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
17	6	lên ở tu chùa	lên tu ở chùa
20	3	xuất phủ ở riêng	xuất phủ ra ở riêng
29	1	Cao-bá-Quét	Cao-bá-Quát
29	7	chim oanh học tiếng	chim oanh học nói tiếng
43	28	Tả ngã	Tá ngã
51	25	1966	1866
53	11	Trương-quang-Đản	Trương-đăng-Đảng
71	14	nguy không được	không nguy không
122	8	lúc đó bây giờ	lúc bây giờ
122	9	cung nhân trong có	cung nhân trong đó có
125	19	Dân hương	Dâng hương
128	13	Mà cõi	Mồ côi
128	22	nỗi giết chi	nỗi biết chi
142	28	Hếu	Hụt
198	3	mấy kẻ chung chǎn chung chǎn một	mấy kẻ chǎn chung một

**TRUNG-NAM VẬN-TẢI**  
*17, Trần-Hòa — CHỢ LỚN*  
Đ.T. 52883

Đảm nhận chuyên chở hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy từ SAIGON đến các tỉnh miền Trung.

**ĐƯỜNG BỘ:** bằng xe vận tải mới, hàng-hóa được bảo đảm, giá phải chăng.

**ĐƯỜNG THỦY:** bằng các tàu NAM-QUAN, NHỰT-LÊ v...v.... giao hàng hóa lanh chóng. Mọi chi tiết xin liên lạc cùng ông TRƯƠNG-CHÍ tự MÂN.

**THẾ - GIỚI BẢO - HIỂM CÔNG - TY**  
**THE WORLD INSURANCE COMPANY**

(CÔNG-TY LE SECOURS CŨ)

Trụ Sở: 16, Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. : 20 461 - 94.482

Chi Nhánh ở Lào quoc: 42, đường Nokeo

Koumane — VIENTIANE

**ĐẢM NHẬN TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ BẢO-HIỂM**

— Xe tự động các loại. — Tai nạn lao động.

— Hỏa hoạn, Trộm cắp. — Nhân mạng.

— Thân ghe, Tàu đánh cá — Tàu cặng-duyên và viễn dương

— Hàng hóa chuyên chở đường Thủy, Bộ, Hàng không

— Trách nhiệm dân sự của Nhà trường, Thầu khoán.

Bác-sĩ, Y-tá, Nữ Hộ-sinh.

**BẢO-PHÍ NHẸ — BỒI THƯỜNG LỆ**  
**ĐẠI-LÝ KHẨP CÁC TỈNH**

SÁCH «TÌNH - THẦN TRÀO - PHÚNG  
TRONG THI - CA XỨ HUẾ» CỦA  
HOÀNG-TRỌNG-THƯỢC IN XONG  
NGÀY 10 - 11 - 1973 TẠI NHÀ IN  
TRUNG - VIỆT 170 B ĐẠI - LỘ CHI-  
LĂNG - PHÚ - NHUẬN - SAIGON  
3.000 CUỐN GIẤY THƯỜNG VÀ  
50 CUỐN ĐẶC BIỆT (KHÔNG BÁN),  
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3521/  
PTUDV/KSALP/TP NGÀY 2 - 9 - 1973.

*Thư từ liên lạc xin dè:*  
**Ô. Hoàng-trọng-Thược**  
**số 74/6 Đường Hai-bà-Trưng**  
**S A I G O N**

**GIÁ: 600\$00**

TINH THẦN TRÀO PHÚNG TRONG THI CA XỨ HUẾ  
CỦA HOÀNG TRỌNG THƯỢC  
IN XONG NGÀY 10-11-1973  
TẠI ÁN QUÁN TRUNG VIỆT  
170B ĐẠI-LỘ CHI-LĂNG, PHÚ-NHUẬN — SAIGON  
3.050 ÁN BẢN  
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3521/PTUDV/KSALP/TP  
NGÀY PHÁT HÀNH 15-11-1973